# GIAO Trinh CHU Nghia XA HOI KHOA HOC 2021

Chủ nghĩa Xã hội Khoa học (Trường Đại học Ngoại ngữ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

# GIÁO TRÌNH

# CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

(DÀNH CHO BẬC ĐẠI HỌC – KHÔNG CHUYÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ)

(*Đã sửa chữa, bổ sung sau khi dạy thí điểm*)

Hà Nội – 2019

**CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN**

Đồng chí **Võ Văn Thưởng**, Ủy viên Bộ Chính trị,

Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương.

Đồng chí **GS.TS Phùng Xuân Nhạ**, Ủy viên Trung ương Đảng,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đồng Chí **PGS.TS Phạm Văn Linh**, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương,

Trưởng Ban Chỉ đạo biên soạn giáo trình các môn Lý luận chính trị.

**CHỦ BIÊN**:

GS.TS Hoàng Chí Bảo

**ĐỒNG CHỦ BIÊN**:

GS.TS Dương Xuân Ngọc

PGS.TS Đỗ Thị Thạch

**TẬP THỂ TÁC GIẢ**

GS.TS Hoàng Chí Bảo

GS.TS Dương Xuân Ngọc

PGS.TS Đỗ Thị Thạch

PGS.TS Nguyễn Bá Dương

PGS.TS Phạm Công Nhất

PGS.TS Đinh Thế Định

PGS.TS Đặng Hữu Toàn

PGS.TS Lê Hữu Ái

PGS.TS Bùi Thị Ngọc Lan

PGS.TS Đinh Ngọc Thạch

PGS.TS Trần Xuân Dung

PGS.TS Lê Văn Đoán

PGS.TS Ngô Thị Phượng

PGS.TS Nguyễn Chí Hiếu

# MỤC LỤC

## Lời nói đầu

Chúng tôi, tập thể các tác giả biên soạn chương trình và giáo trình môn Chủ nghĩa xã hội khoa học bậc Đại học cho sinh viên các trường đại học (chuyên và không chuyên) xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới các đồng chí trong Ban Chỉ đạo biên soạn chương trình và giáo trình năm môn Lý luận chính trị, Ban Tuyên giáo Trung ương và Bộ Giáo dục và Đào tạo, cảm ơn các nhà khoa học trong Hội đồng nghiệm thu chương trình và giáo trình môn Chủ nghĩa xã hội khoa học đã giúp đỡ, tạo điều kiện để chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ quan trọng này. Đặc biệt, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các nhà khoa học, các chuyên gia trong Hội đồng nghiệm thu đã đóng góp ý kiến nhận xét, phê bình và có những ý kiến khuyến nghị để chúng tôi sữa chữa, bổ sung, hoàn thiện giáo tình sau nghiệm thu, phục vụ đợt tập huấn giảng viên Đại học theo chương trình, giáo trình mới.

Tập bản thảo giáo trình này đã được các tác giả sửa chữa, bổ sung theo đúng kết luận của Hội đồng nghiệm thu ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại Ban Tuyên giáo Trung ương.

Dù các tác giả đã hết sức cố gắng nhưng chắc rằng, giáo trình này vẫn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Mong các đồng chí, nhất là các thầy, cô giáo dự lớp tập huấn tiếp tục góp ý để các tác giả sửa chữa, hoàn thiện một lần nữa, trước khi xuất bản.

Xin trân trọng cảm ơn.

T/M Tập thể tác giả

GS.TS Hoàng Chí Bảo

# Chương 1
# NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

## A. MỤC ĐÍCH

*1. Về kiến thức*: Sinh viên có kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin.

*2. Về kỹ năng*: sinh viên có khả năng luận chứng được khách thể và đối tượng nghiên cứu của một khoa học và của một vấn đề nghiên cứu; phân biệt được những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống hiện thực.

3. *Về tư tưởng*: Sinh viên có thái độ tích cực với việc học tập các môn lý luận chính trị; có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.

## B. NỘI DUNG

### 1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học được hiểu theo hai nghĩa: Theo nghĩa rộng, Chủ nghĩa xã hội khoa học là chủ nghĩa Mác – Lênin, luận giải từ các giác độ triết học, kinh tế học chính trị và chính trị - xã hội về sự chuyển biến tất yếu của xã hội loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. V.I. Lênin đã đánh giá khái quát bộ "Tư bản" – tác phẩm chủ yếu và cơ bản trình bày chủ nghĩa xã hội khoa học ….những yếu tố từ đó nảy sinh ra chế độ tương lai"[1]

Theo nghĩa hẹp, chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin. Trong tác phẩm "Chống Đuyrinh", Ph.Ăngghen đã viết ba phần: "triết học", "kinh tế chính trị" và "chủ nghĩa xã hội khoa học". V.I. Lênin, khi viết tác phẩm "Ba nguồn gốc và ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác", đã khẳng định: "Nó là người thừa kế chính đáng của tất cả những cái tốt đẹp nhất mà loài người đã tạo ra hồi thế kỉ XIX, đó là triết học Đức, kinh tế chính trị học Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp".[2]

Trong khuôn khổ môn học này, chủ nghĩa xã hội khoa học được nghiên cứu theo nghĩa hẹp.

---

1 V.I. Lênin, Toàn tập, Nxb, Tiến bộ, M. 1974, t.1, tr.226

2 V.I. Lênin, Toàn tập, Nxb, Tiến bộ, M. 1980, t.23, tr.50

### *1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học*

*1.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội*

Vào những năm 40 của thế kỉ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp phát triển mạnh mẽ tạo nên nền đại công nghiệp. Nền đại công nghiệp cơ khí làm cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có bước phát triển vượt bậc. Trong tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", C.Mác và Ph.Ăngghen đánh giá: "Giai cấp tư sản trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỉ đã tạo ra một lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước đây gộp lại"[1]. Cùng với quá trình phát triển của nền đại công nghiệp, sự ra đời hai giai cấp cơ bản, đối lập về lợi ích, nhưng nương tựa vào nhau: giai cấp tư sản và giai cấp công nhân. Cũng từ đây, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự thống trị áp bức của giai cấp tư sản, biểu hiện về mặt xã hội của mâu thuẫn ngày càng quyết iệt giữa lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Do đó, nhiều cuộc khởi nghĩa, nhiều phong trào đấu tranh đã bắt đầu và từng bước có tổ chức và trên quy mô rộng khắp. Phong trao Hiến chương của những người lao động ở nước Anh diễn ra trên 10 năm (1836 - 1848); phong trào công nhân dệt ở thành phố Xi-lê-di, nước Đức diễn ra năm 1844. Đặc biệt, phong trào công nhân dệt thành phố Li-on, nước Pháp diễn ra vào năm 1831 và năm 1834 đã có tính chất chính trị rõ nét. Nếu năm 1831, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Li-on giương cao khẩu hiệu thuần túy có tính chất kinh tế "sống có việc làm hay là chết trong đấu tranh" thì đến năm 1834, khẩu hiệu của phong trào đã chuyển sang mục đích chính trị: "Cộng hòa hay là chết".

Sự phát triển nhanh chóng có tính chất chính trị công khai của phong trào công nhân đã minh chứng, lần đầu tiên, giai cấp công nhân đã xuất hiện như một lực lượng chính trị độc lập với những yêu sách kinh tế, chính trị riêng của mình và đã bắt đầu hướng thẳng mũi nhọn của cuộc đấu tranh vào kẻ thù chính của mình là giai cấp tư sản. Sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đòi hỏi một cách bức thiết phải có một hệ thống lí luận soi đường và một cương lĩnh chính trị làm kim chỉ nam cho hành động.

1 C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, Nxb, CTQG, Hà Nội, 1995, t.4, tr.603

Điều kiện kinh tế - xã hội ấy không chỉ đặt ra yêu cầu đối với các nhà tư tưởng của giai cấp công nhân mà còn là mảnh đất hiện thực cho sự ra đời của một lý luận mới tiến bộ - chủ nghĩa xã hội khoa học.

*1.1.2. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lí luận*

a) Tiền đề khoa học tự nhiên

Sau thế kỉ ánh sáng, đến đầu thế kỉ XIX, nhân loại đã đạt được nhiều thành tựu lớn trên lĩnh vực khoa học, tiêu biểu là ba phát minh tạo nền tảng cho phát triển tư duy lý luận. Trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, những phát minh vạch thời đại trong vật lí học và sinh học đã tạo ra bước phát triển đột phá có tính cách mạng: *Học thuyết Tiến hóa; Định luật Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng; Học thuyết tế bào*[1]. Những phát minh này là tiền đề khoa học cho sự ra đời của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, cơ sở phương pháp luật cho các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những cấn đề lí luậnn chính trị - xã hội đương thời.

b) Tiền đề tư tưởng lý luận

Cùng với sự phát triển của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội cũng có những thành tựu đáng ghi nhận, trong đó có triết học cổ điển Đức với tên tuổi của các nhà triết học vĩ đại: Hegel (1770 - 1831) Và L.Feuerbach (1804 - 1872); kinh tế chính trị học cổ điển Anh với Adam Smith (1723 - 1790) và D.Ricardo (1772 - 1823); chủ nghĩa không tưởng phê phán mà đại biểu là Xanh Ximông (1760 - 1825), S.Phuriê (1772 - 1837) và R.O-en (1771 - 1858).

Những tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp đã có những giá trị nhất định: 1) Thể hiện tinh thần phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa đầy bất công, xung đột, của cái khánh kiệt, đọa đức đảo lộn, tội ác gia tăng; 2) đã đưa ra nhiều luận điểm có giá trị về xã hội tương lai: về tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm xã hội; vai trò của công nghiệp và khoa học – kĩ thuật; yêu cầu xóa bỏ sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc; về sự nghiệp giải phóng phụ nữ và về vai trò lịch sử của nhà nước….; 3) chính những tư tưởng có tính phê phán và sự dấn thân trong thực tiễn của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, trong

---

1Học thuyết Tiến hóa (1859) của người Anh Charles Robert Darwin (1809 - 1882); Định luật Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng (1842 - 1845), của người Nga Mikhail Vasilyevich Lomonosov (1711 - 1765) và Người Đức Julius Robert Mayer (1814 - 1878); Học thuyết tế bào (1838 - 1839) của nhà thực vật học người Đức Matthias Jakob Schleiden (1804 - 1881) và nhà vật lí học người Đức Theodor Schwam (1810 - 1882).

chừng mực, đã thức tỉnh giai cấp công nhân và người lao động trong cuộc đấu tranh chống chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa đầy bất công, xung đột.

Tuy nhiên, những tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng phê phán còn không ít những hạn chế hoặc do điều kiện lịch sử, hoặc do chính sự hạn chế về tầm nhìn và thế giới quan của những nhà tư tưởng, chẳng hạn, không phát hiện ra được quy luật vận động và phát triển của xã hội loài người nói chung; bản chất, quy luật vận động, phát triển của chủ nghĩa tư bản nói riêng; không phát hiện ra lực lượng xã hội tiên phong có thể thực hiện cuộc chuyển biến cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, giai cấp công nhân; không chỉ ra được những biện pháp hiện thực cải tạo xã hội áp bức, bất công đương thời, xây dựng xã hội mới tốt đẹp. V.I.Lênin trong tác phẩm “Ba nguồn gốc, ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác” đã nhận xét: chủ nghĩa xã hội không tưởng không thể vạch ra được lối thoát thực sự. Nó không giải thích được bản chất của chế độ làm thuê trong chế độ tư bản, cũng không phát hiện ra được những quy luật phát triển của chế độ tư bản và cũng không tìm ra được lực lượng xã hội có khả năng trở thành người sáng tạo ra xã hội mới. Chính vì những hạn chế ấy, mà chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán chỉ dừng lại ở mức độ một học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng – phê phán. Song vượt lên tất cả, những giá trị khoa học, cống hiến của các nhà tư tưởng đã tạo ra tiền đề tư tưởng – lý luận, để C.Mác và Ph.Ăngghen kế thừa những hạt nhân hợp lí, xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học.

***1.2. Vai trò của Các Mác và Phriđrích Ăngghen***

Những điều kiện kinh tế - xã hội và những tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận là điều kiện cần thiết cho một học thuyết ra đời, song điều kiện đủ để học thuyết khoa học, cách mạng và sáng tạo ra đời là vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen.

C.Mác (1818 - 1883) và Ph.Ăngghen (1820 - 1895) trưởng thành ở Đức, đất nước có nền triết học phát triển rực rỡ với thành tựu nổi bật là chủ nghĩa duy vật của L.Feuerbach và phép biện chứng của Vilhelm Friedrich Hegel. Bằng trí tuệ uyên bác và sự dấn thân trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động C.Mác và Ph.Ăngghen đến với nhau, đã tiếp thu các giá trị của nền triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị học cổ điển Anh và kho tàng tri thức của nhân loại để các ông trở thành những nhà khoa học thiên tài, những nhà cách mạng vĩ đại nhất thời đại.

1.2.1. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị

Thoạt đầu, khi bước vào hoạt động khoa học, C.Mác và Ph.Ăngghen là hai thành viên tích cực của câu lạc bộ Hegel trẻ và chịu ảnh hưởng của quan điểm triết học của Vilhelm Friedrich Hegel và L.Feuerbach. Với nhãn quan khoa học uyên bác, các ông đã sớm nhận thấy những mặt tích cực và hạn chế trong triết học của Vilhelm Friedrich Hegel và L.Feuerbach. Với triết học của V.F.Hegel, tuy mang quan điểm duy tâm, nhưng chứa đựng "cái hạt nhân" hợp lí của phép biện chứng; còn đối với triết học của L.Feuerbach, tuy mang nặng quan điểm siêu hình, song nội dung lại thấm nhuần quan điểm suy vật. C.Mác và Ph.Ăngghen đã kế thừa "cái hạt nhân hợp lí", cải tạo và loại bỏ cái vỏ thần bí duy tâm, siêu hình để xây dựng nên lí thuyết mới của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Với C.Mác, từ cuối năm 1843 đến tháng 4 – 1848, thông qua tác phẩm "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel – Lời nói đầu (1844)", đã thể hiện rõ sự chuyển biến từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật, từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa.

Đối với Ph.Ăngghen, từ năm 1843 với tác phẩm "Tình cảnh nước Anh"; "Lược khảo khoa kinh tế - chính trị" đã thể hiện rõ sự chuyển biến từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật, từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa.

Chỉ trong một thời gian ngắn (từ năm 1843 - 1848) vừa hoạt động thực tiễn, vừa nghiên cứu khoa học, C.Mác và Ph.Ăngghen đã thể hiện quá trình chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị và từng bước củng cố, dứt khoát, kiên định, nhất quán và vững chắc lập trường đó, mà nếu không có sự chuyển biến này thì chắc chắn sẽ không có Chủ nghĩa xã hội khoa học.

1.2.2. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen

a) Chủ nghĩa duy vật lịch sử

Trên cơ sở kế thừa "cái hạt nhân hợp lý" của phép biện chứng và lọc bỏ quan điểm duy tâm, thần bí của Triết học V.F.Hegel; kế thừa những giá trị duy vật và loại bỏ quan điểm siêu hình của Triết học L.Feuerbach, đồng thời nghiên cứu nhiều thành tựu khoa học tự nhiên, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sáng lập chủ nghĩa duy vật biện chứng, thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học. Bằng phép biện chứng duy vật, nghiên

cứu chủ nghĩa tư bản, C.Mác và Ph.Ăngghen đã áng lập chủ nghĩa duy vật lịch sử - phát kiến vĩ đại thứ nhất của C.Mác và Ph.Ăngghen là sự khẳng định về mặt triết học sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đều tất yếu như nhau.

b) Học thuyết về giá trị thặng dư

Từ việc phát hiện ra chủ nghĩa duy vật lịch sử, C.Mác và Ph.Ănghen đi sâu nghiên cứu nền sản xuất công nghiệp và nền kinh tế tư bản chủ nghĩa để sáng tạo ra bộ "Tư bản", mà giá trị to lớn nhất là "Học thuyết về giá trị thặng dư" - phát kiến vĩ đại thứ hai của C.Mác và Ph.Ăngghhen là sự khẳng định về phương diện kinh tế, sự diệt vong không tranh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

c) Học thuyết về sứ mệnh lịch sử

Trên cơ sở hai phát kiến vĩ đại là chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư, C.Mác và Ph.Ăngghen đã có phát kiến vĩ đại thứ ba, sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân, giai cấp có sứ mệnh thủ tiêu chế độ chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Với phát kiến thứ ba, những hạn chế có tính lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng – phê phán đã được khắc phục một cách triệt để; đồng thời đã luận chứng và khẳng định về phương diện chính trị - xã hội sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

*1.2.3. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học*

Được sự uỷ nhiệm của những người cộng sản và công nhân quốc tế, ngày 24 tháng 2 năm 1848, "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" do C.Mác và Ph.Ăngghen soạn thảo được công bố trước toàn thế giới.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là tác phẩm kinh điển chủ yếu của chủ nghĩa xã hội khoa học. Sự ra đời của tác phẩm vĩ đại này đánh dấu sự hình thành về cơ bản lý luận của chủ nghĩa Mác bao gồm ba bộ phận hợp thành: Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản còn là cương lĩnh chính trị, là kim chỉ nam hành động của toàn bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân

dân lao động toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, giải phóng loài người vĩnh viễn thoát khỏi mọi áp bức, bóc lột giai cấp, bảo đảm cho loài người được thực sự sống trong hòa bình, tự do và hạnh phúc.

Chính Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã nêu và phân tích một cách có hệ thống lịch sử và lô gic hoàn chỉnh về những vấn đề cơ bản nhất, đầy đủ, xúc tích và chặt chẽ nhất thâu tóm hầu như toàn bộ những luận điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học; tiêu biểu và nổi bật là những luận điểm:

- Cuộc đấu tranh của giai cấp trong lịch sử loài người đã phát triển đến một giai đoạn mà giai cấp công nhân không thể tự giải phóng mình nếu không đồng thời giải phóng vĩnh viễn xã hội ra khỏi tình trạng phân chia giai cấp, áp bức, bóc lột và đấu tranh giai cấp. Song, giai cấp vô sản không thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử nếu không tổ chức thành chính đảng của giai cấp, Đảng được hình thành và phát triển xuất phát từ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

- Lôgic phát triển tất yếu của xã hội tư sản và cũng là của thời đại tư bản chủ nghĩa đó là sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội là tất yếu như nhau.

- Giai cấp công nhân, do có địa vị kinh tế - xã hội đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, có sứ mệnh lịch sử thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, đồng thời là lực lượng tiên phong trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

- Những người cộng sản trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, cần thiết phải thiết lập sự liên minh với các lực lượng dân chủ để đánh đổ chế độ phong kiến chuyên chế, đồng thời không quên đấu tranh cho mục tiêu cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản. Những người cộng sản phải tiến hành cách mạng không ngừng nhưng phải có chiến lược, sách lược khôn khéo và kiên quyết.

## 2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học

### *2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học*

#### *2.1.1. Thời kì từ 1848 đến Công xã Pari (1871)*

Đây là thời kỳ của những sự kiện của cách mạng dân chủ tư sản ở các nước Tây Âu (1848-1852): Quốc tế I thành lập (1864); tập I bộ Tư bản của C.Mác được xuất bản (1867). Về sự ra đời của bộ Tư bản, V.I.Lênin đã khẳng định: “từ khi bộ “Tư bản” ra đời... quan niệm duy vật lịch sử không còn là một giả thuyết nữa, mà là một nguyên lý

đã được chứng minh một cách khoa học; và chừng nào chúng ta chưa tìm ra một cách nào khác để giải thích một cách khoa học sự vận hành và phát triển của một hình thái xã hội nào đó - của chính một hình thái xã hội, chứ không phải của sinh hoạt của một nước hay một dân tộc, hoặc thậm chí của một giai cấp nữa v.v.., thì chừng đó quan niệm duy vật lịch sử vẫn cứ là đồng nghĩa với khoa học xã hội".[1] Bộ "Tư bản" là tác phẩm chủ yếu và cơ bản trình bày chủ nghĩa xã hội khoa học"[2] .

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm cuộc cách mạng (1848-1852) của giai cấp công nhân, C.Mác và Ph. Ăngghen tiếp tục phát triển thêm nhiều nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học. Tư tưởng về đập tan bộ máy nhà nước tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản; bổ sung tư tưởng về cách mạng không ngừng bằng sự kết hợp giữa đấu tranh của giai cấp vô sản với phong trào đấu tranh của giai cấp nông dân; tư tưởng về xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân và xem đó là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho cuộc cách mạng phát triển không ngừng để đi tới mục tiêu cuối cùng.

*2.1.2. Thời kì sau Công xã Pari đến 1895*

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm Công xã Pari, C.Mác và Ph.Ănghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học; Bổ sung và phát triển tư tưởng đập tan bộ máy nhà nước quan liêu, không đập tan bộ máy nhà nước tư sản nói chung. Đồng thời cũng thừa nhận Công xã Pari là một hình thái nhà nước của giai cấp công nhân, rốt cuộc, đã tìm ra.

C.Mác và Ph.Ănghen đã luận chứng sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. Trong các tác phẩm: "Chống Đuyrinh" (1878), Ph.Ănghen đã luận chứng sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học và đánh giá công lao của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Anh, Pháp. Sau này, V.I.Lênin trong tác phẩm "Làm gì?" (1902) đã nhận xét:" chủ nghĩa xã hội lý luận Đức không bao giờ quên rằng nó dựa vào XanhXimông, Phuriê và Ô-oen. Mặc dù các học thuyết của ba nhà tư tưởng này có tính chất ảo tưởng, nhưng họ vẫn thuộc vào hàng ngũ những bậc trí tuệ vĩ đại nhất. Họ đã tiên đoán được một cách thiên tài rất nhiều chân lý mà ngày nay chúng ta đang chứng minh sự đúng đắn của chúng một cách khoa học"[3].

C.Mác và Ph.Ănghen đã nêu ra nhiệm vụ nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học: "Nghiên cứu những điều kiện lịch sử và do đó, nghiên cứu chính ngay bản chất

1V. I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, 1974, t.1, tr.166
2V. I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, 1974, t.1, tr.166
3V.I.Lênin, *Toàn tập,* Nxb.Tiến bộ, M.1975, T.6, tr.33

của sự biến đổi ấy và bằng cách ấy làm cho giai cấp hiện nay đang bị áp bức và có sứ mệnh hoàn thành sự nghiệp ấy hiểu rõ được những điều kiện và bản chất của sự nghiệp của chính họ - đó là nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học, sự thể hiện về lý luận của phong trào vô sản"[1].

C.Mác và Ph.Ănghen đã yêu cầu phải tiếp tục bổ sung và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học phù hợp với điều kiện lịch sử mới.

Mặc dù, với những cống hiến tuyệt vời cả về lý luận và thực tiễn, song cả C.Mác và Ph.Ăngghen không bao giờ tự cho học thuyết của mình là một hệ thống giáo điều, "nhất thành bất biến", trái lại, nhiều lần hai ông đã chỉ rõ đó chỉ là những "gợi ý" cho mọi suy nghĩ và hành động. Trong Lời nói đầu viết cho tác phẩm Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ 1848 đến 1850 của C.Mác, Ph.Ăngghen đã thẳng thắn thừa nhận sai lầm về dự báo khả năng nổ ra của những cuộc cách mạng vô sản ở châu Âu, vì lẽ "Lịch sử đã chỉ rõ rằng trạng thái phát triển kinh tế trên lục địa lúc bấy giờ còn rất lâu mới chín muồi để xóa bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa"[2]. Đây cũng chính là "gợi ý" để V.I.Lênin và các nhà tư tưởng lý luận của giai cấp công nhân tiếp tục bổ sung và phát triển phù hợp với điều kiện lịch sử mới.

Đánh giá về chủ nghĩa Mác, V.I.Lênin chỉ rõ: "Học thuyết của Mác là học thuyết vạn năng vì nó là một học thuyết chính xác"[3].

***2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới***

V.I.Lênin (1870-1924) là người đã kế tục một cách xuất sắc sự nghiệp cách mạng và khoa học của C.Mác và Ph.Ăngghen; tiếp tục bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời đại mới, "Thời đại tan ra chủ nghĩa tư bản, sự sụp đổ trong nội bộ chủ nghĩa tư bản, thời đại cách mạng cộng sản của giai cấp vô sản."[4]; trong điều kiện chủ nghĩa Mác đã giành ưu thế trong phong trào công nhân quốc tế và trong thời đại Quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Nếu như công lao của C.Mác và Ph.Ăngghen là phát triển chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học thì công lao của V.I.Lênin là đã biến chủ nghĩa xã hội từ

---

1C. Mác và Ph.Ăngghen *Toàn tập,* Nxb, CTQG, Hà Nội, 1995, t.20, tr.393
2C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập,* Nxb.CTQG, Hà Nội, 1995, t.22, tr.761
3V.I. Lênin: *Toàn tập,* Nxb. CTQG, Hà Nội, 2005, t. 23, tr. 50
4 Viện Mác – Lênin, V.I. Lênin và Quốc tế Cộng sản, Nxb. Sách chính trị, Mát – xcơ - va, 1970, Tiếng Nga, tr.130.

khoa học, từ lí luận thành hiện thực, được đánh dấu bằng sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới - Nhà nước Xô viết, năm 1917.

Những đóng góp to lớn của Người vào sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học có thể khái quát qua hai thời kì cơ bản:

*2.2.1. Thời kì trước Cách mạng Tháng Mười Nga*

Trên cơ sở phân tích và tổng kết một cách nghiêm túc các sự kiện lịch sử diễn ra trong đời sống kinh tế - xã hội của thời kì trước cách mạng tháng Mười, V.I.Lênin đã bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo các nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học trên một số khía cạnh sau:

- Đấu tranh chống các trào lưu phi mác xít (chủ nghĩa dân túy tự do, phái kinh tế, phái mác xít hợp pháp) nhằm bảo vệ chủ nghĩa Mác, mở đường cho chủ nghĩa Mác thâm nhập mạnh mẽ vào Nga;

- Kế thừa những di sản lý luận của C.Mác và Ph.Ăngghen về chính đảng, V.I.Lênin đã xây dựng lý luận về đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân, về các nguyên tắc tổ chức, cương lĩnh, sách lược trong nội dung hoạt động của đảng;

- Kế thừa, phát triển tư tưởng cách mạng không ngừng của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I.Lênin đã hoàn chỉnh lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản, cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới và các điều kiện tất yếu cho sự chuyển biến sang cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề mang tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa, vấn đề dân tộc và cương lĩnh dân tộc, đoàn kết và liên minh của giai cấp công nhân với nông dân và các tầng lớp lao động khác; những vấn đề về quan hệ quốc tế và chủ nghĩa quốc tế vô sản, quan hệ cách mạng xã hội chủ nghĩa với phong trào giải phóng dân tộc.

- Phát triển quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về khả năng thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở những nghiên cứu, phân tích về chủ nghĩa đế quốc, V.I. Lênin phát hiện ra quy luật phát triển không đều về kinh tế *và* chính trị của chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc *và* đi đến kết luận: *cách mạng vô sản có thể thắng lợi ở một số nước hay thậm chí ở một nước riêng lẻ, nơi chủ nghĩa tư bản chưa phải là phát triển nhất, nhưng là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền tư bản chủ nghĩa..*

- V.I.Lênin đã dành nhiều tâm huyết luận giải về chuyên chính vô sản, xác định

bản chất dân chủ của chế độ chuyên chính vô sản; phân tích mối quan hệ giữa chức năng thống trị và chức năng xã hội của chuyên chính vô sản. Chính V.I.Lênin là người đầu tiên nói đến phạm trù hệ thống chuyên chính vô sản, bao gồm hệ thống của Đảng Bônsêvic lãnh đạo, Nhà nước Xô viết quản lý và tổ chức công đoàn.

- Gắn hoạt động lý luận với thực tiễn cách mạng, V.I.Lênin trực tiếp lãnh đạo Đảng của giai cấp công nhân Nga tập hợp lực lượng đấu tranh chống chế độ chuyên chế Nga hoàng, tiến tới giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga.

*2.2.2. Thời kì sau Cách mạng Tháng Mười Nga*

Ngay sau khi cách mạng thắng lợi, V.I.Lênin đã viết nhiều tác phẩm quan trọng bàn về những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời kỳ mới, tiêu biểu là những luận điểm:

- *Chuyên chính vô sản*, theo V.I.Lênin, là một hình thức nhà nước mới - nhà nước dân chủ, dân chủ đối với những người vô sản và nói chung những người không có của và chuyên chính chống giai cấp tư sản. Cơ sở và nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản là sự liên minh của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và toàn thể nhân dân lao động cũng như các tầng lớp lao động khác dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân để thực hiện nhiệm vụ cơ bản của chuyên chính vô sản là thủ tiêu mọi chế độ người bóc lột người, là xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- *Về thời kỳ quá độ chính trị từ chủ nghĩa tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa cộng sản.* Phê phán các quan điểm của kẻ thù xuyên tạc về bản chất của chuyên chính vô sản chung quy chỉ là bạo lực, V.I.Lênin đã chỉ rõ: chuyên chính vô sản... không phải chỉ là bạo lực đối với bọn bóc lột và cũng không phải chủ yếu là bạo lực... là việc giai cấp công nhân đưa ra được và thực hiện được kiểu tổ chức lao động xã hội cao hơn so với chủ nghĩa tư bản, đấy là nguồn sức mạnh, là điều đảm bảo cho thắng lợi hoàn toàn và tất nhiên của chủ nghĩa cộng sản. V.I.Lênin đã nêu rõ: chuyên chính vô sản là một cuộc đấu tranh kiên trì, đổ máu và không đổ máu, bạo lực và hòa bình, bằng quân sự và bằng kinh tế, bằng giáo dục và bằng hành chính, chống những thế lực và những tập tục của xã hội cũ.

- *Về chế độ dân chủ*, V.I.Lênin khẳng định: chỉ có dân chủ tư sản hoặc dân chủ xã hội chủ nghĩa, không có dân chủ thuần tuý hay dân chủ nói chung. Sự khác nhau

căn bản giữa hai chế độ dân chủ này là chế độ dân chủ vô sản so với bất cứ chế độ dân chủ tư sản nào, cũng dân chủ hơn gấp triệu lần; chính quyền Xô viết so với nước cộng hòa tư sản dân chủ nhất thì cũng dân chủ hơn gấp triệu lần.

- *Về cải cách hành chính bộ máy nhà nước* sau khi đã bước vào thời kỳ xây dựng xã hội mới, V.I.Lênin cho rằng, trước hết, phải có một đội ngũ những người cộng sản cách mạng đã được tôi luyện và tiếp sau là phải có bộ máy nhà nước phải tinh, gọn, không hành chính, quan liêu.

- *Về cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga*, V.I.Lênin đã nhiều lần dự thảo *xây dựng chủ nghĩa xã hội* ở nước Nga và nêu ra nhiều luận điểm khoa học độc đáo: Cần có những bước quá độ nhỏ trong thời kỳ quá độ nói chung lên chủ nghĩa xã hội; giữ vững chính quyền Xô viết thực hiện điện khí hóa toàn quốc; xã hội hóa những tư liệu sản xuất cơ bản theo hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền công nghiệp hiện đại; điện khí hóa nền kinh tế quốc dân; cải tạo kinh tế tiểu nông theo những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa; thực hiện cách mạng văn hóa. Bên cạnh đó là việc sử dụng rộng rãi hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước để dần dần cải tiến chế độ sỡ hữu của các nhà tư bản hạng trung và hạng nhỏ thành sở hữu công cộng. Cải tạo nông nghiệp bằng con đường hợp tác xã theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền công nghiệp hiện đại và điện khí hóa là cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; học chủ nghĩa tư bản về kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý kinh tế, trình độ giáo dục; sử dụng các chuyên gia tư sản; cần phải phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, V.I.Lênin nhấn mạnh, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cần thiết phải phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.

V.I.Lênin đặc biệt coi trọng vấn đề dân tộc trong hoàn cảnh đất nước có rất nhiều sắc tộc. Ba nguyên tắc cơ bản trong Cương lĩnh dân tộc: Quyền bình đẳng dân tộc; quyền dân tộc tự quyết và tình đoàn kết của giai cấp vô sản thuộc tất cả các dân tộc; Giai cấp vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại...

Cùng với những cống hiến hết sức to lớn về lý luận và chỉ đạo thực tiễn cách mạng, V.I.Lênin còn nêu một tấm gương sáng ngời về lòng trung thành vô hạn với lợi ích của giai cấp công nhân, với lý tưởng cộng sản do C.Mác, Ph.Ăngghen phát hiện và khởi xướng. Những điều đó đã làm cho V.I. Lênin trở thành một thiên tài khoa học, một lãnh tụ kiệt xuất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới.

***2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay***

Sau khi V.I.Lênin qua đời, đời sống chính trị thế giới chứng kiến nhiều thay đổi. Chiến tranh thế giới lần thứ hai do các thế lực đế quốc phản động cực đoan gây ra từ 1939-1945 để lại biết bao hậu quả cực kỳ khủng khiếp cho nhân loại.

Trong phe đồng minh chống phát xít, Liên xô góp phần quyết định chấm dứt chiến tranh, cứu nhân loại khỏi thảm họa của chủ nghĩa phát xít và tạo điều kiện hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, tạo lợi thế so sánh cho lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

J.Xtalin kế tục là người lãnh đạo cao nhất của Đảng Cộng sản Nga và sau đó là Đảng Cộng sản Liên Xô, đồng thời là người ảnh hưởng lớn nhất đối với Quốc tế III cho đến năm 1943, khi G. Đi-mi-trốp là chủ tịch Quốc tế III. Từ năm 1924 đến năm 1953, có thể gọi là "Thời đoạn Xtalin" trực tiếp vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học. Chính Xtalin và Đảng Cộng sản Liên Xô đã gắn lý luận và tên tuổi của C.Mác với V.I.Lênin thành "Chủ nghĩa Mác - Lênin". Trên thực tiễn, trong mấy thập kỷ bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, với những thành quả to lớn và nhanh chóng về nhiều mặt để Liên Xô trở thành một cường quốc xã hội chủ nghĩa đầu tiên và duy nhất trên toàn cầu, buộc thế giới phải thừa nhận và nể trọng.

Có thể nêu một cách vắn tắt những nội dung cơ bản phản ánh sự vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời kỳ sau Lênin:

- Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế họp tại Matxcơva tháng 11-1957 đã tổng kết và thông qua 9 quy luật chung của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mặc dù, về sau do sự phát triển của tình hình thế giới, những nhận thức đó đã bị lịch sử vượt qua, song đây cũng là sự phát triển và bổ sung nhiều nội dung quan trọng cho chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Hội nghị đại biểu của 81 Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế cũng họp ở Matxcơva vào tháng giêng năm 1960. Hội nghị đã phân tích tình hình quốc tế và những vấn đề cơ bản của thế giới, đưa ra khái niệm về "thời đại hiện nay"; xác định nhiệm vụ hàng đầu của các Đảng Cộng sản và công nhân là bảo vệ và củng cố hòa bình ngăn chặn bọn đế quốc hiếu chiến phát động chiến tranh thế giới mới; tăng cường đoàn kết phong trào cộng sản đấu tranh cho hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Hội nghị Matxcova thông qua văn kiện: “Những nhiệm vụ đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc trong giai đoạn hiện tại và sự thống nhất hành động của các Đảng Cộng sản, công nhân và tất cả các lực lương chống đế quốc”. Hội nghị khẳng định: “Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, các lực lượng đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc nhằm cải tạo xã hội theo chủ nghĩa xã hội, đang quyết định nội dung chủ yếu, phương hướng chủ yếu của những đặc điểm chủ yếu của sự phát triển lịch sử của xã hội loài người trong thời đại ngày nay”[1].

- Sau Hội nghị Matxcova năm 1960, hoạt động lí luận và hoạt động thực tiễn của các Đảng Cộng sản và công nhân được tăng cường hơn trước. Tuy nhiên, phong trào cộng sản quốc tế, trên những vấn đề cơ bản của cách mạng thế giới vẫn tồn tại bất đồng và vẫn tiếp tục diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa những người theo chủ nghĩa Mác – Lênin với những người theo chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa giáo điều biệt phái.

- Đến những năm cuối của thập niên 80 đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, do nhiều tác động tiêu cực, phức tạp từ bên trong và bên ngoài, mô hình của chế độ xã hội chủ nghĩa của Liên Xô và Đông Âu lần lượt sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã, chủ nghĩa xã hội đứng trước một thử thách đòi hỏi phải vượt qua.

Trên phạm vi quốc tế, đã diễn ra nhiều chiến dịch tấn công của các thế lực thù địch, rằng chủ nghĩa xã hội đã cáo chung…Song từ bản chất khoa học, sáng tạo, cách mạng và nhân văn, chủ nghĩa xã hội mang sức sống của quy luật tiến hóa của lịch sử đã và sẽ tiếp tục có bước phát triển mới.

Trên thế giới, sau sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, chỉ còn một số nước xã hội chủ nghĩa hoặc nước có xu hướng tiếp tục theo chủ nghĩa xã hội, do vẫn có một Đảng Cộng sản lãnh đạo. Những Đảng Cộng sản kiên trì hệ tư tưởng Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, từng bước giữ ổn định để cải cách, đổi mới và phát triển.

Trung Quốc tiến hành cải cách, mở từ năm 1978 đã thu được những thành tựu đáng ghi nhận, cả về lý luận và thực tiễn. Đảng Cộng sản Trung Quốc, từ ngày thành lập (1 tháng 7 năm 1921) đến nay đã trải qua 3 thời kỳ lớn: Cách mạng, xây dựng và cải cách, mở cửa. Riêng thời kỳ cải cách mở cửa từ Hội nghị Trung ương 3 khóa XI cuối năm 1978 đến nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tiến hành 8 kỳ đại hội. Đại hội

1 Xem http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/cac-ban-dang-trung-uong/books

lần thứ XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2002 đã khái quát về quá trình lãnh đạo của Đảng này như sau: "Đảng chúng ta trải qua thời kỳ cách mạng, xây dựng và cải cách; đã từ một Đảng lãnh đạo nhân dân phấn đấu giành chính quyền trong cả nước trở thành Đảng lãnh đạo nhân dân nắm chính quyền trong cả nước và cầm quyền lâu dài; đã từ một Đảng lãnh đạo xây dựng đất nước trong điều kiện chịu sự bao vây từ bên ngoài và thực hiện kinh tế kế hoạch, trở thành Đảng lãnh đạo xây dựng đất nước trong điều kiện cải cách mở cửa (bắt đầu từ Hội nghị Trung ương 3 khóa XI cuối năm 1978) và phát triển kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa". Đảng Cộng sản Trung Quốc trong cải cách, mở cửa "xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc" kiên trì phương châm: "cầm quyền khoa học, cầm quyền dân chủ, cầm quyền theo pháp luật; "tất cả vì nhân dân"; "tất cả dựa vào nhân dân" và thực hiện 5 nguyên tắc (5 kiên trì)[1]

Đại hội XIX (2017) với chủ đề: "Quyết thắng xây dựng toàn diện xã hội khá giả, giành thắng lợi vĩ đại chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới", đã khẳng định: Xây dựngTrung Quốc trở thành cường quốc hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, dân chủ, văn minh, hài hòa, tươi đẹp vào năm 2050; "Nhân dân Trung Quốc sẽ được hưởng sự hạnh phúc và thịnh vượng cao hơn, và dân tộc Trung Quốc sẽ có chỗ đứng cao hơn, vững hơn trên trường quốc tế"[2].

Thực ra công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc cũng còn nhiều vấn đề cần trao đổi, bàn cãi. Song, qua 40 năm thực hiện, Trung Quốc đã trở thành nước thứ hai trên thế giới về kinh tế và nhiều vấn đề, nhất là về lý luận "Một quốc gia, hai chế độ" cũng là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Ở Việt Nam, công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội lần thứ VI (1986) đã thu được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Trên tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật" Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ thành công trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ

---

15 kiên trì: 1) Kiên trì coi phát triển là nhiệm vụ quan trọng số một chấn hưng đất nước của đảng cầm quyền, không ngừng nâng cao năng lực điều hành kinh tế thị trường XHCN; 2) kiên trì sự thống nhất hữu cơ giữa sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân làm chủ dựa vào pháp luật để quản lý đất nước, không ngừng nâng cao năng lực phát triển nền chính trị dân chủ XHCN; 3) kiên trì địa vị chỉ đạo của chủ nghĩa Mác trong lĩnh vực hình thái ý thức, không ngừng nâng cao năng lực xây dựng nền văn hoá tiên tiến xã hội chủ nghĩa; 4) kiên trì phát huy rộng rãi nhất, đầy đủ nhất mọi nhân tố tích cực, không ngừng nâng cao năng lực điều hoà xã hội; 5) kiên trì chính sách ngoại giao hoà bình độc lập tự chủ, không ngừng nâng cao năng lực ứng phó với tình hình quốc tế và xử lý các công việc quốc tế.

2Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc với chủ đề "Quyết thắng xây dựng toàn diện xã hội khả giả, giành thắng lợi vĩ đại CNXH đặc sắc Trung Quốc thời đại mới" đã xác định 8 điều làm rõ và 14 điều kiên trì là đóng góp mới đối với lý luận về CNXH đặc sắc Trung Quốc.

Tổ quốc, mà trên lĩnh vực lý luận, mà còn có những đóng góp vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin:

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là một tính quy luật của cách mạng Việt Nam, trong điều kiện thời đại ngày nay;

- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trung tâm, đồng thời đổi mới từng bước về chính trị, đảm bảo giữ vững sự ổn định chính trị, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để đổi mới và phát triển kinh tế, xã hội; thực hiện gắn phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm và xây dựng Đảng là khâu then chốt với phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, tạo ra ba trụ cột cho sự phát triển nhanh và bền vững ở nước ta;

- Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội. Xây dựng phát triển kinh tế phải đi đôi với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái;

- Phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị, từng bước xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bảo đảm toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân;

- Mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh của mọi giai cấp và tầng lớp nhân dân, mọi thành phần dân tộc và tôn giáo, mọi công dân Việt Nam ở trong nước hay ở nước ngoài, tạo nên sự thống nhất và đồng thuận xã hội tạo động lực cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Mở rộng quan hệ đối ngoại, thực hiện hội nhập quốc tế; tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, khai thác mọi khả năng có thể hợp tác nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại;

- Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - nhân tố quan trọng hàng đầu bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước.

Từ thực tiễn 30 năm đổi mới, Đảng ta đã rút ra một số bài học lớn, góp phần phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong thời kỳ mới:

*Một là,* trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam.

*Hai là,* đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm "dân là gốc", vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc.

*Ba là,* đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

*Bốn là,* phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

*Năm là,* phải thường xuyên tự đổi mởi, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lượng, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của cá hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Ngoài những cống hiện về lý luận do Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam tổng kết, phát triển trong công cuộc cải cách, mở cửa, đổi mới và hội nhập, những đóng góp của Đảng Cộng sản Cu Ba, Đảng Nhân dân cách mạng Lào và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng có giá trị tạo nên sự bổ sung, phát triển đáng kể vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung trong thời đại mới.

## 3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học

### *3.1. Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghãi xã hội khoa học*

Mọi khoa học, như Ph.Ăngghen khẳng định, đều có đối tượng nghiên cứu riêng

là những quy luật, tính quy luật thuộc khách thể nghiên cứu của nó. Điều đó cũng hoàn toàn đúng với Chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa học lấy lĩnh vực chính trị - xã hội của đời sống xã hội làm khách thể nghiên cứu.

Cùng một khách thể, có thể có nhiều khoa học nghiên cứu. Lĩnh vực chính trị - xã hội là khách thể nghiên cứu của nhiều khoa học xã hội khác nhau. Sự phân biệt Chủ nghĩa xã hội khoa học với các khoa học chính trị - xã hội trước hết là ở đối tượng nghiên cứu.

Với tư cách là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, học thuyết chính trị - xã hội, trực tiếp nghiên cứu, luận chứng sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, những điều kiện, những con đường để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Hơn nữa, dựa trên nền tảng lý luận chung và phương pháp luận của Triết học và kinh tế chính trị học mácxít, Chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ ra những luận cứ chính trị - xã hội rõ ràng, trực tiếp nhất để chứng minh, khẳng định sự thay thế tất yếu của chủ nghĩa tư bản bằng của chủ nghĩa xã hội; khẳng định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chỉ ra những con đường, các hình thức và biện pháp để tiến hành cải tạo xã hội theo hướng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Như vậy, Chủ nghĩa xã hội khoa học là sự tiếp tục một cách lôgic triết học và kinh tế chính trị học mácxít, là sự biểu hiện trực tiếp mục đích và hiệu lực chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thực tiễn. Một cách khái quát có thể xem: Nếu như triết học, kinh tế chính trị mácxít học luận giải về phương diện triết học, kinh tế học tính tất yếu, những nguyên nhân khách quan, những điều kiện để thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội, thì chỉ có Chủ nghĩa xã hội khoa học mới đưa ra được câu trả lời cho câu hỏi: bằng con đường nào để thực hiện bước chuyển biến đó. Nói cách khác, Chủ nghĩa xã hội chỉ ra con đường thực hiện bước chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội bằng cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của đội tiền phong là Đảng Cộng sản.

Như vậy, Chủ nghĩa xã hội khoa học có chức năng giác ngộ và hướng dẫn giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình trong ba thời kỳ: Đấu tranh lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giành chính quyền; thiết lập sự thống trị của giai cấp công nhân, thực hiện sự nghiệp cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội; phát triển chủ nghĩa xã hội tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Chủ nghĩa xã hội khoa học có nhiệm vụ cơ

bản là luận chứng một cách khoa học tính tất yếu về mặt lịch sử sự thay thế của chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội gắn liền với sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân, địa vị, vai trò của quần chúng do giai cấp công nhân lãnh đạo trong cuộc đấu tranh cách mạng thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Chủ nghĩa xã hội khoa học luận giải một cách khoa học về phương hướng và những nguyên tắc của chiến lược và sách lược; về con đường và các hình thức đấu tranh của giai cấp công nhân, về vai trò, nguyên tắc tổ chức và hình thức thích hợp hệ thống chính trị của giai cấp công nhân, về những tiền đề, điều kiện của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội; về những quy luật, bước đi, các hình thức, phương pháp của việc tổ chức xã hội theo hướng xã hội chủ nghĩa, về mối quan hệ gắn bó với phong trào giải phóng dân tộc, phong trào dân chủ và phong trào xã hội chủ nghĩa trong quá trình cách mạng thế giới.

Một nhiệm vụ vô cùng quan trọng của chủ nghĩa xã hội khoa học là phê phán đấu tranh bác bỏ những trào lưu tư tưởng chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và những thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Ph.Ăngghen, trong tác phẩm "Chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học" đã nêu một cách khái quát, cô đọng nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học: "Thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới ấy - đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện đại. Nghiên cứu những điều kiện lịch sử và do đó, nghiên cứu ngay chính bản chất của sự biến đổi ấy và bằng cách ấy làm cho giai cấp hiện nay đang bị áp bức và có sứ mệnh hoàn thành sự nghiệp ấy hiểu rõ được những điều kiện và bản chất sự nghiệp của chính họ - đó là nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học, sự thể hiện về mặt lý luận của phong trào công nhân"[1].

Từ những quan niệm trên có thể khái quát, đối tượng của chủ nghĩa xã hội khoa học*: là những quy luật, tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn thấp là chủ nghĩa xã hội; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, những con đường và hình thức, phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và*

1 C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, Nxb. CTQG. Hà Nội. 1994, t.17, tr. 456

*nhân dân lao động nhằm hiện thực hóa sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.*

***3.2. Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học***

Chủ nghĩa xã hội khoa học sử dụng phương pháp luận chung nhất là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin. Chỉ có dựa trên phương pháp luận khoa học đó, chủ nghĩa xã hội khoa học mới luận giải đúng đắn, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về quá trình phát sinh, hình thành, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa và các khái niệm, phạm trù, các nội dung khác của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trên cơ sở phương pháp luận chung đó, chủ nghĩa xã hội khoa học cũng đặc biệt chú trọng sử dụng những phương pháp nghiên cứu cụ thể hơn và những phương pháp có tính liên ngành, tổng hợp.

Phương pháp kết hợp lôgic và lịch sử. Đây là một phương pháp đặc trưng và đặc biệt quan trọng đối với chủ nghĩa xã hội khoa học. Phải trên cơ sở những tư liệu thực tiễn của các sự thật lịch sử mà phân tích để rút ra những nhận định, những khái quát về lý luận có kết cấu chặt chẽ, khoa học - tức là rút ra được lôgíc của lịch sử, không dừng lại ở sự liệt kê sự thật lịch sử. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã là những tấm gương mẫu mực về việc sử dụng phương pháp này khi phân tích lịch sử nhân loại, đặc biệt là về sự phát triển các phương thức sản xuất... để rút ra được lôgíc của quá trình lịch sử, căn bản là quy luật mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa giai cấp bóc lột và bị bóc lột, quy luật đấu tranh giai cấp dẫn đến các cuộc cách mạng xã hội và do đó, cuối cùng đấu tranh giai cấp tất yếu dẫn đến chuyên chính vô sản, dẫn đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Sau này, chính cái kết luận lôgíc khoa học đó đã vừa được chứng minh vừa là nhân tố dẫn dắt tiến hành thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga (1917) và sau đó là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ra đời với những thành tựu không thể phủ nhận. Tất nhiên, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu không phải do cái tất yếu lôgíc của chủ nghĩa xã hội, mà trái lại, do các đảng cộng sản ở các nước đó xa rời, phản bội cái tất yếu đã được luận giải khoa học trên lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin.

Phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều

kiện kinh tế - xã hội cụ thể là phương pháp có tính đặc thù của chủ nghĩa xã hội khoa học. Khi nghiên cứu, khảo sát thực tế, thực tiễn một xã hội cụ thể, đặc biệt là trong điều kiện của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, những người nghiên cứu, khảo sát....phải luôn có sự nhạy bén về chính trị - xã hội trước tất cả các hoạt động và quan hệ xã hội, trong nước và quốc tế. Thường là, trong thời đại còn giai cấp và đấu tranh giai cấp, còn chính trị thì mọi hoạt động, mọi quan hệ xã hội ở các lĩnh vực, kể cả khoa học công nghệ, tri thức và sử dụng tri thức, các nguồn lực, các lợi ích... đều có nhân tố chính trị chi phối mạnh nhất, bởi chính trị không thể không đứng ở vị trí hàng đầu so với kinh tế. Không chú ý phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội, không có nhạy bén chính trị và lập trường - bản lĩnh chính trị vững vàng, khoa học thì dễ mơ hồ, lầm lẫn, sai lệch khôn lường.

Phương pháp so sánh được sử dụng trong nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm so sánh và làm sáng tỏ những điểm tương đồng và khác biệt trên phương diện chính trị - xã hội giữa phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa; giữa các loại hình thể chế chính trị và giữa các chế độ dân chủ, dân chủ tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa... phương pháp so sánh còn được thực hiện trong việc so sánh các lý thuyết, mô hình xã hội chủ nghĩa.

Các phương pháp có tính liên ngành: Chủ nghĩa xã hội khoa học là một khoa học chính trị - xã hội thuộc khoa học xã hội nói chung do đó cần thiết phải sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu cụ thể của các khoa học xã hội khác: như phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, điều tra xã hội học, sơ đồ hoá, mô hình hoá, v.v. để nghiên cứu những khía cạnh chính trị - xã hội của các mặt hoạt động trong một xã hội còn giai cấp, đặc biệt là trong chủ nghĩa tư bản và trong chủ nghĩa xã hội, trong đó có thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Ngoài ra, chủ nghĩa xã hội khoa học còn gắn bó trực tiếp với phương pháp phương pháp tổng kết lý luận từ thực tiễn, nhất là thực tiễn về chính trị - xã hội để từ đó rút ra những vấn đề lý luận có tính quy luật của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi quốc gia cũng như của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

### *3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học*

*Về mặt lý luận:*

Nghiên cứu, học tập và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học, về mặt lý luận có

ý nghĩa quan trọng trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, giải phóng xã hội, giải phóng con người...Vì thế, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin có lý khi xác định rằng, chủ nghĩa xã hội khoa học là vũ khí lý luận của giai cấp công nhân hiện đại và đảng của nó để thực hiện quá trình giải phóng nhân loại và giải phóng bản thân mình. Một khi giai cấp công nhân và nhân lao động không có nhận thức đúng đắn và đầy đủ về chủ nghĩa xã hội thì không thể có niềm tin, lý tưởng và bản lĩnh cách mạng vững vàng trong mọi tình huống và mọi khúc quanh của lịch sử và cũng không có đủ cơ sở khoa học và bản lĩnh để vận dụng sáng tạo và phát triển đúng đắn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Cũng như triết học và kinh tế chính trị học Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là ở chỗ cải tạo thế giới theo quy luật phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học góp phần định hướng chính trị - xã hội cho hoạt động thực tiễn của Đảng Cộng sản, Nhà nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học cũng làm cho ta có căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động đối với Đảng ta, Nhà nước, chế độ ta; chống chủ nghĩa xã hội, đi ngược lại xu thế và lợi ích của nhân dân, dân tộc và nhân loại tiến bộ.

*Về mặt thực tiễn*

Bất kỳ một lý thuyết khoa học nào, đặc biệt là các khoa học xã hội, bao giờ cũng có khoảng cách nhất định so với thực tiễn, nhất là những dự báo khoa học có tính quy luật. Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học lại càng thấy rõ những khoảng cách đó, bởi vì chủ nghĩa xã hội trên thực tế, chưa có nước nào xây dựng hoàn chỉnh. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, cùng với thoái trào của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, lòng tin vào chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội khoa học, chủ nghĩa Mác - Lênin của nhiều người có giảm sút. Đó là một thực tế. Vì thế, nghiên cứu, học tập và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học càng khó khăn

trong tình hình hiện nay và cũng có ý nghĩa chính trị cấp bách.

Chỉ có bản lĩnh vững vàng và sự sáng suốt, kiên định chủ động sáng tạo tìm ra những nguyên nhân cơ bản và bản chất của những sai lầm, khuyết điểm, khủng hoảng, đổ vỡ và của những thành tựu to lớn trước đây cũng như của những thành quả đổi mới, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta mới có thể đi tới kết luận chuẩn xác rằng: không phải do chủ nghĩa xã hội - một xu thế xã hội hoá mọi mặt của nhân loại; cũng không phải do chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học... làm các nước xã hội chủ nghĩa khủng hoảng. Trái lại, chính là do các nước xã hội chủ nghĩa đã nhận thức và hành động trên nhiều vấn đề trái với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác - Lênin... đã giáo điều, chủ quan duy ý chí, bảo thủ, kể cả việc đố kỵ, xem nhẹ những thành quả chung của nhân loại, trong đó có chủ nghĩa tư bản; đồng thời do xuất hiện chủ nghĩa cơ hội - phản bội trong một số đảng cộng sản và sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình đã làm cho chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào thoái trào. Thấy rõ thực chất những vấn đề đó một cách khách quan, khoa học; đồng thời được minh chứng bởi thành tựu rực rỡ của sự nghiệp đổi mới, cải cách của các nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, chúng ta càng củng cố bản lĩnh kiên định, tự tin tiếp tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

Do đó, việc nghiên cứu học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, lý luận chính trị - xã hội nói riêng và các khoa học khác... càng là vấn đề thực tiễn cơ bản và cấp thiết. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống mọi biểu hiện cơ hội chủ nghĩa, dao động, thoái hoá, biến chất trong đảng và cả xã hội, giáo dục lý luận chính trị - xã hội một cách cơ bản khoa học tức là ta tiến hành củng cố niềm tin thật sự đối với chủ nghĩa xã hội... cho cán bộ, học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên và nhân dân. Tất nhiên đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và mở rộng hợp tác quốc tế; tiến hành hội nhập quốc tế, toàn cầu hoá về kinh tế; xây dựng "kinh tế tri thức", thực hiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa... đang là những vận hội lớn, đồng thời cũng có những thách thức lớn đối với nhân dân ta, dân tộc ta. Đó cũng là trách nhiệm lịch sử rất nặng nề và vẻ vang của cả thế hệ trẻ đối với sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa trên đất nước ta.

Chủ nghĩa xã hội khoa học góp phần quan trọng việc giáo dục niềm tin khoa

học cho nhân dân vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Niềm tin khoa học được hình thành trên cơ sở nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn. Trên cơ sở nhận thức khoa học, thông qua giáo dục, hoạt động thực tiễn mà niềm tin được hình thành, phát triển. Niềm tin khoa học là sự thống nhất giữa nhận thức, tình cảm, ý chí và quyết tâm trở thành động lực tinh thần hướng con người đến hoạt động thực tiễn một cách chủ động, tự giác, sáng tạo và cách mạng.

## C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích điều kiện kinh tế - xã hội và vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen trong việc hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học?
2. Phân tích vai trò V.I.Lênin trong việc bảo vệ và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học?
3. Phân tích đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học? So sánh với đối tượng của triết học?
4. Phân tích những đóng góp về lý luận chính trị - xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam qua 30 năm đổi mới?

## D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb. CTQG, Hà Nội.

2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2002) Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học; Nxb CTQG, Hà Nội

3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, "Chương trình cao cấp lý luận chính trị", Bùi Thị Ngọc Lan, Đỗ Thị Thạch (đồng chủ biên) Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

4. Pedro P. Geiger (2015) Chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa quốc tế và chủ nghĩa xã hội thời toàn cầu, Tạp chí Thông tin khoa học lý luận, số 3 (4)

## Chương 2
## SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

### A. MỤC TIÊU

*1. Về kiến thức*: Sinh viên nắm vững quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay.

*2. Về kỹ năng*: Biết vận dụng phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc phân tích sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam, trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay.

3. *Về tư tưởng*: Góp phần xây dựng và củng cố niềm tin khoa học; lập trường giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

### B. NỘI DUNG

Sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân là nội dung chủ yếu, điểm căn bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, là phạm trù trung tâm, nguyên lý xuất phát của chủ nghĩa xã hội khoa học. Đó cũng là trọng điểm của cuộc đấu tranh tư tưởng lí luận trong thời đại ngày nay.

### 1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân

#### *1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân*

C.Mác và Ph.Ăngghen đã dùng nhiều thuật ngữ khác nhau để trình bày quan niệm của mình về giai cấp công nhân như: giai cấp vô sản; giai cấp vô sản hiện đại; giai cấp công nhân hiện đại; giai cấp công nhân đại công nghiệp,...

Đó là những cụm từ đồng nghĩa để chỉ: giai cấp công nhân – con đẻ của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa, giai cấp đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất hiện đại. Các ông còn dùng những thuật ngữ có nội dung hẹp hơn để chỉ các loại công nhân trong các ngành, nghề khác nhau, trong những giai đoạn phát triển khác nhau của công nghiệp: công nhân khoáng sản, công nhân công trường thủ công, công nhân công xưởng, công nhân nông nghiệp….

Dù diễn đạt bằng những khái niệm khác nhau, song giai cấp công nhân được các nhà kinh điển xác định trên hai phương diện cơ bản: kinh tế - xã hội và chính trị - xã hội.

*a) Giai cấp công nhân trên phương diện kinh tế - xã hội*

Thứ nhất, giai cấp công nhân với phương thức lao động công nghiệp trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa: đó là những người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao.

Mô tả quá trình phát triển của giai cấp công nhân, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: trong công trường thủ công và trong nghề thủ công, người công nhân sử dụng công cụ của mình còn trong công xưởng thì người công nhân phải phục vụ máy móc[1]. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, công nhân công nghiệp công xưởng là bộ phận tiêu biểu cho giai cấp công nhân hiện đại.

Các ông nhấn mạnh rằng,…"Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp; còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp"[2] và "công nhân Anh là đứa con đầu lòng của nền công nghiệp hiện đại"[3].

Thứ hai, giai cấp công nhân trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Đó là giai cấp của những người lao động không sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Họ phải bán sức lao động cho nhà tư bản và bị chủ tư bản bóc lột giá trị thặng dư. Đối lập với nhà tư bản, công nhân là những người lao động tự do, với nghĩa là tự do bán sức lao động của mình để kiếm sống. Chính điều này khiến cho giai cấp công nhân trở thành giai cấp đối kháng với giai cấp tư sản.

Những công nhân ấy, buộc phải tự bán mình để kiếm ăn từng bữa một, là một hàng hóa, tức là một món hàng đem bán như bất cứ món hàng nào khác, vì thế, họ phải chịu hết mọi sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lên xuống của thị trường[4].

Như vậy, đối diện với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân trong chế độ tư bản chủ nghĩa theo C.Mác và Ph.Ăngghen là giai

1Xem C.Mác và Ph.Ăngghen: Sđd, 1995, tập 23, tr. 605
2C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 4, tr. 610.
3C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tập 12, tr. 11.
4C.Mác và Ph.Ăngghen: Sđd, 1995, tập 4, tr. 605.

cấp vô sản "giai cấp công nhân làm thuê hiện đại, vì mất các tư liệu sản xuất của bản thân nên buộc phải bán sức lao động của mình để sống"[1].

Mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất xã hội hóa ngày càng rộng lớn với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Mâu thuẫn cơ bản này thể hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn về lợi ích giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Lao động sống của công nhân là nguồn gốc của giá trị thặng dư và sự giàu có của giai cấp tư sản cũng chủ yếu nhờ vào việc bóc lột được ngày càng nhiều hơn giá trị thặng dư.

Mâu thuẫn đó cho thấy, tính chất đối kháng không thể điều hòa giữa giai cấp công nhân (giai cấp vô sản) với giai cấp tư sản trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và trong chế độ tư bản chủ nghĩa.

*b) Giai cấp công nhân trên phương diện chính trị - xã hội*

Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, sự thống trị của giai cấp tư sản, đặc biệt của bộ phận tư sản đại công nghiệp là điều kiện ban đầu cho sự phát triển giai cấp công nhân. "Nói chung, sự phát triển của giai cấp vô sản công nghiệp được quy định bởi sự phát triển của giai cấp tư sản công nghiệp. Chỉ có dưới sự thống trị của giai cấp này thì sự tồn tại của giai cấp vô sản công nghiệp mới có được một quy mô toàn quốc, khiến nó có thể nâng cuộc cách mạng của nó lên thành một cuộc cách mạng toàn quốc…"[2]

Nghiên cứu giai cấp công nhân (giai cấp vô sản) từ phương diện kinh tế - xã hội và chính trị - xã hội trong chủ nghĩa tư bản, C.Mác và Ph.Ăngghen đã không những đưa lại quan niệm khoa học về giai cấp công nhân mà còn làm sáng tỏ những đặc điểm quan trọng của nó với tư cách là một giai cấp cách mạng có sứ mệnh lịch sử thế giới. Có thể khái quát những đặc điểm chủ yếu của giai cấp công nhân bao gồm:

+ Đặc điểm nổi bật của giai cấp công nhân là lao động bằng phương thức công nghiệp với đặc trưng công cụ lao động là máy móc, tạo ra năng suất lao động cao, quá trình lao động mang tính chất xã hội hóa.

+ Giai cấp công nhân là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại. Do đó, giai cấp công nhân là đại biểu cho lực

---

1 C.Mác và Ph.Ăngghen: Sđd, 1995, tập 4, tr. 596.
2 C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, Nxb. CTQG. Hà Nội, 1993, T.7, tr. 29

lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất tiên tiến, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội hiện đại.

+ Nền sản xuất đại công nghiệp và phương thức sản xuất tiên tiến đã rèn luyện cho giai cấp công nhân những phẩm chất đặc biệt về tính tổ chức, kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác và tâm lý lao động công nghiệp. Đó là một giai cấp cách mạng và có tinh thần cách mạng triệt để.

Những đặc điểm ấy chính là những phẩm chất cần thiết để giai cấp công nhân có vai trò lãnh đạo cách mạng. Tư phân tích trên có thể hiểu về giai cấp công nhân theo khái niệm sau:

*Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; Là giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến; Là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; Ở các nước tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động vì lợi ích chung của toàn xã hội trong đó có lợi ích chính đáng của mình.*

***1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân***

*1.2.1. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân chính là những nhiệm vụ mà giai cấp công nhân cần phải thực hiện với tư cách là giai cấp tiên phong, là lực lượng đi đầu trong cuộc cách mạng xác lập hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

*a) Nội dung kinh tế*

Là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất xã hội hóa cao, giai cấp công nhân cũng là đại biểu cho quan hệ sản xuất mới, tiên tiến nhất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, đại biểu cho phương thức sản xuất tiến bộ nhất thuộc về xu thế phát triển của lịch sử xã hội.

Vai trò chủ thể của giai cấp công nhân, trước hết là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất để sản xuất ra của cải vật chất ngày càng nhiều đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của con người và xã hội. Bằng cách đó, giai cấp công nhân tạo tiền đề vật

chất kỹ thuật cho sự ra đời của xã hội mới.

Mặt khác, tính chất xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất đòi hỏi một quan hệ sản xuất mới, phù hợp với chế độ công hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội là nền tảng, tiêu biểu cho lợi ích của toàn xã hội. Giai cấp công nhân đại biểu cho lợi ích chung của xã hội.

Chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất không có lợi ích riêng với nghĩa là tư hữu. Nó phấn đấu cho lợi ích chung của toàn xã hội. Nó chỉ tìm thấy lợi ích chân chính của mình khi thực hiện được lợi ích chung cho cả xã hội.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân thông qua quá trình công nghiệp hóa và thực hiện "một kiểu tổ chức xã hội mới về lao động" để tăng năng suất lao động xã hội và thực hiện các nguyên tắc sở hữu, quản lí và phân phối phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Trên thực tế, hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa lại ra đời từ phương thức phát triển rút ngắn, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Do đó, để thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình về nội dung kinh tế, giai cấp công nhân phải đóng vai trò nòng cốt trong quá trình giải phóng lực lượng sản xuất (vốn bị kìm hãm, lạc hậu, chậm phát triển trong quá khứ), thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển để tạo cơ sở cho quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa ra đời.

Công nghiệp hóa là một tất yếu có tính quy luật để xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân phải là lực lượng đi đầu thực hiện công nghiệp hóa, cũng như hiện nay, trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế, yêu cầu mới đặt ra đòi hỏi phải gắn liền công nghiệp hóa với hiện đại hóa, đẩy mạng công nghiệp hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

*b) Nội dung chính trị - xã hội*

Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tiến hành cách mạng chính trị để lật đổ quyền thống trị của giai cấp tư sản, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức của chủ nghĩa tư bản, giành quyền lực về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Thiết lập nhà nước kiểu mới, mang bản chất giai cấp công nhân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền lực của nhân dân, quyền dân chủ và làm chủ xã hội của tuyệt đại đa số nhân dân lao động.

Giai cấp công nhân và nhân dân lao động sử dụng nhà nước của mình, do mình làm chủ như một công cụ có hiệu lực để cải tạo xã hội cũ và tổ chức xây dựng xã hội mới, phát triển kinh tế và văn hóa, xây dựng nền chính trị dân chủ - pháp quyền, quản lí kinh tế - xã hội và tổ chức đời sống xã hội phục vụ quyền và lợi ích của nhân dân lao động, thực hiện dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội, theo lí tưởng và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

*c) Nội dung tư tưởng, văn hóa*

Thực hiện sứ mệnh của mình, giai cấp công nhân trong tiến trình cách mạng cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng cần phải tập trung xây dựng hệ giá trị mới: lao động; công bằng; dân chủ; bình đẳng và tự do.

Hệ giá trị mới này là sự phủ định các giá trị tư sản mang bản chất tư sản và phục vụ cho giai cấp tư sản; những tàn dư các giá trị đã lỗi thời, lạc hậu của các xã hội quá khứ. Hệ giá trị mới thể hiện bản chất ưu việt của chế độ mới xã hội chủ nghĩa sẽ từng bước phát triển và hoàn thiện.

Giai cấp công nhân thực hiện cuộc cách mạng về văn hóa, tư tưởng bao gồm cải tạo cái cũ lỗi thời, lạc hậu, xây dựng cái mới, tiến bộ trong lĩnh vực ý thức tư tưởng, trong tâm lí, lối sống và trong đời sống tinh thần xã hội. Xây dựng và củng cố ý thức hệ tiên tiến của giai cấp công nhân, đó là chủ nghĩa Mác – Lênin, đấu tranh để khắc phục ý thức hệ tư sản và các tàn dư còn sót lại của các hệ tư tưởng cũ. Phát triển văn hóa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đạo đức và lối sống mới xã hội chủ nghĩa là một trong những nội dung căn bản mà cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng đặt ra đối với sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân hiện đại.

*1.2.2. Đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

*a) Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân xuất phát từ những tiền đề kinh tế - xã hội của sản xuất mang tính xã hội hóa với hai biểu hiện nổi bật là*:

*Thứ nhất*, xã hội hóa sản xuất làm xuất hiện những tiền đề vật chất, thúc đẩy sự phát triển của xã hội, thúc đẩy sự vận động của mâu thuẫn cơ bản trong lòng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Sự xung đột giữa tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất với tính chất chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất là nội dung kinh tế - vật chất của mâu thuẫn cơ bản đó trong chủ nghĩa tư bản.

*Thứ hai*, quá trình sản xuất mang tính chất xã hội hóa đã sinh ra giai cấp công

nhân và rèn luyện nó thành chủ thể thực hiện sứ mệnh lịch sử. Do mâu thuẫn về lợi ích cơ bản không thể điều hòa giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, nên mâu thuẫn này trở thành động lực chính cho cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội hiện đại.

Giải quyết mâu thuẫn cơ bản về kinh tế và chính trị trong lòng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chính là sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Đó là tính quy định khách quan, yêu cầu khách quan của sự vận động, phát triển của lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Có sự thống nhất, tác động biện chứng giữa tính quy định khách quan về sứ mệnh lịch sử với nỗ lực chủ quan của chủ thể thực hiện sứ mệnh lịch sử đó. Giai cấp công nhân ở trình độ trưởng thành trong cuộc đấu tranh giai cấp chống chủ nghĩa tư bản, từ đấu tranh kinh tế (tự phát) đến đấu tranh tư tưởng, lí luận (tự giác, có ý thức hệ tiên tiến chủ đạo) tiến đến trình độ cao nhất là đấu tranh chính trị, có đội tiên phong lãnh đạo là Đảng Cộng sản…thì với tư cách chủ thể, nó thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình một cách tự giác, có tổ chức, có sự liên kết với quần chúng lao động trong dân tộc và quốc tế, với chủ nghĩa quốc tế chân chính của giai cấp công nhân (chủ nghĩa quốc tế vô sản).

*b) Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là sự nghiệp cách mạng của bản thân giai cấp công nhân cùng với đông đảo quần chúng và mang lại lợi ích cho đa số*. Đây là một cuộc cách mạng của đại đa số mưu lợi ích cho tuyệt đại đa số nhờ việc hướng tới xây dựng một xã hội dựa trên chế độ công hữu những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Sự thống nhất cơ bản về lợi ích của giai cấp công nhân với lợi ích của nhân dân lao động tạo ra điều kiện để đặc điểm quan trọng này về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được thực hiện.

Lực lượng sản xuất xã hội hóa cao, ở trình độ phát triển hiện đại và chế độ công hữu sẽ tạo ra cơ sở kinh tế để chấm dứt vĩnh viễn chế độ người bóc lột người.

Giai cấp công nhân chỉ có thể tự giải phóng mình thông qua việc đồng thời giải phóng các giai cấp bị áp bức bóc lột khác, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Giai cấp công nhân thông qua đội tiền phong của nó là Đảng Cộng sản sẽ thực hiện sứ mệnh lịch sử bằng một cuộc cách mạng triệt để không chỉ xóa bỏ sự thống trị áp bức của chủ nghĩa tư bản mà còn xây dựng thành công chế độ xã hội mới – xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, tiến tới một xã hội không còn giai cấp. Thực hiện

cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, để xác lập hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa (mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội) – đó là con đường, phương thức để thực hiện sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân. Đó là một tiến trình lịch sử lâu dài gắn liền với vai trò, trọng trách lãnh đạo của Đảng Cộng sản – đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, đến lúc đó giai cấp công nhân mới hoàn thành được sứ mệnh lịch sử thế giới của mình.

c) *Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân không phải là thay thế chế độ sở hữu tư nhân này bằng một chế độ sở hữu tư nhân khác mà là xóa bỏ triệt để chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất.* Đối tượng xóa bỏ ở đây là sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa là nguồn gốc sinh ra những áp bức, bóc lột, bất công trong xã hội hiện đại.

Sự xóa bỏ này hoàn toàn bị quy định một cách khách quan từ trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

*d) Việc giai cấp công nhân giành lấy quyền lực thống trị xã hội là tiền đề để cải tạo toàn diện, sâu sắc và triệt để xã hội cũ và xây dựng thành công xã hội mới với mục tiêu cao nhất là giải phóng con người.*

Nếu các cuộc cách mạng trước đây, điển hình là cách mạng tư sản coi việc giành được chính quyền là mục tiêu duy nhất để thực hiện quyền tư hữu thì cuộc cách mạng của giai cấp công nhân nhằm xóa bỏ tình trạng bóc lột, áp bức và nô dịch con người, xóa bỏ sự thống trị của giai cấp tư sản để thực hiện quyền làm chủ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong chế độ xã hội mới – xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Đó là cuộc cách mạng triệt để nhất thực hiện lí tưởng và mục tiêu của chủ nghĩa cộng sản "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người như C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhấn mạnh trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản"", năm 1848.

### *1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

#### *1.3.1. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

Khẳng định tính tất yếu khách quan sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu rõ: "…Cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, chính cái nền tảng trên đó giai cấp tư sản đã sản xuất và chiếm hữu sản phẩm của nó,

đã bị phá sập dưới chân giai cấp tư sản. Trước hết, giai cấp tư sản sản sinh ra những người đạo huyệt chôn chính nó. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau"[1].

Điều kiện khách quan quy định vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân bao gồm:

*Thứ nhất, do địa vị kinh tế của giai cấp công nhân quy định*

Giai cấp công nhân là con đẻ, là sản phẩm của nền đại công nghiệp trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại. Vì thế, giai cấp công nhân đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến và lực lượng sản xuất hiện đại.

Nền sản xuất hiện đại với xu thế xã hội hóa cao tạo ra "tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết" (C.Mác) cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

Điều kiện khách quan này là nhân tố kinh tế, quy định giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giành chính quyền về tay mình, chuyển từ giai cấp "tự nó" thành giai cấp "vì nó". Giai cấp công nhân trở thành đại biểu cho sự tiến hóa tất yếu của lịch sử, là lực lượng duy nhất có đủ điều kiện để tổ chức và lãnh đạo xã hội, xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tạo nên nền tảng vững chắc để xây dựng chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội kiểu mới, không còn chế độ người áp bức, bóc lột người.

*Thứ hai, do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân quy định*

Là con đẻ của nền sản xuất đại công nghiệp, giai cấp công nhân có được những phẩm chất của một giai cấp tiên tiến, giai cấp cách mạng: tính tổ chức và kỉ luật, tự giác và đoàn kết trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình và giải phóng xã hội.

Những phẩm chất ấy của giai cấp công nhân được hình thành từ những tiền đề khách quan, được quy định từ địa vị kinh tế và địa vị chính trị - xã hội của nó trong nền sản xuất hiện đại và trong xã hội hiện đại mà giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một cách khách quan, ngoài ý muốn của nó.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân sở dĩ được thực hiện bởi giai cấp công nhân vì nó là giai cấp cách mạng, đại biểu cho lực lượng sản xuất hiện đại, cho phương thức sản xuất tiên tiến thay thế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, xác lập

---

1C.Mác và Ph.Ăngghen: Sđd, 1995, tập 4, tr. 613

phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Giai cấp công nhân là đại biểu cho tương lai, cho xu thế đi lên của tiến trình phát triển lịch sử. Đây là đặc tính quan trọng, quyết định bản chất cách mạng của giai cấp công nhân. Hoàn toàn không phải vì nghèo khổ mà mà giai cấp công nhân là một giai cấp cách mạng. Tình trạng nghèo khổ của giai cấp công nhân dưới chủ nghĩa tư bản là hậu quả của sự bóc lột, áp bức mà giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản tạo ra đối với công nhân. Đó là trạng thái mà cách mạng sẽ xóa bỏ để giải phóng giai cấp công nhân và giải phóng xã hội.

*1.3.2. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử*

Chủ nghĩa Mác – Lênin chỉ ra những điều kiện thuộc về nhân tố chủ quan để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của minh. Đó là:

*a) Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng*. Thông qua sự phát triển này có thể thấy sự lớn mạnh của giai cấp công nhân cùng với quy mô phát triển của nền sản xuất vật chất hiện đại trên nền tảng của công nghiệp, của kĩ thuật và công nghệ.

Sự phát triển về số lượng phải gắn liền với sự phát triển về chất lượng của giai cấp công nhân hiện đại, đảm bảo cho giai cấp công nhân thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình. Chất lượng giai cấp công nhân phải thể hiện ở trình độ trường thành về ý thức chính trị của một giai cấp cách mạng, tức là tự giác nhận thức được vai trò và trọng trách của giai cấp mình đối với lịch sử, do đó giai cấp công nhân phải được giác ngộ về lí luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Là giai cấp đại diện tiêu biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, chất lượng giai cấp công nhân còn phải thể hiện ở năng lực và trình độ làm chủ khoa học kĩ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là trong điều kiện hiện nay. Cuộc cách mạng công nghiệp lầ thứ 4 (4.0) đang tác động sâu sắc vào sản xuất, vào quản lí và đời sống xã hội nói chung, đang đòi hỏi sự biến đổi sâu sắc tính chất, phương thức lao động của công nhân, lao động bằng trí óc, bằng năng lực trí tuệ, bằng sức sáng tạo sẽ ngày càng tăng lên, lao động giản đơn, cơ bắp trong truyền thống sẽ giảm dần bởi sự hỗ trợ của máy móc, của công nghệ hiện đại, trong đó có vai trò của công nghệ thông tin. Trình độ học vấn, tay nghề, bậc thợ của công nhân, văn hóa sản xuất, văn hóa lao động đáp ứng yêu cầu của kinh tế trì thức là những thước đo quan trọng về sự phát triển chất lượng của

giai cấp công nhân hiện đại.

Chỉ với sự phát triển như vậy về số lượng và chất lượng, đặc biệt về chất lượng thì giai cấp công nhân mới có thể thực hiện được sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình.

*b) Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình*

Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân ra đời và đảm nhận vai trò lãnh đạo các cuộc cách mạng là dấu hiệu về sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân với tư cách là giai cấp cách mạng.

Quy luật chung cho sự ra đời của Đảng Cộng sản là sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học, tức chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân.[1]

Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội và nguồn bổ sung lực lượng quan trọng nhất của Đảng, làm cho Đảng mang bản chất giai cấp công nhân trở thành đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp. Đảng Cộng sản đại biểu trung thành cho lợi ích giai cấp công nhân, của dân tộc và xã hội. Sức mạnh của Đảng không chỉ thể hiện ở bản chất giai cấp công nhân mà còn ở mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, với quần chúng lao động đông đảo trong xã hội, thực hiện cuộc cách mạng do Đảng lãnh đạo để giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội.

c) Ngoài hai điều kiện thuộc về nhân tố chủ quan nêu trên chủ nghĩa Mác – Lênin còn chỉ rõ, để cuộc cách mạng thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đi tới thắng lợi, phải có sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với các tầng lớp lao động khác do giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Đây cũng là một điều kiện quan trọng không thể thiếu để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

## 2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay

### *2.1. Giai cấp công nhân hiện nay*

---

1 Đảng Cộng sản là sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân. Ở Việt Nam quy luật phổ biến này được thể hiện trong tính đặc thù, xuất phát từ hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của Việt Nam. Đó là: Đảng Cộng sản ra đời là kết quả của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của dân tộc. Đây là phát kiến rất quan trọng của Hồ Chí Minh.

Giai cấp công nhân hiện nay là những tập đoàn người sản xuất và dịch vu bằng phương thức công nghiệp tạo nên cơ sở vật chất cho sự tồn tại và phát triển của thế giới hiện nay.

So với giai cấp công nhân truyền thống ở thế kỉ XIX thì giai cấp công nhân hiện nay vừa có những điểm tương đồng vừa có những điểm khác biệt, có những biến đổi mới trong điều kiện lịch sử mới. Cần phải làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt đó theo quan điểm lịch sử - cụ thể của chủ nghĩa Mác – Lênin, mặt khác, cần có những bổ sung, phát triển nhận thức mới về việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay.

*Thứ nhất*. Về điểm tương đồng

Giai cấp công nhân hiện nay vẫn đang là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại. Họ là chủ thể của quá trình sản xuất công nghiệp hiện đại mang tính chất xã hội hóa ngày càng cao. Ở các nước phát triển, có một tỉ lệ thuận giữa sự phát triển của giai cấp công nhân với sự phát triển kinh tế. Lực lượng lao động bằng phương thức công nghiệp chiếm tỷ lệ cao ở mức tuyệt đối ở những nước có trình độ phát triển cao về kinh tế, đó là những nước công nghiệp phát triển (như các nước thuộc nhóm G7). Cũng vì thế, đa số các nước phát triển hiện nay đều thực hiện chiến lược công nghiệp hóa nhằm đẩy nhanh tốc độ, chất lượng và quy mô phát triển. Công nghiệp hóa vẫn là cơ sở khách quan để giai cấp công nhân hiện đại phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng.

Cũng giống như thế kỉ XIX, ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay, công nhân vẫn bị giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản bóc lột giá trị thặng dư. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa với chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa sản sinh ra tình trạng bóc lột này vẫn tồn tại. Thực tế đó cho thấy, xung đột về lợi ích cơ bản giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân (giữa tư bản và lao động) vẫn tồn tại, vẫn là nguyên nhân cơ bản, sâu xa của đấu tranh giai cấp trong xã hội hiện đại ngày nay.

Phong trào cộng sản và công nhân ở nhiều nước vẫn luôn là lực lượng đi đầu trong các cuộc đấu tranh vì hòa bình, hợp tác và phát triển, vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

Từ những điểm tương đồng đó của công nhân hiện đại so với công nhân thế kỉ XIX, có thể khẳng định: *Lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong chủ*

*nghĩa Mác – Lênin vẫn mang giá trị khoa học và cách mạng, vẫn có ý nghĩa thực tiễn to lớn, chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay của giai cấp công nhân, phong trào công nhân và quần chúng lao động, chống chủ nghĩa tư bản và lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển của thế giới ngày nay*.

*Thứ hai*. Những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại

Gắn liền với cách mạng và khoa học công nghệ hiện đại, với sự phát triển kinh tế tri thức, công nhân hiện đại có xu hướng trí tuệ hóa. Tri thức hóa và trí thức hóa công nhân là hai mặt của cùng một quá trình, của xu hướng trí tuệ hóa đối với công nhân và giai cấp công nhân. Trên thực tế đã có thêm nhiều khái niệm mới để chỉ công nhân theo xu hướng này. Đó là "công nhân tri thức", "công nhân trí thức", "công nhân áo trắng", lao động trình độ cao. Nền sản xuất và dịch vụ hiện đại đòi hỏi người lao động phải có hiểu biết sâu rộng tri thức và kỹ năng nghề nghiệp.

Báo cáo phát triển nhân lực của Ngân hàng Thế giới từ đầu thế kỉ XXI (2002) đã nêu rõ: "Tri thức là một động lực cơ bản cho việc gia tăng năng suất lao động và cạnh tranh toàn cầu. Nó là yếu tố quyết định trong quá trình phát minh, sáng kiến và tạo ra của cải xã hội."

Ngày nay, công nhân được đào tạo chuẩn mực và thường xuyên được đào tạo lại, đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ trong nền sản xuất. Hao phí lao động hiện đại chủ yếu là hao phí về trí lực chứ không còn thuần túy là hao phí sức lực cơ bắp. Cùng với nhu cầu vật chất, nhu cầu về tinh thần và văn hóa tinh thần của công nhân ngày càng tăng, phong phú đa dạng hơn và đòi hỏi chất lượng hưởng thụ tinh thần cao hơn.

Với tri thức và khả năng làm chủ công nghệ, với năng lực sáng tạo trong nền sản xuất hiện đại, người công nhân hiện đại đang có thểm điều kiện vật chất để tự giải phóng. Công nhân hiện đại với trình độ tri thức và làm chủ công nghệ cao, với sự phát triển của năng lực trí tuệ trong kinh tế tri thức, trở thành nguồn lực cơ bản, nguồn vốn xã hội quan trọng nhất trong các nguồn vốn của xã hội hiện đại.

Tính chất xã hội hóa của lao động công nghiệp mang nhiều biểu hiện mới: sản xuất công nghiệp trong thế giới toàn cầu hóa đang mở rộng thành "chuỗi giá trị toàn cầu". Quá trình sản xuất một sản phẩm liên kết nhiều công đoạn của nhiều vùng, miền, quốc gia, khu vực. Khác với truyền thống, trong nền sản xuất hiện đại dựa trên nền sự

phát triển của công nghiệp và công nghệ cao, đã xuất hiện những hình thức liên kết mới như "xuất khẩu lao động tại chỗ", "làm việc tại nhà", "nhóm chuyên gia quốc tế", "quốc tế hóa các tiêu chuẩn sản xuất công nghiệp" (như ISO 9001, 9002). Tính chất xã hội hóa cao của lao động hiện đại ngày càng được mở rộng và nâng cao. Lực lượng sản xuất hiện đại đã vượt ra khỏi phạm vi quốc gia – dân tộc và mang tính chất quốc tế, trở thành lực lượng sản xuất của thế giới toàn cầu.

Trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp thế hệ mới (4.0), công nhân hiện đại cũng tăng nhanh về số lượng, thay đổi lớn về cơ cấu trong nền sản xuất hiện đại.

Với các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp lãnh đạo và Đảng Cộng sản trở thành Đảng cầm quyền. Đó là những biến đổi mới của giai cấp công nhân hiện nay so với giai cấp công nhân thế kỉ XIX.

***2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai công nhân trên thế giới hiện nay***

*2.2.1. Nội dung về kinh tế - xã hội*

Thông qua vai trò của giai cấp công nhân trong quá trình sản xuất với công nghệ hiện đại, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo cho phát triển bền vững, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đối với sự phát triển xã hội ngày càng thể hiện rõ, bởi sự phát triển sản xuất của chủ nghĩa tư bản trong thế giới ngày nay với sự tham gia trực tiếp của giai cấp công nhân và các lực lượng lao động – dịch vụ trình độ cao lại chính là nhân tố kinh tế - xã hội thúc đẩy sự chín muồn các tiền đề của chủ nghĩa xã hội trong lòng chủ nghĩa tư bản. Đó lại là điều kiện để phát huy vai trò chủ thể của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

Mặt khác, mâu thuẫn lợi ích cơ bản giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản cũng ngày càng sâu sắc ở từng quốc gia và trên phạm vi toàn cầu. Toàn cầu hóa hiện nay vẫn mang đậm tính chất tư bản chủ nghĩa với những bất công và bất bình đẳng xã hội lại thúc đẩy cuộc đấu tranh chống chế độ bóc lột giá trị thặng dư trên phạm vi thế giới, phấn đấu cho việc xác lập một trật tự xã hội mới công bằng và bình đẳng, đó là từng bước thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong kinh tế - xã hội.

*2.2.2. Về nội dung chính trị - xã hội*

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, mục tiêu đấu tranh trực tiếp của giai cấp công

nhân và lao động là chống bất công và bất bình đẳng xã hội. Mục tiêu lâu dài là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động, được nêu rõ trong cương lĩnh chính trị của các Đảng Cộng sản trong các nước tư bản chủ nghĩa. Đối với các nước xã hội chủ nghĩa, nơi các Đảng Cộng sản đã trở thành Đảng cầm quyền, nội dung chính trị - xã hội của sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân là lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, giải quyết thành công các nhiệm vụ trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

*2.2.3. Về nội dung văn hóa, tư tưởng*

Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong điều kiện thế giới ngày nay trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng trước hết là cuộc đấu tranh ý thức hệ. Đó là cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản. Cuộc đấu tranh này đang diễn ra phức tạp và quyết liệt, nhất là trong nền kinh tế thị trường phát triển với những tác động mặt trái của nó. Mặt khác, khi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tan rã, phong trào cách mạng thế giới đang phải vượt qua những thoái trào tạm thời thì niềm tin vào lý tưởng xã hội chủ nghĩa cũng đứng trước những thử thách càng làm cho cuộc đấu tranh tư tưởng lí luận giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội trở nên phức tạp và gay gắt hơn.

Song các giá trị đặc trưng cho bản chất khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân, của chủ nghĩa xã hội vẫn mang ý nghĩa chỉ đạo, định hướng trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và quần chúng lao động chống chủ nghĩa tư bản và lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa cho sự phát triển của xã hội.

Các giá trị như lao động, sáng tạo, công bằng, dân chủ, bình đẳng, tự do vẫn là những giá trị được nhân loại thừa nhận và phấn đấu thực hiện. Trên thực tế, các giá trị mà nhân loại hướng tới đều tương đồng với các giá trị lí tưởng, mục tiêu của giai cấp công nhân.

Không chỉ ở các nước xã hội chủ nghĩa mà ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động vì những giá trị cao cả đó đã đạt được nhiều tiến bộ xã hội quan trọng.

Đấu tranh để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản, giáo dục nhận thức

và củng cố niềm tin khoa học đối với lí tưởng, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giáo dục và thực hiện chủ nghĩa quốc tế chân chính giai cấp công nhân trên cơ sở phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chính là nội dung của sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay về văn hóa tư tưởng.

**3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam**

***3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam***

Tại Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ướng khóa X, Đảng ta đã xác định: "Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp hoặc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có tính chất công nghiệp"[1].

Giai cấp công nhân ra đời và phát triển gắn liền với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam. Giai cấp công nhân Việt Nam mang những đặc điểm chủ yếu sau đây:

- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản vào đầu thế kỷ XX, là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân và bè lũ tay sai của chúng. Giai cấp công nhân Việt Nam phát triển chậm vì sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, dưới ách thống trị của thực dân Pháp.

- Trực tiếp đối kháng với tư bản Pháp, trong cuộc đấu tranh chống tư bản thực dân đế quốc và phong kiến để giành độc lập, chủ quyền, xóa bỏ ách bóc lột và thống trị thực dân , giai cấp công nhân đã tự thể hiện mình là lực lượng chính trị tiên phong để lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải quyết mâu thuẫn cơ bản giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc thực dân và phong kiến thống trị, mở đường cho sự phát triển của dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản. Giai cấp công nhân Việt Nam không chỉ thể hiện đặc tính cách mạng của mình ở ý thức giai cấp và lập trường chính trị mà còn thể hiện tinh thần dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, với dân tộc có truyền thống yêu nước, đoàn kết và bất khuất chống xâm lược.

Tuy số lượng giai cấp công nhân Việt Nam khi ra đời còn ít, những đặc tính của công nhân với tư cách là sản phẩm của đại công nghiệp chưa thật đầy đủ, lại sinh

1 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, khóa X*, Nxb. CTQG, H.2008, tr.43

trưởng trong một xã hội nông nghiệp còn mang nhiều tàn dư của tâm lí tiểu nông nhưng giai cấp công nhân Việt Nam sớm được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng chống thực dân đế quốc nên đã trưởng thành nhanh chóng về ý thức chính trị của giai cấp, sớm giác ngộ lí tưởng, mục tiêu cách mạng, tức là giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình, nhất là từ khi Đảng ra đời. Lịch sử đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và của Đảng cũng như của phong trào công nhân Việt Nam do Đảng lãnh đạo gắn liền với lịch sử và truyền thống đấu tranh của dân tộc, nổi bật ở truyền thống yêu nước và đoàn kết đã cho thấy giai cấp công nhân Việt Nam trung thành với chủ nghĩa Mác – Lênin, với Đảng Cộng sản với lí tưởng, mục tiêu cách mạng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để và là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản.

- *Giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với các tầng lớp trong xã hội.* Lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc gắn chặt với nhau, tạo thành động lực thúc đẩy đoàn kết giai cấp gắn liền với đoàn kết dân tộc trong mọi thời kì đấu tranh cách mạng, từ cách mạng giải phóng dân tộc đế cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Đại bộ phận công nhân Việt Nam xuất thân từ nông dân và các tầng lớp lao động khác, cùng chung lợi ích, cùng chung nguyện vọng và khát vọng đấu tranh cho độc lập tự do, để giải phóng dân tộc và phát triển dân tộc Việt Nam, hướng đích tới chủ nghĩa xã hội nên giai cấp công nhân Việt Nam có mối liên hệ tự nhiên, chặt ché với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động trong xã hội. Đặc điểm này tạo ra thuận lợi để giai cấp công nhân xây dựng khối liên minh giai cấp với giai cấp nông dân, với đội ngũ trí thức làm nòng cốt trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đó cũng là cơ sở xã hội rộng lớn để thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam, trước đay cũng như hiện nay.

Những đặc điểm nêu trên bắt nguồn từ lịch sử hình thành và phát triển giai cấp công nhân Việt Nam với cơ sở kinh tế - xã hội và chính trị ở đầu thế kỉ XX.

Ngày nay, nhất là trong hơn 30 đổi mới vừa qua, những đạc điểm đó của giai cấp công nhân đã có những biến đổi do tác động của tình hình kinh tế - xã hội trong nước và những tác động của tình hình quốc tế và thế giới. Bản thân giai cấp công nhân Việt Nam cũng có những biến đổi từ cơ cấu xã hội – nghề nghiệp, trình độ học vấn và

tay nghề bậc thợ, đến đời sống, lối sống, tâm lý ý thức. Đội tiên phong của giai cấp công nhân là Đảng Cộng sản đã có một quá trình trưởng thành, trở thành Đảng cầm quyền, duy nhất cầm quyền ở Việt Nam, đang nỗ lực tự đổi mới, tự chỉnh đốn để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng ngang tầm nhiệm vụ.

Có thể nói tới những biến đổi đó trên những nét chính sau đây:

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đã tăng nhanh về số lượng và chất lượng, là giai cấp đi đấu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế nhưng đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo.

- Công nhân tri thức, nắm vững khoa học – công nghệ tiên tiến, và công nhân trẻ được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp, học vấn, văn hóa, được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất và thực tiễn xã hội, là lực lượng chủ đạo trong cơ cấu giai cấp công nhân, trong lao động và phong trào công đoàn.

Trong môi trường kinh tế - xã hội đổi mới, trong đà phát triển mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp lần thứ 4, giai cấp công nhân Việt Nam đứng trước thời cơ phát triển và những thách thức nguy cơ trong phát triển.

- Để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, cùng với việc xây dựng, phát triển giai cấp công nhân lớn mạnh, hiện đại, phải đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng lãnh đạo, cầm quyền phải thật sự trong sạch vững mạnh. Đó là điểm then chốt để thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân ở Việt Nam.

***3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay***

Trong thời kì đổi mới, Đảng ta đã xác định vai trò của giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử to lớn của giai cấp công nhân ở nước ta.

"Trong thời kì đổi mới, giai cấp công nhân nước ta có sứ mệnh lịch sử to lớn: là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ,

văn minh, lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng"[1].

Để thực hiện sứ mệnh lịch sử to lớn đó, giai cấp công nhân Việt Nam phát huy vai trò của một giai cấp tiên phong, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng để giải quyết các nhiệm vụ cụ thể thuộc nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

- *Về kinh tế*:

Giai cấp công nhân Việt Nam với số lượng đông đảo công nhân có cơ cấu ngành nghề đa dạng, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ công nghiệp ở mọi thành phần kinh tế, với chất lượng ngày một nâng cao về kĩ thuật và công nghệ sẽ là nguồn nhân lực lao động chủ yếu tham gia phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy khoa học - công nghệ làm động lực quan trọng, quyết định tăng năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả. Đảm bảo tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thực hiện hài hòa lợi ích cá nhân – tập thể và xã hội.

Giai cấp công nhân phát huy vai trò và trách nhiệm của lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây là vấn đề nổi bật nhất đối với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay. Thực hiện thắng lợi mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có nền công nghiệp hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa trong một, hai thập kỉ tới, với tầm nhìn tới giữa thế ki XXI (2050) đó là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân mà giai cấp công nhân là nòng cốt. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam phải gắn liền với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Tham gia vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giai cấp công nhân có điều kiện khách quan thuận lợi để phát triển cả số lượng và chất lượng, làm cho những phẩm chất của giai cấp công nhân hiện đại được hình thành và phát triển đầy đủ trong môi trường xã hội hiện đại, với phương thức lao động công nghiệp hiện đại. Đó còn là điều kiện làm cho giai cấp công nhân Việt Nam khắc phục được những nhược điểm, hạn chế vốn có do hoàn cảnh lịch sử và nguồn gốc xã hội sinh ra (tâm lí tiểu nông, lối sống nông dân, thói quen, tập quán lạc hậu từ

1 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, khóa X*, Nxb. CTQG, H.2008.

truyền thống xã hội nông nghiệp cổ truyền thâm nhập vào công nhân).

Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên lĩnh vực kinh tế gắn liền với việc phát huy vai trò của giai cấp công nhân, của công nghiệp, thực hiện khối liên minh công – nông – trí thức để tạo ra những động lực phát triển nông nghiệp – nông thôn và nông dân ở nước ta theo hướng phát triển bền vững, hiện đại hóa, chủ động hội nhập quốc tế, nhất là hội nhập kinh tế quốc tế, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái. Như vậy, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một quá trình tạo ra sự phát triển và trưởng thành không chỉ đối với giai cấp công nhân mà cón đối với nông dân, tạo ra nội dung mới, hình thức mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả khối liên minh công – nông – trí thức ở nước ta.

- *Về chính trị - xã hội*:

Cùng với nhiệm vụ giữa vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thì nhiệm vụ "Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ" là những nội dung chính yếu, nổi bật thể hiện sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân về phương diện chính trị - xã hội. Thực hiện trọng trách đó, đội ngũ cán bộ đảng viên trong giai cấp công nhân phải nêu cao trách nhiệm tiên phong, đi đầu, góp phần củng cố và phát triển cơ sở chính trị - xã hội quan trọng của Đảng đồng thời giai cấp công nhân (thông qua hệ thống tổ chức công đoàn) chủ động, tích cực tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng thực sự tỏng sạch, vững mạnh, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa để bảo vệ nhân dân – đó là trọng trách lịch sử thuộc về sứ mệnh của giai cấp công nhân Việt nam hiện nay.

- *Về văn hóa tư tưởng*:

Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc có nội dung cốt lõi là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, giáo dục đạo đức cách mạng, rèn luyện lối sống, tác phong công nghiệp, văn minh, hiện đại, xây dựng hệ giá trị và con người Việt Nam, hoàn thiện nhân cách – Đó là nội dung trực tiếp về văn hóa tư tưởng thể hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, trước hết là trọng trách lãnh đạo của Đảng. Giai cấp công nhân còn tham gia vào cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng lí luận để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là nền tảng tư tưởng của Đảng, chống lại những quan điểm sai trái,

xuyên tạc của các thế lực thù địch, kiên định lí tưởng, mục tiêu và con đường cách mạng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Muốn thực hiện được sứ mệnh lịch sử này, giai cấp công nhân Việt Nam phải thường xuyên giáo dục cho các thế hệ công nhân và lao động trẻ em ở nước ta về ý thức giai cấp, bản lĩnh chính trị, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa giai cấp công nhân với dân tộc, đoàn kết giai cấp gắn liền với đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Đó là sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong thời đại Hồ Chí Minh.

### *3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay*

#### *3.3.1. Phương hướng*

Đại hội làn thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là: "Đối với giai cấp công nhân, phát triển về số lượng, chất lượng và tổ chức; nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Giải quyết việc làm, giảm tối đa số công nhân thiếu việc làm và thất nghiệp. Thực hiện tốt chính sách và pháp luật đối với công nhân và lao động, như Luật Lao động, Luật Công đoàn, chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hộ lao động, chăm sóc, phục hồi sức khỏe đối với công nhân; có chính sách ưu đãi nhà ở đối với công nhân bậc cao. Xây dựng tổ chức, phát triển đoàn viên công đoàn, nghiệp đoàn đều khắp ở các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế….Chăm lo đào tạo cán bộ và kết nạp đảng viên từ những công nhân ưu tú."[1]

Tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Đảng ta đã ra Nghị quyết về "Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", trong đó nhấn mạnh: "... xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, có giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng; có ý thức công dân, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tiêu biểu cho tinh hoa văn hóa của dân tộc; nhạy bén và vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những biến đổi của tình hình trong nước; có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết, hợp tác quốc tế;

1Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. CTQG, Hà Nội, 2006, tr.118.

thực hiện sứ mệnh lịch của của giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam…Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, phát triển nhan về số lượng, nâng cao chất lượng, có cơ cấu đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; ngày càng được trí thức hóa: có trình độ học vấn, chuyên môn, kĩ năng nghề nghiệp cao, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học – công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức; thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế; …có tác phong công nghiệp và kỉ luật cao”.[1]

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng khẳng định: “Coi trọng giữ vững bản chất giai cấp công nhân và các nguyên tắc sinh hoạt của Đảng”[2]. Đồng thời, “Chú trọng xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp công nhân, giai cấp nông nhân, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới”[3]. Vì vậy, Đảng và Nhà nước phải “quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động của công nhân; bảo đảm việc làm, nhà ở, các công trình phúc lợi phục vụ cho công nhân; sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,...để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân”[4].

*3.3.2. Một số giải pháp chủ yếu*

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kì mới cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, nâng cao nhận thức kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là một điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hai là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn với xây dựng và phát huy

---

1*Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2008, tr. 50.*
2Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb. CTQG - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 186.
3Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb. CTQG - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 37 - 38.
4Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb. CTQG - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 160.

sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức và doanh nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phát huy vai trò giai cấp công nhân trong khối đại đoàn kết dân tộc – động lực chủ yếu của sự phát triển đất nước; đồng thời tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân trên toàn thế giới.

Ba là, thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế. Xử lí đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực tiễn tiến bộ và công bằng xã hội và chăm lo xây dựng giai cấp công nhân; đảm bảo hài hóa lợi ích giữa công nhân, sử dụng người lao động, Nhà nước và toàn xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân, quan tâm giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân.

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hóa giai cấp công nhân. Đặc biệt quan tâm xây dựng thế hệ công nhân trẻ, có học vấn, chuyên môn và kĩ năng nghề nghiệp cao, ngang tầm khu vực và quốc tế, có lập trường giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng, trở thành bộ phận nòng cốt của giai cấp công nhân.

Năm là, xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóp góp tích cực của người sử dụng lao động. Sự lãnh đạo của Đảng và quản lí của Nhà nước có vai trò quyết định, công đoàn có vai trò quan trọng trực tiếp trong chăm lo xây dựng giai cấp công nhân. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn liền với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong giai cấp công nhân.

## C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nêu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?
2. Trình bày những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?
3. Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thế giới hiện nay?
4. Phân tích những đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay?
5. Phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam?

## D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X,* Nxb. CTQG - ST, Hà Nội, 2008.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, XII,* Nxb. CTQG - ST, Hà Nội, 20011, 2016.
3. Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2002) *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*; Nxb. CTQG, Hà Nội.
4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, dành cho hệ cao cấp lý luận chính trị, H.2018.
5. Hoàng Chí bảo, Nguyễn Việt Thông, Bùi Đình Bôn (đồng chủ biên), *Một số vấn đề lí luận về giai cấp công nhân Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*. Nxb Lao động, Hà Nội, 2010.

# Chương 3
# CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

## A. MỤC TIÊU

*1. Về kiến thức:* Sinh viên nắm được những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể Việt Nam.

*2. Về kỹ năng:* Sinh viên bước đầu biết vận dụng những tri thức có được vào phân tích những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

*3. Về thái độ:* Sinh viên khẳng định niềm tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa, luôn tin và ủng hộ đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

## B. NỘI DUNG

### 1. Chủ nghĩa xã hội

Chủ nghĩa xã hội (Tiếng Anh: Socialism) được hiểu theo bốn nghĩa: 1) Là phong trào thực tiễn, đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công, chống các giai cấp thống trị; 2) Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công; 3) Là một khoa học - Chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; 4) Là một chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

#### *1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa*

Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, C.Mác và Ph.Ăngghen khi nghiên cứu lịch sử phát triển của xã hội loài người, nhất là lịch sử xã hội tư bản đã xây dựng nên học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội. Học thuyết vạch rõ những quy luật cơ bản của vận động xã hội, chỉ ra phương pháp khoa học để giải thích lịch sử. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác không chỉ làm rõ những yếu tố cấu thành hình thái kinh tế - xã hội mà còn xem xét xã hội trong quá trình biến đổi và phát triển không ngừng.

Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội do C.Mác và Ph.Ăngghen khởi xướng được V.I.Lênin bổ sung, phát triển và hiện thực hóa trong công cuộc xây dựng chủ

nghĩa xã hội ở nước Nga Xô viết trở thành học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác – Lênin, tài sản vô giá của nhân loại.

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác – Lênin đã chỉ ra sự tất yếu thay thế hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, đó là quá trình lịch sử - tự nhiên. Sự thay thế này được thực hiện thông qua cách mạng xã hội chủ nghĩa xuất phát từ hai tiền đề vật chất quan trọng nhất là sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành của giai cấp công nhân.

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác – Lênin đã cung cấp những tiêu chuẩn thực sự duy vật, khoa học cho sự phân kỳ lịch sử, trong đó có sự phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Khi phân tích hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp lên cao qua hai giai đoạn, giai đoạn thấp và giai đoạn cao, giai đoạn cộng sản chủ nghĩa; giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là thời kì quá độ lên chủ nghĩa cộng sản. Trong tác phẩm "Phê phán cương lĩnh Gôta" (1875) C.Mác đã cho rằng: "Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kì cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia. Thích ứng với thời kì ấy là một thời kì quá độ chính trị, và nhà nước của thời kì ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản"[1]. Khẳng định quan điểm của C.Mác, V.I.Lênin cho rằng: "Về lí luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kì quá độ nhất định"[2].

Về xã hội của thời kì quá độ, C.Mác cho rằng đó là xã hội vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, xã hội chưa phát triển trên cơ sở chinh của nó còn mang nhiều dấu vết của xã hội cũ để lại: "Cái xã hội mà chúng ta nói ở đây không phải là một xã hội cộng sản chủ nghĩa đã phát triển trên cơ sở của chính nó, mà trái lại là một xã hội cộng sản chủ nghĩa vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó là một xã hội về mọi phương diện – kinh tế, đạo đức, tinh thần – còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lọt lòng ra"[3].

1 C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, tập 19, tr. 47
2 V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva. 1977, Tập 39, Tr. 309-310
3 C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, tập 19, tr.33

Sau này, từ thực tiễn nước Nga, V.I.Lênin cho rằng, đối với những nước chưa có chủ nghĩa tư bản phát triển cao "cần phải có thời kì quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội"[1].

Vậy là, về mặt lí luận và thực tiễn, thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, được hiểu theo hai nghĩa: thứ nhất, đối với các nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển, cần thiết phải có thời kì quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội – những cơn đau đẻ kéo dài[2]; thứ hai, đối với những nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển, giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản có một thời kì quá độ nhất định, thời kì cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia, thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản.

***1.2. Điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội***

Bằng lí luận hình thái kinh tế - xã hội, C.Mác đã đi sâu phân tích, tìm ra quy luật vận động của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, từ đó cho phép ông dự báo khoa học về sự ra đời và tương lai của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. V.I.Lênin cho rằng: C.Mác đã xuất phát từ chỗ là chủ nghĩa cộng sản hình thành từ chủ nghĩa tư bản, phát triển lên từ chủ nghĩa tư bản là kết quả tác động của một lực lượng xã hội do chủ nghĩa tư bản sinh ra – giai cấp vô sản, giai cấp công nhân hiện đại.

Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã thừa nhận vai trò to lớn của chủ nghĩa xã hội khi khẳng định rằng: sự ra đời của chủ nghĩa tư bản là một giai đoạn mới trong lịch sử phát triển mới của nhân loại. Nhờ những bước tiến to lớn của lực lượng sản xuất, biểu hiện tập trung nhất là sự ra đời của công nghiệp cơ khí (Cách mạng công nghiệp lần thứ 2), chủ nghĩa tư bản đã tạo ra bước phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất. Trong vòng chưa đầy một thế kỉ, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra được một lực lượng sản xuất hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất mà nhân loại tạo ra đến lúc đó[3]. Tuy nhiên, các ông cũng chỉ ra rằng, trong xã hội tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất càng được cơ khí hóa, hiện đại hóa càng mang tính chất xã hội hóa cao, thì càng mâu thuẫn với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Quan hệ sản xuất từ chỗ đóng vai trò mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, thì ngày càng trở nên lỗi thời, xiềng xích của lực lượng sản xuất. Mâu thuẫn

1 V.I.Lênin, *Sđd*, 1977, Tập 38, Tr.464.
2 Xem V.I.Lênin, Sđd, Tập 33, tr.223.
3 C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, tập 4, tr.603

giữa tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất trở thành mâu thuẫn kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản, biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân hiện đại với giai cấp tư sản lỗi thời. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản xuất hiện ngay từ đầu và ngày càng trở nên gay gắt và có tính chính trị rõ nét. C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ: "Từ chỗ là những hình thức phát triển của lực lượng sản xuất, những quan hệ sản xuất ấy trở thành xiềng xích của lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng"[1].

Hơn nữa, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền đại công nghiệp cơ khí là trưởng thành vượt bậc cả về số lượng và chất lượng của giai cấp công nhân, con đẻ của nền đại công nghiệp. Chính sự phát triển về lực lượng sản xuất và sự trưởng thành của giai cấp công nhân là tiền đề kinh tế - xã hội dẫn đến sự sụp đổ không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản. Diễn đạt tư tưởng đó, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, giai cấp tư sản không chỉ tạo vũ khí để giết mình mà còn tạo ra những người sử dụng vũ khí đó, những công nhân hiện đại, những người vô sản[2]. Sự trưởng thành vượt bậc và thực sự của giai cấp công nhân được đánh dấu bằng sự ra đời của Đảng Cộng sản, đội tiền phong của giai cấp công nhân, trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự trưởng thành thực sự của giai cấp công nhân là tiền đề, điều kiện cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Tuy nhiên, do khác nhau về bản chất với tất cả các hình thái kinh tế - xã hội trước đó, nên kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa không tự nhiên ra đời, trái lại, nó chỉ được hình thành thông qua cách mạng vô sản dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân – Đảng Cộng sản, thực hiện bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Cách mạng vô sản là cuộc cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, trên thực tế được thực hiện bằng con đường bạo lực cách mạng nhằm lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, thực hiện sự nghiệp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, xã

1 C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, tập 3, tr.15
2 C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, tập 4, tr.605

hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Tuy nhiên, cách mạng vô sản, về mặt lí thuyết cũng có thể được tiến hành bằng con đường hòa bình, nhưng vô cùng hiếm, quý và trên thực tế chưa xảy ra.

Do tính sâu sắc và triệt để của nó, cách mạng vô sản chỉ có thể thành công, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa chỉ có thể được thiết lập và phát triển trên cơ sở của chính nó, một khi tính tích cực chính trị của giai cấp công nhân được khơi dậy và phát huy trong liên minh với các giai cấp và tầng lớp những người lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

### *1.3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội*

Khi nghiên cứu về kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học rất quan tâm dự báo những đặc trưng của từng giai đoạn, đặc biệt là giai đoạn đầu (giai đoạn thấp) của xã hội cộng sản nhằm định hướng phát triển cho phong trào công nhân quốc tế. Những đặc trưng cơ bản của giai đoạn đầu, phản ánh bản chất và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội từng bước được bộc lộ đầy đủ cùng với quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Căn cứ vào những dự báo của C.Mác và Ph.Ăngghen và những quan điểm của V.I.Lênin về chủ nghĩa xã hội ở nước Nga – Xô viết, có thể khái quát những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội như sau:

*Một là, chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.*

Trong tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, khi dự báo về xã hội tương lai, xã hội cộng sản chủ nghĩa. C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Thay cho xã hội tư bản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hiệp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện phát triển tự do của tất cả mọi người”[1]; khi đó “con người, cuối cùng làm chủ tồn tại xã hội của chính mình, thì cũng do đó làm chủ tự nhiên, làm chủ cả bản thân mình trở thành người tự do”[2]. Đây là sự khác biệt về chất giữa hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa so với các hình thái kinh tế - xã hội ra đời trước, thể hiện ở bản chất nhân văn, nhân đạo, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Đương nhiên, để đạt được mục tiêu tổng quát đó, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, “cách mạng xã hội chủ nghĩa phải tiến hành triệt để, trước hết là giải phóng giai cấp, xóa bỏ tình trạng, xóa bỏ tình

1 C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, tập 4, tr.628
2C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, tập 4, tr.33

trạng giai cấp này bóc lột, áp bức giai cấp kia, và một khi tình trạng người áp bức, bóc lột người bị xóa bỏ thì tình trạng dân tộc này đi bóc lột dân tộc khác cũng bị xóa bỏ”[1].

V.I.Lênin, trong điều kiện mới của đời sống chính trị - xã hội thế giới đầu thế kỉ XX, đồng thời từ thực tiễn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga – Xô viết đã cho rằng, mục đích cao nhất, cuối cùng của những cải tạo xã hội chủ nghĩa là thực hiện nguyên tắc: làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu: “khi bắt đầu những cải tạo xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải đặt rõ cái mục đích mà những cải tạo xã hội chủ nghĩa đó rút cục nhằm tới, cụ thể là thiết lập một xã hội cộng sản chủ nghĩa, một xã hội không chỉ hạn chế ở việc tước đoạt các công xưởng, nhà máy, ruộng đất và tư liệu sản xuất, không chỉ hạn chế ở việc kiểm kê, kiểm soát một cách chặc chẽ việc sản xuất và phân phổ sản phẩm, mà còn đi xa hơn nữa, đi tới việc thực hiện nguyên tắc: làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu. Vì thế cái tên gọi “Đảng Cộng sản là duy nhất chính xác về mặt khoa học””[2] V.I.Lênin cũng khẳng định mục đích cao cả của chủ nghĩa xã hội khoa học cần đạt đến là xóa bỏ sự phân chia xã hội thành giai cấp, biến tất cả thành viên trong xã hội thành người lao động, tiêu diệt cơ sở của mọi tình trạng người bóc lột người. V.I.Lênin còn chỉ rõ trong quá trình phấn đấu để đạt mục đích cao cả đó, giai cấp công nhân, chính Đảng Cộng sản phải hoàn thành nhiều nhiệm vụ của các giai đoạn khác nhau, trong đó có mục đích, nhiệm vụ cụ thể của thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội – tạo ra điều kiện về cơ sở vật chất – kĩ thuật và đời sống tinh thần để thiêt lập xã hội cộng sản.

*Hai là, chủ nghĩa xã hội là xã hội do nhân dân lao động làm chủ*

Đây là đặc trưng thể hiện thuộc tính bản chất của chủ nghĩa xã hội, xã hội vì con người và do con người; nhân dân mà nòng cốt là nhân dân lao động là chủ thể của xã hội thực hiện quyền làm chủ ngày càng rộng rãi và đầy đủ trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Chủ nghĩa xã hội là một chế độ chính trị dân chủ, nhà nước xã hội chủ nghĩa với hệ thống pháp luật và hệ thống tổ chức càng ngày càng hoàn thiện sẽ quản lí xã hội ngày càng hiệu quả. C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: “bước thứ nhất trong cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống

1C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, tập 4, tr.624
2 V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva. 1977, Tập 36, Tr. 57

trị là giành lấy dân chủ"[1]. V.I.Lênin, từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga – Xô viết đã coi chính quyền Xô viêt là một kiểu Nhà nước chuyên chính vô sản, một chế độ dân chủ ưu việt gấp triệu lần so với chế độ dân chủ tư sản: "Chế độ dân chủ vô sản so với bất kì chế độ dân chủ tư sản nào cũng dân chủ hơn gấp triệu lần; chính quyền Xô viết so với nước cộng hòa dân chủ nhất thì cũng gấp triệu lần"[2].

*Ba là, chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu*

Đây là đặc trưng về phương diện kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, mà xét đến cùng là trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất. Chủ nghĩa xã hội là xã hội có nền kinh tế phát triển cao, với lực lượng sản xuất hiện đại, quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, được tổ chức quản lí có hiệu quả, năng suất lao động cao và phân phối chủ yếu theo lao động. V.I.Lênin cho rằng: "từ chủ nghĩa tư bản, nhân loại chỉ có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, nghĩa là chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất và chế độ phân phối theo lao động của mỗi người"[3].

Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội, theo Ph.Ăngghen không thể ngay lập tức thủ tiêu chế độ tư hữu. Trả lời câu hỏi: Liệu có thể thủ tiêu chế độ tư hữu ngay lập tức được không? Ph.Ăngghen dứt khoát cho rằng: "Không, không thể được cũng y như không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên ngay lập tức đến mức cần thiết để xây dựng nền kinh tế công hữu. Cho nên cuộc cách mạng của giai cấp vô sản đang có tất cả những triệu chứng là sắp nổ ra, sẽ chỉ có thể cải tạo xã hội hiện nay một cách dần dần, và chỉ khi nào đã tạo nên một khối lượng tư liệu cần thiết cho việc cải tạo đó là khi ấy mới thủ tiêu được chế độ tư hữu"[4].

Cùng với việc từng bước xác lập chế dộ công hữu về tư liệu sản xuất, để nâng cao năng suất lao động cần phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn, tổ chức chặt chẽ và kỉ luật lao động nghiêm, nghĩa là phải tạo ra quan hệ sản xuất tiến bộ, thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. V.I.Lênin cho rằng: "thiết lập một chế độ xã hội cao hơn chủ nghĩa tư bản, nghĩa là nâng cao năng suất lao động và do đó

1C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, tập 4, tr.626
2 V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva. 1977, Tập 37, Tr. 312-313
3 V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva. 1977, Tập 31, Tr.220
4C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, tập 4, tr.469

(và nhằm mục đích đó) phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn"[1].

Đối với những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản đi lên chủ nghĩa xã hội, để phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, V.I.Lênin chỉ rõ tất yếu phải: "bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc" xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước: "Trong một nước tiểu nông, trước hết các đồng chí phải bắc chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội"[2]. "dưới chính quyền Xô Viết thì chủ nghĩa tư bản nhà nước sẽ có thể là ¾ chủ nghĩa xã hội"[3]. Đồng thời, V.I.Lênin chỉ rõ, những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản đi lên chủ nghĩa xã hội cần thiết phải học hỏi kinh nghiệm từ các nước phát triển theo cách thức: "Dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài: Chính quyền Xô Viết + trật tự ở đường sắt Phổ + Kĩ thuật và cách tổ chức các tơ – rớt ở Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ, etc,…+ + = ∑ (tổng số) = chủ nghĩa xã hội"[4].

*Bốn là, chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động*.

Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã khẳng định trong chủ nghĩa xã hội phải thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, nhà nước kiểu mới mang bản chất của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.

Theo V.I.Lênin, chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản là một chính quyền do giai cấp vô sản giành được và duy trì bằng bạo lực đối với giai cấp tư sản. Chính quyền đó chính là nhà nước kiểu mới thực hiện dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân và trấn áp bằng bạo lực bóc lột, bọn áp bức nhân dân, thực chất của sự biến đổi của chế độ dân chủ trong thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản[5]. Nhà nước vô sản, theo V.I.Lênin phải là một công cụ, một phương tiện; đồng thời, là một biểu hiện tập trung trình độ dân chủ của nhân dân lao động, phản ánh trình độ công dân tham gia vào mọi công việc của nhà nước, quần chúng nhân dân thực sự tham gia vào từng bước của cuộc sống và đóng vai trò tích cực trong việc quản lí. Cũng theo V.I.Lênin, nhà nước Xô Viết sẽ tập hợp, lôi cuốn đông đảo nhân dân tham gia quản lí Nhà nước, quản lí xã hội, tổ chức đời sống xã hội vì con người và cho con

1V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva. 1977, Tập 36, Tr.228 - 229
2V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva. 1977, Tập 44, Tr.89
3 V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva. 1977, Tập 36, Tr.313
4V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva. 1977, Tập 36, Tr.684
5V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva. 1977, Tập 33, Tr.109

người. Nhà nước chuyên chính vô sản đồng thời với việc mở rộng rất nhiều chế độ dân chủ - lần đầu tiên biến thành chế độ dân chủ cho người nghèo, chế độ dân chủ cho nhân dân chứ không phải cho bọn nhà giàu – chuyên chính vô sản còn thực hành một loạt biện pháp hạn chế quyền tự do đối với bọn áp bức, bọn bóc lột, bọn tư sản.

*Năm là, chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.*

Tính ưu việt, sự ổn định và phát triển của chế độ xã hội chủ nghĩa không chỉ thể hiện ở lĩnh vực kinh tế, chính trị mà còn ở lĩnh vực văn hóa – tinh thần của xã hội. Trong chủ nghĩa xã hội, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, mục tiêu, động lực của phát triển xã hội, trọng tâm là phát triển kinh tế; văn hóa đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh con người, biến con người thành con người chân, thiện, mỹ.

V.I.Lênin trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga – Xô Viết đã luận giải sâu sắc về "văn hóa vô sản" – nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, rằng, chỉ có xây dựng được nền văn hóa vô sản mới giải quyết được mọi vấn đề từ kinh tế, chính trị đến xã hội, con người. Người khẳng định: "…nếu không hiểu rõ rằng chỉ có sự hiểu biết chính xác về nền văn hóa được sáng tạo ra trong toàn bộ quá trình phát triển của loài người và việc cải tạo nền văn hóa đó mới có thể xây dựng được nền văn hóa vô sản thì chúng ta không giải quyết được vấn đề"[1]. Đồng thời, V.I.Lênin cũng cho rằng, trong xã hội chủ nghĩa, những người cộng sản sẽ làm giàu tri thức của mình bằng tổng hợp các tri thức, văn hóa mà loài người đã tạo ra: "Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra"[2]. Do vậy, quá trình xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa phải biết kế thừa những giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại những giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời, cần chống tư tưởng, văn hóa phi vô sản, trái với những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

*Thứ sáu, chủ nghĩa xã hội bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc, và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới*.

Vấn đề giai cấp và dân tộc, xây dựng một cộng đồng dân tộc, giai cấp bình đẳng, đoàn kết, hợp tác, hữu nghị với nhân dân các nước trên thế giới luôn có vị trí đặc

1V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva. 1977, Tập 41, Tr.361
2V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva. 1977, Tập 41, Tr.362

biệt quan trọng trong hoạch định và thực thi chiến lược phát triển của mỗi dân tộc và mỗi quốc gia. Theo quan điểm của các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, vấn đề giai cấp và dân tộc có quan hệ biện chứng, bởi vậy, giải quyết vấn đề dân tộc, giai cấp trong chủ nghĩa xã hội có vị trí đặc biệt quan trọng và phải tuân thủ nguyên tắc: "xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng bị xóa bỏ"[1]. Phát triển tư tưởng C.Mác và Ph.Ăngghen trong điều kiện cụ thể nước Nga, V.I.Lênin, trong Cương lĩnh về vấn đề dân tộc trong chủ nghĩa xã hội đã chỉ ra những nội dung có tính nguyên tắc để giải quyết vấn đề dân tộc: "Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại. Đó là cương lĩnh dân tộc mà chủ nghĩa Mác, kinh nghiệm toàn thế giới và kinh nghiệm nước Nga dạy cho công nhân"[2]. Giải quyết vấn đề dân tộc theo cương lĩnh của V.I.Lênin, trong chủ nghĩa xã hội, cộng động dân tộc, giai cấp bình đẳng, đoàn kết và hợp tác trên cơ sở chính trị - pháp lí, đặc biệt là cơ sở kinh tế - xã hội và văn hóa sẽ từng bước xây dựng, củng cố và phát triển. Đây là sự khác biệt căn bản về việc giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và quan điểm của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, hẹp hòi hoặc chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. V.I.Lênin khẳng định: "…Chỉ có chế độ Xô Viết là chế độ thực sự đảm bảo quyền bình đẳng giữa các dân tộc, bằng cách thực hiện trước hết sự đoàn kết tất cả những người vô sản, rồi đến toàn thể quần chúng lao động, trong việc đấu tranh chống giai cấp tư sản"[3].

Chủ nghĩa xã hội, với bản chất tốt đẹp do con người, vì con người luôn là bảo đảm cho các dân tộc bình đẳng, đoàn kết và hợp tác hữu nghị; đồng thời có quan hệ với nhân dân tất cả các nước trên thế giới. Tất nhiên, để xây dựng cộng đồng bình đẳng, đoàn kết và có quan hệ hợp tác, hữu nghị với nhân dân tất cả các nước trên thế giới, điều kiện chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản, theo V.I.Lênin cần thiết phải có sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản và toàn thể quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên toàn thế giới: "Không có sự cố gắng tự nguyện tiến tơi sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản, rồi sau nữa, của toàn thể quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên toàn thế giới, thì không thể chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản được"[4]. Trong "Luận cương về vấn đề dân tộc

1C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, tập 4, tr.624
2V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva. 1977, Tập 25, Tr.375
3V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva. 1977, Tập 41, Tr.202
4V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva. 1977, Tập 41, Tr.206

và vấn đề thuộc địa” văn kiện về giải quyết vấn đề dân tộc trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản. V.I.Lênin chỉ rõ: “Trọng tâm trong toàn bộ chính sách của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa là cần phải đưa giai cấp vô sản và quần chúng lao động tất cả các dân tộc và các nước lại gần nhau trong cuộc đấu tranh cách mạng chung để lật đổ địa chủ và tư sản. Bởi vì, chỉ có sự gắn bó như thế mới bảo đảm cho thắng lợi đối với chủ nghĩa tư bản, không có thắng lợi đó thì không thể tiêu diệt được ách áp bức dân tộc và sự bất bình đẳng”[1]. Đó cũng là cơ sở để Người đưa ra khẩu hiệu: “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”.

Bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hợp tác, hữu nghị với nhân dân tất cả các nước trên thế giới, chủ nghĩa xã hội mở rộng được ảnh hưởng và góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

**2. Thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

***2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội***

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác – Lênin đã chỉ rõ: lịch sử xã hội đã trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội: cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. So với hình thái kinh tế xã hội đã xuất hiện trong lịch sử, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa có sự khác biệt về chất, trong đó không có giai cấp đối kháng, con người từng bước trở thành người tự do,….Bởi vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội tất yếu phải trải qua thời kì quá độ chính trị. C. Mác khẳng định: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kì cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội kia. Thích ứng với thời kì ấy là một thời kì quá độ chính trị, và nhà nước của thời kì ấy không thể là cái già khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản”[2]. V.I.Lênin trong điều kiện nước Nga – Xô Viết cũng khẳng định “Về lí luận, không thể nghi ngờ gì được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kì quá độ nhất định”[3]. Khẳng định tính tất yếu của thời kì quá độ, đồng thời các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học cũng phân biệt có hai loại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản: 1) *Quá độ trực tiếp* từ chủ nghĩa tư bản

---

1 Viện Mác – Lênin, V.I.Lênin và Quốc tế Cộng sản. Nxb. Sách Chính trị, Matxcơva. 1970, Tiếng Nga, tr.199
2C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1983, tập 19, tr.47
3V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva. 1977, Tập 39, Tr.309-310

lên chủ nghĩa cộng sản đối với những nước đã trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển. Cho đến nay thời kì quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa cộng sản từ chủ nghĩa tư bản phát triển chưa từng diễn ra; 2) *Quá độ gián tiếp* từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản đối với những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển. Trên thế giới một thế kỉ qua, kể cả Liên Xô và các nước Đông Âu trước đây, Trung Quốc, Việt Nam và một số nước chủ nghĩa xã hội khác ngày nay, theo đúng lí luận Mác – Lênin, đều đang trải qua thời kì quá độ gián tiếp với những trình độ phát triển khác nhau.

Xuất phát từ quan điểm cho rằng: chủ nghĩa cộng sản không phải là một trạng thái cần sáng tạo ra, không phải là một lí tưởng mà hiện thực phải tuân theo mà là kết quả của phong trào hiện thực, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học cho rằng: Các nước lạc hậu với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản đã chiến thắng có thể rút ngắn được quá trình phát triển: "với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản đã chiến thắng, các dân tộc lạc hậu có thể rút ngắn được khá nhiều quá trình phát triển của mình lên xã hội xã hội chủ nghĩa và tránh được phần lớn những đau khổ và phần lớn các cuộc đấu tranh mà chúng ta bắt buộc phải trải qua ở Tây Âu"[1]. C.Mác, khi tìm hiểu về nước Nga cũng chỉ rõ: "Nước Nga…có thể không cần trải qua đau khổ của chế độ (chế độ tư bản chủ nghĩa - TG) mà vẫn chiếm đoạt được mọi thành quả của chế độ ấy"[2].

Vận dụng và phát triển quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen trong điều kiện mới, sau cách mạng tháng Mười, V.I.Lênin khẳng định: "với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xô Viết, và qua những giai đoán phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa (hiểu theo nghĩa con đường rút ngắn - TG)"[3].

Quán triệt và vận dụng, phát triển sáng tạo những lí luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, trong thời đại ngày nay, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, chúng ta có thể khẳng định: Với lợi thế của thời đại, trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, các nước lạc hậu, sau khi giành được chính quyền, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản có thể tiến thẳng lên xã hội chủ nghĩa bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

### *2.2. Đặc điểm thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

---

1Từ điển Chủ nghĩa cộng sản khoa học, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.55
2C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1983, tập 22, tr.636
3 V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva. 1977, Tập 41, Tr.295

Thực chất của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kì cải biến cách mạng từ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa sang xã hội xã hội chủ nghĩa. Xã hội của thời kì quá độ là xã hội có sự đan xen của nhiều tàn dư về mọi phương diện kinh tế, đạo đức, tinh thần của chủ nghĩa tư bản và những yếu tố mới mang tính chất xã hội chủ nghĩa của chủ nghĩa xã hội mới phát sinh chưa phải là chủ nghĩa xã hội phát triển trên cơ sở của chính nó.

Về nội dung, thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kì cải tạo cách mạng sâu sắc, triệt để xã hội tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, xây dựng từng bước cơ sở vật chất – kĩ thuật và đời sống tinh thần của chủ nghĩa xã hội. Đó là thời kì lâu dài, gian khổ bắt đầu từ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền đến khi xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Có thể khái quát những đặc điểm cơ bản của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội như sau:

*- Trên lĩnh vực kinh tế*

Thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, về phương diện kinh tế, tất yếu tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có thành phần đối lập. Đề cập tới đặc trưng này, V.I.Lênin cho rằng: "Vậy thì danh từ quá độ có nghĩa là gì? Vận dụng vào kinh tế, có phải nó có nghĩa là trong chế độ hiện nay có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội không? Bất cứ ai cũng thừa nhận là có. Song không phải mọi người thừa nhận điểm ấy đều suy nghĩ xem các thành phần của kết cấu kinh tế - xã hội khác nhau hiện có ở Nga, chính là như thế nào? Mà tất cả then chốt của vấn đề lại chính là ở đó"[1]. Tương ứng với nước Nga, V.I.Lênin cho rằng thời kì quá độ tồn tại 5 thành phần kinh tế: Kinh tế gia trưởng; kinh tế hàng hóa nhỏ; kinh tế tư bản; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế xã hội chủ nghĩa.

*- Trên lĩnh vực chính trị*

Thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội về phương diện chính trị, là việc thiết lập, tăng cường chuyên chính vô sản mà thực chất của nó là việc giai cấp công nhân nắm và sử dụng quyền lực nhà nước trấn áp giai cấp tư sản, tiến hành xây dựng một xã hội không giai cấp. Đây là sự thống trị về chính trị của giai cấp công nhân với chức năng thực hiện dân chủ đối với nhân dân, tổ chức xây dựng và bảo vệ

1V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva. 1978, Tập 36, Tr.362

chế độ mới, chuyên chính với những phần tử thù địch, chống lại nhân dân; là tiếp tục cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản đã chiến thắng nhưng chưa phải đã toàn thắng với giai cấp tư sản đã thất bại nhưng chưa phải thất bại hoàn toàn. Cuộc đấu tranh diễn ra trong điều kiện mới – giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp cầm quyền, với nội dung mới – xây dựng toàn diện xã hội mới, trọng tâm là xây dựng nhà nước có tính kinh tế, và hình thức mới – cơ bản là hòa bình tổ chức xây dựng.

*- Trên lĩnh vực tư tưởng – văn hóa*

Thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại nhiều tư tưởng khác nhau, chủ yếu là tư tưởng vô sản và tư tưởng tư sản. Giai cấp công nhân thông qua đội tiền phong của mình là Đảng Cộng sản từng bước xây dựng nền văn hóa vô sản, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, tiếp thu giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, bảo đảm đáp ứng nhu cầu văn hóa – tinh thần ngày càng tăng của nhân dân.

*- Trên lĩnh vực xã hội*

Do kết cấu của nền kinh tế nhiều thành phần quy định nên trong thời kì quá độ còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp và sự khác biệt giữa các giai cấp tầng lớp xã hội, các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau. Trong xã hội của thời kì quá độ còn tồn tại sự khác biệt giữa nông thôn, thành thị, giữa lao động trị óc và lao động chân tay. Bởi vậy, thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, về phương diện xã hội là thời kì đấu tranh giai cấp chống áp bức, bất công, xóa bỏ tệ nạn xã hội và những tàn dư của xã hội cũ để lại, thiết lập công bằng xã hội trên cơ sở thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ đạo.

## 3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

### *3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa*

Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện vừa thuận lợi vừa khó khăng đan xen, có những đặc trưng cơ bản:

- Xuất phát từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Đất nước trải qua chiến tranh ác liệt, kéo dài nhiều thập kỉ, hậu quả để lại còn nặng nề. Những tàn dư thực dân, phong kiến còn nhiều. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập dân tộc của nhân dân ta.

- Cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở các mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc. Những xu thế đó vừa tạo thời cơ phát triển nhanh cho các nước, vừa đặt ra những thách thức gay gắt.

- Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cho dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, song theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là sự lựa chọn duy nhất đúng, khoa học, phản ánh đúng quy luật phát triển khách quan của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay. Cương lĩnh năm 1930 của Đảng đã chỉ rõ: Sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đây là sự lựa chọn dứt khoát và đúng đắn của Đảng, đáp ứng nguyện vọng thiết tha của dân tộc, nhân dân, phản ánh xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với quan điểm khoa học, cách mạng và sáng tạo của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, như Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt nam xác định: Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Đây là tư tưởng mới, phản ánh nhận thức mới, tư duy mới của Đảng ta về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Tư tưởng này cần được hiểu đầy đủ với những nội dung sau đây:

*Thứ nhất*, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường cách mạng tất yếu khách quan, con đường xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

*Thứ hai,* quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa. Điều đó có nghĩa là trong thời kì quá độ còn nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, song sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và thành phần kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa không chiếm vai trò chủ đạo; thời kì quá độ còn nhiều hình thức phân phối, ngoài phân phối theo lao động vẫn còn là chủ đạo là phân phối theo mức độ đóng góp và quỹ phúc lợi xã hội; thời kì quá độ vẫn còn quan hệ bóc lột và bị bóc lột, song quan hệ bóc lột tư bản chủ nghĩa không giữ vai trò thống trị.

*Thứ ba,* quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đòi hỏi phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là những thành tựu về khoa học và công nghệ, thành tựu về quản lí để phát triển xã hội, đặc biệt là xây dựng nền kinh tế hiện đại, phát triển nhanh lực lượng sản xuất.

*Thứ tư*, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực, là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao và khát vọng lớn của toàn Đảng, toàn dân.

### *3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay*

#### *3.2.1. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội Việt Nam*

Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, tổng kết thực tiễn quá trình cách mạng Việt Nam, nhất là qua hơn 30 năm đổi mới, nhận thức của Đảng và nhân dân ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng rõ. Đại hội IV (1976), nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường phát triển của cách mạng nước ta mới dừng ở mức độ định hướng: Trên cơ sở phương hướng đúng, hãy hành động thực tế cho câu trả lời. Đến Đại hội VII, nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã sáng tỏ hơn, không chỉ dừng ở nhận thức định

hướng, định tính mà từng bước đạt tới trình độ định hình, định lượng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) đã xác định mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta với sáu đặc trưng[1]. Đến Đại hội IX, trên cơ sở tổng kết 25 năm đổi mới, nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã có bước phát triển mới. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã phát triển mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam với tám đặc trưng, trong đó có đặc trưng về mục tiêu, bản chất, nội dung của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, đó là:

*Một là*, Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*Hai là*, Do nhân dân làm chủ.

*Ba là*, Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp.

*Bốn là*, Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

*Năm là*, Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

*Sáu là*, Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

*Bảy là*, Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

*Tám là*, Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới[2].

*3.2.2. Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay*

Trên cơ sở xác định rõ mục tiêu, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, những nhiệm vụ của sự nhiệp xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta, đã xác định tám phương hướng cơ bản đỏi hỏi của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta cần nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng và trí tuệ, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức xây dựng đất nước ta to đẹp hơn, đàng hoàng hơn.

---

[1] 1) Do nhân dân lao động làm chủ; 2) Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; 3) Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; 4) Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; 5) Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; 6) Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với tất cả nhân dân các nước trên thế giới.

[2] http://tulieuvankien.dangcongsan.vn

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) xác định 7 phương hướng cơ bản phản ánh con đường thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta[3]. Đại hội XI, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung và phát triển năm 2011) xác định 8 phương hướng, phản ánh con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đó là:

*Một là,* đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.

*Hai là*, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Ba là,* xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

*Bốn là,* bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

*Năm là*, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

*Sáu là,* xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.

*Bảy là,* xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

*Tám là,* xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản đó, Đảng yêu cầu phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghãi; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;…Không phiến diện, cực đoan, duy ý chí.

Thực hiện tám phương hướng và giải quyết thành công những mối quan hệ lớn

3 http://tulieuvankien.dangcongsan.vn

chính là đưa cách mạng nước ta theo đúng con đường phát triển quá dộ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta.

Tổng kết 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) từ bài học kinh nghiệm của 30 năm đổi mới, trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam, đã xác định mục tiêu từ nay đến giữa thế kỉ XIX, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức "Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại"[1]. Để thực hiện thành công các mục tiêu trên, toàn Đảng, toàn dân ta cần nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng và trí tuệ, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thực, quán triệt và thực hiện tốt 12 nhiệm vụ cơ bản sau đây:

(1) Phát triển kinh tế nhanh và bền vững; tăng trưởng kinh tế cao hơn 5 năm trước trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các nagnhf, lĩnh vực; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tham gia có hiệu quả vào mảng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

(2) Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao hiệu lực, hiệu quả, kỉ luật, kỉ cương, công khai, minh bạch trong quản lí kinh tế, năng lực quản lí của Nhà nước và năng lực quản trị của doanh nghiệp.

(3) Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ; phat huy

1http://tulieuvankien.dangcongsan.vn

vai trò quốc sách hàng đầu của giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

(4) Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người việt nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bên vững đất nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

(5) Quản lý tốt sự phát triển xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội; thực hiện tốt chính sách với người có công; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, chất lượng dân số, chất lượng cuộc sống của nhân dân; thực hiện tốt chính sách lao động, việc làm, thu nhập; xây dựng môi trường soosngs lành mạnh, văn minh, an toàn.

(6) Khai thác, sử dụng và quản lý hiệu tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

(7) Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ đâu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ và xã hội chủ nghĩa; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân vững chắc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng.

(8) Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

(9) Hoàn thiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc; tăng cường sự đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

(10) Tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, vững mạnh; hoàn thiện hệ thống pháp luật, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; phát huy dân chủ, tăng

cường trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tệ nạn xã hội và tội phạm.

(11) Xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, sức chiến đấu, phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; coi trọng công tác bảo vệ đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận, công tác kiểm tra, giám sát và công tác dân vận của Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

(12) Tiếp tục quán triệt xử lý và tốt cá quan hện lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất và xã hội chủ nghĩa; giữa nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;…

Đại hội XII cũng xác định 9 mối quan hệ lớn cần nhận thức giả quyết: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bức quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng khinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

## C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích điều kiện ra đời và những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội? Liên hệ với thực tiễn Việt Nam?

2. Phân tích tính tất yếu, đặc điểm của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội? Liên hệ Việt Nam?

3. Phân tích luận điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa?

**D. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. *Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam: VI, VII, VIII, XIX, X, XI và XII.*

2. *Đảng Cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1991.*

3. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội.* Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2004.

## Chương 4

## DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

A. MỤC TIÊU

*1. Về kiến thức:* Sinh viên nắm được bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung, ở Việt Nam nói riêng.

*2. Về kỹ năng:* Sinh viên có khả năng vận dụng lý luận về dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa vào việc phân tích những vấn đề thực tiễn liên quan, trước hết là trong công việc, nhiệm vụ của cá nhân.

*3. Về thái độ:* Sinh viên khẳng định bản chất tiến bộ của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa; có thái độ phê phán những quan điểm sai trái phủ nhận tính chất tiến bộ của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung, ở Việt Nam nói riêng.

## B. NỘI DUNG

### 1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa

#### *1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ*

*1.1.1. Quan niệm về dân chủ*

Thuật ngữ dân chủ ra đời vào khoảng thế kỉ VII – VI trước công nguyên. Các nhà tư tưởng Hy Lạp cổ đại đã dùng cụm từ "demokratos" để nói đến dân chủ, trong đó Demos là *nhân dân* (danh từ) và kratos *là cai trị* (động từ). Theo đó, dân chủ được hiểu là *nhân dân cai trị* và sau này được các nhà chính trị gọi giản lược là *quyền lực của nhân dân* hay *quyền lực thuộc về nhân dân*. Nội dung trên về dân chủ vẫn giữ nguyên cho đến ngày nay. Điểm khác biệt cơ bản giữa cách hiểu về dân chủ thời cổ đại và hiện nay là ở tính chất trực tiếp của mối quan hệ sở hữu quyền lực công cộng và cách hiểu về nội hàm của khái niệm nhân dân.

Từ việc nghiên cứu các chế độ dân chủ trong lịch sử và thực tiễn lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, dân chủ là sản phẩm và là thành quả của quá trình đấu tranh giai cấp cho những giá trị tiến bộ của nhân loại, là một hình thức tổ chức nhà nước của giai cấp cầm quyền, là một trong những nguyên tắc hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội.

Tựu trung lại, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin dân chủ có một số nội dung cơ bản sau đây:

*Thứ nhất*, về phương diện quyền lực, *dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ nhân của nhà nướ*c. Dân chủ là quyền lợi của người dân – quyền dân chủ được hiểu theo nghĩa rộng. Quyền lợi căn bản nhất của nhân dân chính là quyền

lực nhà nước thuộc sở hữu của nhân dân, của xã hội; bộ máy nhà nước phải vì nhân dân, vì xã hội mà phục vụ. Và do vậy, chỉ khi mọi quyền lực của nhà nước thuộc về nhân dân thì khi đó, mới có thể đảm bảo về căn bản việc nhân dân được hưởng quyền làm chủ với tư cách một quyền lợi.

*Thứ hai*, trên phương diện chế độ xã hội và trong lĩnh vữ chính trị, *dân chủ là một hình thức hay hình thái nhà nước,* là chính thể dân chủ hay chế độ dân chủ.

*Thứ ba*, trên phương diện tổ chức và quản lí xã hội, dân chủ *là một nguyên tắc* – nguyên tắc dân chủ. Nguyên tắc này kết hợp với nguyên tắc tập trung dân chủ để hình thành nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và quản lí xã hội.

Chủ nghĩa Mác – Lênin nhấn mạnh, dân chủ với những tư cách nêu trên phải được coi là mục tiêu, là tiền đề để vươn tới tự do, giải phóng con người, giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội. Dân chủ với tư cách là một hình thức tổ chức thiết chế chính trị, là một hình thức hay một hình thái nhà nước, nó là một phạm trù lịch sử, ra đời và phát triển gắn liền với nhà nước và mất đi khi nhà nước tiêu vong. Song, dân chủ với tư cách là một giá trị xã hội, nó là một phạm trù vĩnh viễn, tồn tại và phát triển cùng với sự tồn tại và phát triển của con người, của xã hội loài người. Chừng nào con người và xã hội loài người còn tồn tại, chừng nào mà nền văn minh nhân loại chưa bị diệt vong thì chừng đó dân chủ vẫn còn tồn tại với tư cách *một giá trị nhân loại chung*.

Trên cơ sở của chủ nghĩa Mác – Lênin và điều kiện cụ thể của Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển dân chủ theo hướng (1) Dân chủ trước hết là một giá trị nhân loại chung. Và, khi coi dân chủ là một giá trị xã hội mang tính toàn nhân loại, Người khẳng định: Dân chủ là dân là chủ và dân làm chủ. Người nói: "Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ"[1]. (2) Khi coi dân chủ là một thể chế chính trị, một chế độ xã hội, Người khẳng định: "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức nhân dân là người chủ, mà Chính phủ là người đầy tớ trung thành của nhân dân"[2]. Rằng, "Chính quyền dân chủ có nghĩa là chính quyền do nhân dân làm chủ"; và một khi nước ta đã trở thành nước dân chủ, "chúng ta là dân chủ" thì dân chủ là "dân làm chủ" và "dân làm chủ thì Chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, ủy viên này khác…làm đầy tớ. Làm đầy tớ cho nhân dân, chứ không phải là quan cách mạng"[3].

1 Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Nxb.CTQG, H.1996, Tập 6. Tr. 515
2 Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Nxb.CTQG, H.1996, Tập 7. Tr. 499
3 Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1996, Tập 6. Tr. 365, tập 8, Tr.375.

*Dân chủ có nghĩa là mọi quyền hạn đều thuộc về nhân dân. Dân phải thực sự là chủ thể của một xã hội và hơn nữa, dân phải được làm chủ một cách toàn diện: Làm chủ nhà nước, làm chủ xã hội và làm chủ chính bản thân mình, làm chủ và sở hữu mọi năng lực sáng tạo của mình với tư cách là chủ thể đích thực của xã hội. tr.70*

*Trên cơ sở những quan niệm dân chủ nêu trên…*

Từ những cách tiếp cận trên, dân chủ có thể hiểu *Dân chủ là một giá trị xã hội phản ánh những quyền cơ bản của con người; là một phạm trù chính trị gắn với các hình thức tổ chức nhà nước của giai cấp cầm quyền; là một phạm trù lịch sử gắn với quá trình ra đời, phát triển của lịch sử xã hội nhân loại*.

*1.1.2. Sự ra đời, phát triển của dân chủ*

Nhu cầu về dân chủ xuất hiện từ rất sớm trong xã hội tự quản của cộng đồng thị tộc, bộ lạc. Trong chế độ cộng sản nguyên thủy đã xuất hiện hình thức manh nha của dân chủ mà Ăngghen gọi là "dân chủ nguyên thủy" hay còn gọi là "dân chủ quân sự". Đực trưng cơ bản của hình thức dân chủ này là nhân dân bầu ra thủ lĩnh quân sự thông qua "Đại hội nhân dân". Trong "Đại hội nhân dân", mọi người đều có quyền phát biểu và tham gia quyết định bằng cách giơ tay hoặc hoan hô, ở đó "Đại hội nhân dân" và nhân dân có quyền lực thật sự (nghĩa là có dân chủ), mặc dù trình độ sản xuất còn kém phát triển.

Khi trình độ của lực lượng sản xuất phát triển dẫn tới sự ra đời của chế độ tư hữu và sau đó là giai cấp đã làm cho hình thức "dân chủ nguyên thủy" tan rã, *nền dân chủ chủ nô ra đời*. Nền dân chủ chủ nô được tổ chức thành nhà nước với đặc trưng là dân tham gia bầu cử ra Nhà nước. Tuy nhiên, "Dân là ai?", theo quy định của giai cấp cầm quyền chỉ gồm giai cấp chủ nô và phần nào thuộc về các công dân tự do (tăng lữ, thương gia và một số trí thức). Đa số còn lại không phải là "dân" mà là "nô lệ". Họ không được tham gia vào công việc nhà nước. Như vậy, về thực chất, dân chủ chủ nô cũng chỉ thực hiện dân chủ cho thiểu số, quyền lực của dân đã bị bó hẹp nhằm duy trì, bảo vệ, thực hiện lợi ích của "dân" mà thôi.

Cùng với sự tan rã của chế độ chiếm hữu nô lệ, lịch sử xã hội loài người bước vào thời kỳ đen tối với sự thống trị của nhà nước chuyên chế phong kiến, chế độ dân chủ chủ nô đã bị xóa bỏ và thay vào đó là *chế độ độc tài chuyên chế.* Sự thống trị của giai cấp trong thời kỳ này được khoác lên chiếc áo thần bí của thế lực siêu nhiên. Họ

xem việc tuân theo ý chí của giai cấp thống trị là bổn phận của mình trước sức mạnh của đấng tối cao. Do đó, ý thức về dân chủ và đấu tranh để thực hiện quyền làm chủ của người dân đã không có bước tiến đáng kể nào.

Cuối thế kỷ XIV - đầu XV, giai cấp tư sản với những tư tưởng tiến bộ về tự do, công bằng, dân chủ đã mở đường cho sự ra đời của nền *dân chủ tư sản.* Nền dân chủ này là một bước tiến lớn của nhân loại với những giá trị nổi bật về quyền tự do, bình đẳng, dân chủ. Tuy nhiên, do được xây dựng trên nền tảng kinh tế là chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, nên trên thực tế, nền dân chủ tư sản vẫn là nền dân chủ của thiểu số những người nắm giữ tư liệu sản xuất đối với đại đa số nhân dân lao động.

Khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga thắng lợi (1917), một thời đại mới mở ra – thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, nhân dân lao động ở nhiều quốc gia giành được quyền làm chủ nhà nước, làm chủ xã hội, thiết lập Nhà nước công – nông (nhà nước xã hội chủ nghĩa), thiết lập nền *dân chủ vô sản (dân chủ xã hội chủ nghĩa*) để thực hiện quyền lực của đại đa số nhân dân. Đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là thực hiện quyền lực của nhân dân – tức là xây dựng nhà nước dân chủ thực sự, dân làm chủ nhà nước và xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích cho đại đa số nhân dân.

Như vậy, với tư cách là một hình thái nhà nước, một chế độ chính trị thì trong lịch sử nhân loại, cho đến nay có ba nền (chế độ) dân chủ: *nền dân chủ chủ nô*, gắn với chế độ chiếm hữu nô lệ; *nền dân chủ tư sản*, gắn với chế độ tư bản chủ nghĩa; *nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*, gắn với chế độ xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, muốn biết một nhà nước dân chủ có thực sự hay không phải xem trong nhà nước ấy *dân là ai và bản chất của chế độ xã hội ấy như thế nào*?

### *1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa*

#### *1.2.1. Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn quá trình hình thành và phát triển các nền dân chủ trong lịch sử và trực tiếp nhất là nền dân chủ tư sản, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác – Lênin cho rằng, đấu tranh cho dân chủ là một quá trình lâu dài, phức tạp và giá trị của nền dân chủ mới, cao hơn nền dân chủ tư sản và đó chính là nền *dân chủ vô sản hay còn gọi là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được phôi thai từ thực tiễn đấu tranh giai cấp ở pháp và công xã Pari năm 1871, tuy nhiên, chỉ đến khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công với sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới (1917), nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mới chính thức được xác lập. Sự ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đánh dấu bước phát triển mới về chất của dân chủ. Quá trình phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bắt đầu từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện. Trong đó, có sự kế thừa những giá trị của nền dân chủ trước đó, đồng thời bổ sung và làm sâu sắc thêm những giá trị của nền dân chủ mới.

Theo chủ nghĩa Mác – Lênin: giai cấp vô sản không thể hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, nếu họ không được chuẩn bị để tiến tới cuộc cách mạng đó thông qua cuộc đấu tranh cho dân chủ. Rằng, chủ nghĩa xã hội không thể duy trì và thắng lợi, nếu không thực hiện đầy đủ dân chủ.

Quá trình phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là từ thấp tới cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện; có sự kế thừa một cách chọn lọc giá trị của nền dân chủ trước đó, trước hết là nền dân chủ tư sản. Nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là không ngừng mở rộng dân chủ, nâng cao mức độ giải phóng cho những người lao động, thu hút họ tham gia tự giác vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Càng hoàn thiện bao nhiêu, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lại càng tự tiêu vong bấy nhiêu. Thực chất của sự tiêu vong này theo V.I.Lênin, đó là tính chính trị của dân chủ sẽ mất đi trên cơ sở không ngừng mở rộng dân chủ đối với nhân dân, xác lập địa vị chủ thể quyền của nhân dân, tạo điều kiện để họ tham gia ngày càng đông đảo và ngày càng có ý nghĩa quyết định vào sự quản lý nhà nước, quản lý xã hội (xã hội tự quản). Quá trình đó làm cho dân chủ trở thành một thói quen, một tập quán trong sinh hoạt xã hội… để đến lúc nó không còn tồn tại như một thể chế nhà nước, một chế độ, tức là mất đi tính chính trị của nó.

Tuy nhiên, chủ nghĩa Mác - Lênin cũng lưu ý đây là quá trình lâu dài, khi xã hội đã đạt trình độ phát triển cao, xa hội không còn sự phân chia giai cấp, đó là xã hội cộng sản chủ nghĩa đạt tới mức độ hoàn thiện, khi đó dân chủ xã hội chủ nghĩa với tư cách là một chế độ nhà nước cũng tiêu vong, không còn nữa.

Từ những phân tích trên đây, có thể hiểu *dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ tư sản, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực*

*thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản*.

Cũng cần lưu ý rằng, cho đến nay, sự ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mới chỉ trong một thời gian ngắn, ở một số nước có xuất phát điểm về kinh tế, xã hội rất thấp, lại thường xuyên bị kẻ thù tấn công, gây chiến tranh, do vậy, mức độ dân chủ đạt được ở những nước này hiện nay còn nhiều hạn chế ở hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ngược lại, sự ra đời, phát triển của nền dân chủ tư sản có thời gian cả mấy trăm năm, lại ở hầu hết các nước phát triển (do điều kiện khách quan, chủ quan). Hơn nữa, trong thời gian qua, để tồn tại và thích nghi, chủ nghĩa tư bản đã có nhiều lần điều chỉnh về xã hội, trong đó quyền con người đã được quan tâm ở một mức độ nhất định (tuy nhiên, bản chất của chủ nghĩa tư bản không thay đổi). Nền dân chủ tư sản có nhiều tiến bộ, song nó vẫn bị hạn chế bản chất của chủ nghĩa tư bản.

Để chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa thực sự quyền lực thuộc về nhân dân, ngoài yếu tố giai cấp công nhân lãnh đạo thông qua Đảng Cộng sản (mặc dù là yếu tố quan trọng nhất), đòi hỏi cần nhiều yếu tố như trình độ dân trí, xã hội công dân, việc tạo dựng cơ thể pháp luật đảm bảo quyền tự do cá nhân, quyền làm chủ nhà nước và quyền tham gia vào các quyết sách của nhà nước, điều kiện vật chất để thực thi dân chủ.

*1.2.2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*

Như mọi loại hình dân chủ khác, *dân chủ vô sản*, theo V.I.Lênin, không phải là chế độ dân chủ cho tất cả mọi người; nó chỉ *là dân chủ đối với quần chúng lao động và bị bóc lột;* dân chủ vô sản là *chế dộ dân chủ vì lợi ích của đa số*. Rằng, *dân chủ trong chủ nghĩa xã hội bao quát tất cả các mặt của đời sống xã hội*, trong đó, dân chủ trên lĩnh vực kinh tế là cơ sở; dân chủ đó càng hoàn thiện bao nhiêu, càng nahnh tới ngày tiêu vong bấy nhiêu. Dân chủ vô sản loại bỏ quyền dân chủ của tất cả các giai cấp của người chủ nhân chính của xã hội.

Với tư cách là đỉnh cao trong toàn bộ lịch sử tiến hóa của dân chủ, *dân chủ xã hội chủ nghĩa* có bản chất cơ bản:

*Bản chất chính trị*: Dưới sự lãnh đạo duy nhất của một đảng của giai cấp công nhân (đảng Mác - Lênin) mà trên mọi lĩnh vực xã hội đều thực hiện quyền lực của

nhân dân, thể hiện các quyền dân chủ, làm chủ, quyền con người, thỏa mãn ngày càng cao hơn các nhu cầu và các lợi ích của nhân dân.

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ: bản chất chính trị của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân thông qua đảng của nó đối với toàn xã hội, nhưng không phải chỉ để thực hiện quyền lực và lợi ích riêng cho giai cấp công nhân, mà chủ yếu là để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể nhân dân, trong đó có giai cấp công nhân. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo - yếu tố quan trọng để đảm bảo quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, bởi vì, đảng Cộng sản đại biểu cho trí tuệ, lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc. Với nghĩa này, dân chủ xã hội chủ nghĩa mang tính nhất nguyên về chính trị. Sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đảng Cộng sản đối với toàn xã hội về mọi mặt V.I.Lênin gọi là sự thống trị chính trị.

Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân lao động là những người làm chủ những quan hệ chính trị trong xã hội. Họ có quyền giới thiệu các đại biểu tham gia vào bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật, xây dựng bộ máy và cán bộ, nhân viên nhà nước. Quyền được tham gia rộng rãi vào công việc quản lý nhà nước của nhân dân chính là nội dung dân chủ trên lĩnh vực chính trị. V.I.Lênin còn nhấn mạnh rằng: Dân chủ xã hội chủ nghĩa là chế độ dân chủ cổ đại đa số dân cư, có những người lao động bị bóc lột, là chế độ mà nhân dân ngày càng tham gia nhiều vào công việc Nhà nước. Với ý nghĩa đó, V.I.Lênin đại diễn đạt một cách khái quát về bản chất và mục tiêu của dân chủ xã hội chủ nghĩa rằng: đó là nền dân chủ "gấp triệu lần dân chủ tư sản"[1].

Bàn về quyền làm chủ của nhân dân trên lĩnh vực chính trị, Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ: Trong chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa thì bao nhiêu quyền lực đều là của dân, bao nhiêu sức mạnh đều ở nơi dân, bao nhiêu lợi ích đều là vì dân[2]....Chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa do đó về thực chất là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, khác với các cuộc cách mạng xã hội trước đây là ở chỗ nó là cuộc cách mạng của số đông, vì lợi ích của số đông nhân dân. Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1946) theo Hồ Chí Minh là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những

1V.I.Lênin, Toàn tập, Nxb. Tiến bộ, M.1980, Tập 35, tr. 39
2Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. CTQG, H.2011, Tập 6, Tr.232

người có tài, có đức để gánh vác công việc nhà nước, "...hễ là người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử, hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử"[1]. Quyền được tham gia rộng rãi và công việc quản lý nhà nước chính là nội dung dân chủ trên lĩnh vực chính trị.

Xét về bản chất chính trị, dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc. Do vây, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa khác về chất sợ với nền dân chù tư sản ở *bản chất giai cấp* (giai cấp công nhân và gia cấp tư sản); ở *cơ chế nhất nguyên và cơ chế đa nguyên; một đảng hay nhiều đảng; ở bản chất nhà nước* (nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền tư sản).

*Bản chất kinh tế:* Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ sở hữu xã hội về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở khoa học – công nghệ hiện đại nhằm thỏa mãn ngày càng cao những nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động

Bản chất kinh tế đó chỉ được bộc lộ đầy đủ qua một quá trình ổn định chính trị, phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của toàn xã hội, dưới sự lãnh đạo của đảng Mác – Lênin về quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trước hết đám bảo quyền làm chủ của nhân dân về các tư liệu sản xuất chủ yếu; quyền làm chủ trong quá trình sản xuất kinh doanh, quản lý và phân phối, phải coi lợi ích kinh tế của người lao động là động lực cơ bản nhất có sức thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Bản chất kinh tế của nền dân chủ xã chủ nghĩa dù khác về bản chất kinh tế của các chế độ tư hữu, áp bức, bóc lột, bất công, nhưng cũng như toàn bộ nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, nó không hình thành từ "hư vô" theo mong muốn của bất kỳ ai. Kinh tế xã hội chủ nghĩa cũng là sự kế thừa và phát triển mọi thành tựu nhân loại đã tạo ra trong lịch sử, đồng thời lọc bỏ những nhân tố lạc hậu, tiêu cực, kìm hãm... của các chế độ kinh tế trước đó, nhất là bản chất tư hữu, áp bức, bóc lột, bất công... đối với đa số nhân dân.

Khác với nền dân chủ tư sản, bản chất kinh tế của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là thực hiện *chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu và thực hiện chế độ phân phối lợi ích theo kết quả lao động là chủ yếu*

1Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. CTQG, H.2000, Tập 4, Tr.133

*Bản chất tư tưởng – văn hóa – xã hội:* Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lấy hệ tư tưởng Mác – Lênin - hệ tư tưởng giai cấp công nhân, làm chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới. Đồng thời nó kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc; tiếp thu những giá trị tư tưởng – văn hóa, văn minh, tiến bộ xã hội...mà nhân loại đã tạo ra ở tất cả các quốc gia, dân tộc... Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhân dân được làm chủ những giá trị văn hóa tinh thần; được nâng cao trình độ văn hóa, có điều kiện để phát triển cá nhân. Dưới góc độ này dân chủ là một thành tựu văn hóa, một quá trình sáng tạo văn hóa, thể hiện khát vọng tự do được sáng tạo và phát triển của con người

Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có sự kết hợp hài hòa về *lợi ích giữa cá nhân, tập thể và lợi ích của toàn xã hội.* Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ra sức động viên, thu hút mọi tiềm năng sáng tạo, tính tích cực xã hội của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

Với những bản chất nêu trên, dân chủ xã hội chủ nghĩa trước hết và chủ yếu được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, là kết quả hòa động tự giác của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, dân chủ xã hội chủ nghĩa chỉ có được với điều kiện tiên quyết là bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản. Bởi lẽ, nhờ nắm vững hệ tư tưởng cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin và đưa nó vào quần chúng, Đảng mang lại cho phong trào quần chúng tính tự giác cao trong quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục của mình, Đảng nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, trình độ văn hóa dân chủ của nhân dân để họ có khả năng thực hiện hữu hiệu những yêu cầu dân chủ phản ánh đúng quy luật phát triển xã hội. Chỉ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhân dân mới đấu tranh có hiệu quả chống lại mọi mưu đồ lợi dụng dân chủ vì những động cơ đi ngược lại lợi ích của nhân dân.

Với những ý nghĩa như vậy, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhất nguyên vè chính trị, bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản không loại trừ nhau mà ngược lại, chính sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện cho dân chủ xã hội chủ nghĩa ra đời và phát triển.

Với tất cả những đặc trưng đó, *dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ tư sản, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc*

*về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản*.

## 2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

### *2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa*

*2.1.1. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa*

Khát vọng về một xã hội công bằng, dân chủ, bình đẳng và bác ái đã xuất hiện từ lâu trong lịch sử. Xuất phát từ nguyện vọng của nhân dân lao động muốn thoát khỏi sự áp bức, bất công và chuyên chế, ước mơ xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng và những giá trị của con người được tôn trọng, bảo vệ và có điều kiện để phát triển tự do tất cả năng lực của mình, nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời là kết quả của cuộc cách mạng do giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Tuy nhiên, chỉ đến khi xã hội tư bản chủ nghĩa xuất hiện, khi mà những mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất tư bản tư nhân về tư liệu sản xuất với tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất trở nên ngày càng gay gắt dẫn tới các cuộc khủng hoảng về kinh tế và mâu thuẫn sâu sắc giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản làm xuất hiện các phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản, thì trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, các Đảng Cộng sản mới được thành lập để lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng và trở thành nhân tố có ý nghĩa quyết định tháng lợi của cách mạng. Bên cạnh đó, giai cấp vô sản được trang bị bởi vũ khí lí luận là chủ nghĩa Mác – Lênin với tư cách cơ sở lí luận để tổ chức, tiến hành cách mạng và xây dựng nhà nước của giai cấp mình sau chiến thắng. Cùng với đó, các yếu tố dân tộc và thời đại cũng tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng của giai cấp vô sản và nhân dân lao động của mỗi nước. Dưới tác động của các yếu tố khác nhau và cùng với đó là mâu thuẫn gay gắt giữa giai cấp vô sản và nhân dân lao động với giai cấp bóc lột, cách mạng vô sản có thể xảy ra ở những nước có chế độ tư bản chủ nghĩa phát triển cao hoặc trong các nước dân tộc thuộc địa.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời là kết quả của cuộc cách mạng do giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Tuy nhiên, tùy vào đặc điểm và điều kiện của mỗi quốc gia, sự ra đời của nhà nước xã hội chủ

nghĩa cũng như việc tổ chức chính quyền sau cách mạng có những đặc điểm, hình thức và phương pháp phù hợp. Song, điểm chung giữa các nhà nước xã hội chủ nghĩa là ở chỗ, đó là tổ chức thực hiện quyền lực của nhân dân, là cơ quan đại diện cho ý chí của nhân dân, thực hiện việc tổ chức quản lí kinh tế, văn hóa, xã hội của nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Như vậy, *nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước mà ở đó, sự thống trị chính trị thuộc về giai cấp công nhân, do cách mạng xã hội chủ nghĩa sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân lao động lên địa cị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội phát triển cao – xã hội xã hội chủ nghĩa*.

*2.1.2. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa*

So với các kiểu nhà nước khác trong lịch sử, nhà nước xã hội chủ nghĩa là kiểu nhà nước mới, có bản chất khác với bản chất của các kiểu nhà nước bóc lột trong lịch sử. Tính ưu việt về mặt bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa được thể hiện trên các phương diện:

*Về chính trị,* nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp công nhân, giai cấp có lợi ích phù hợp với lợi ích chung của quần chúng nhân dân lao động. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, giai cấp vô sản là lực lượng giữ địa vị thống trị về chính trị. Tuy nhiên, sự thống trị của giai cấp vô sản có sự khác biệt về chất so với sự thống trị của các giai cấp bóc lột trước đây. Sự thống trị của giai cấp bóc lột là sự thống trị của thiểu số đối với tất cả các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động trong xã hội nhằm bảo vệ và duy trì địa vị của mình. Còn sự thống trị về chính trị của giai cấp vô sản là sự thống trị của đa số đối với thiểu số giai cấp bóc lột nhằm giải phóng giai cấp mình và giải phóng tất cả các tầng lớp nhân dân lao động khác trong xã hội. Do đó, nhà nước xã hội chủ nghĩa là đại biểu cho ý chí chung của nhân dân lao động.

*Về kinh tế,* bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa chịu sự quy định của cơ sở kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa, đó là quan hệ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu. Do đó, không còn tồn tại quan hệ sản xuất bóc lột. Nếu như tất cả các nhà nước bóc lột khác trong lịch sử đều là nhà nước theo đúng nghĩa của nó, nghĩa là bộ máy của thiểu số những kẻ bóc lột để trấn áp đa số nhân dân lao động bị áp bức, bóc lột, thì nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa là một bộ máy chính trị - hành chính, một cơ quan

cưỡng chế, vừa là một tổ chức quản lý kinh tế - xã hội của nhân dân lao động, nó không còn là nhà nước theo đúng nghĩa, mà chỉ là "nửa nhà nước". Việc chăm lo cho lợi ích của đại đa số nhân dân lao động trở thành mục tiêu hàng đầu của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

*Về văn hóa, xã hội,* nhà nước xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên nền tảng tinh thần là lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và những giá trị văn hóa tiên tiến, tiến bộ của nhân loại, đồng thời mang những bản sắc riêng của dân tộc. Sự phân hóa giữa các giai cấp, tầng lớp từng bước được thu hẹp, các giai cấp, tầng lớp bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực và cơ hội để phát triển.

*2.1.3. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa*

Tùy theo góc độ tiếp cận, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa được chia thành các chức năng khác nhau.

Căn cứ vào phạm vi tác động của quyền lực nhà nước, chức năng của nhà nước được chia thành *chức năng đối nội* và *chức năng đối ngoại.*

Căn cứ vào lĩnh vực tác động của quyền lực nhà nước, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa được chia thành *chức năng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội*,..

Căn cứ vào tính chất của quyền lực nhà nước, chức năng của nhà nước được chia thành *chức năng giai cấp* (trấn áp) và *chức năng xã hội* (tổ chức và xây dựng).

Xuất phát từ bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa, nên việc thực hiện các chức năng của nhà nước cũng có sự khác biệt so với các nhà nước trước đó. Đối với các nhà nước bóc lột, nhà nước của thiểu số thống trị đối với đa số nhân dân lao động, nên việc thực hiện chức năng trấn áp đóng vai trò quyết định trong việc duy trì địa vị của giai cấp nắm quyền chiếm hữu tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Còn trong nhà nước xã hội xã hội chủ nghĩa, mặc dù vẫn còn chức năng trấn áp, nhưng đó là bộ máy do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tổ chức ra để trấn áp giai cấp bóc lột đã bị lật đổ và những phần tử chống đối để bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững an ninh chính trị, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Mặc dù trong thời kỳ quá độ sự trấn áp vẫn còn tồn tại như một tất yếu, nhưng đó là sự thật trấn áp của đa số nhân dân lao động đối với thiểu số bóc lột. V.I.Lênin khẳng định, "bất cứ một nhà nước nào cũng đều có nghĩa là dùng bạo lực; nhưng toàn bộ sự khác nhau là ở chỗ

dùng bạo lực đối với những người bị bóc lột hay đối với kẻ đi bóc lột"[1]. Theo V.I.Lênin, mặc dù trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản, "cơ quan đặc biệt, bộ máy trận áp đặc biệt là "nhà nước" *vẫn còn* cần thiết, nhưng nó đã là nhà nước quá độ, mà không còn là nhà nước theo đúng nghĩa của nó nữa"[2].

V.I.Lênin cho rằng, giai cấp vô sản sau khi giành được chính quyền, xác lập địa vị thống trị cho đại đa số nhân dân lao động, thì vấn đề quan trọng không chỉ là trấn áp lại sự phản kháng của giai cấp bóc lột, mà điều quan trọng hơn cả là chính quyền mới tạo ra được năng suất sản xuất cao hơn chế độ xã hội cũ, nhờ đó mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho đại đa số các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động. Vì vậy, vấn đề quản lý và xây dựng kinh tế là then chốt, quyết định. Nhà nước xã hội chủ nghĩa "không phải chỉ là bạo lực đối với bọn bóc lột, và cũng không phải chủ yêu là bạo lực. Cơ sở kinh tế của bạo lực cách mạng đó, cái bảo đảm sức sống và thắng lợi của nó chính là giai cấp vô sản đưa ra được và thực hiện được kiểu tổ chức lao động cao hơn so với chủ nghĩa tư bản. Đấy là thực chất của vấn đề. Đấy là nguồn sức mạnh, là điều kiện đảm bảo cho thắng lợi hoàn toàn và tất nhiên của chủ nghĩa cộng sản"[3].

Cải tạo xã hội cũ, xây dựng thành công xã hội mới là nội dung chủ yếu và mục đích cuối cùng của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đó là một sự nghiệp vĩ đại nhưng đồng thời cũng là một công việc cực kì khó khăn và phúc tạp. Nó đòi hỏi nhà nước xã hội chủ nghĩa phải là một bộ máy có đầy đủ sức mạnh để trấn áp kẻ thù và những phần tử chống đối cách mạng, đồng thời nhà nước đó phải là một tổ chức có đủ năng lực để quản lí và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, trong đó việc tổ chức quản lí kinh tế là quan trọng, khó khăn và phúc tạp nhất.

### *2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa*

*Một là: Dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa.* Chỉ trong xã hội dân chủ xã hội chủ nghĩa, người dân mới có đầy đủ các điều kiện cho việc thực hiện ý chí của mình thông qua việc lựa chọn một cách công bằng, bình đẳng những người đại diện cho quyền lợi chính đáng của mình vào bộ máy nhà nước, tham gia một cách trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt

1V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.2005, tập 43, tr.380.
2 V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.2005, tập 33, tr.111.
3V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.2005, tập 39, tr.15 - 16.

động quản lý của nhà nước, khai thác và phát huy một cách tốt nhất sức mạnh trí tuệ của nhân dân cho hoạt động của nhà nước. Với những tính ưu việt của mình, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa sẽ kiểm soát một cách có hiệu quả quyền lực của nhà nước, ngăn chặn được sự tha hóa của quyền lực nhà nước, có thể dễ dàng đưa ra khỏi cơ quan nhà nước những người thực thi công vụ không còn đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu hướng đến lợi ích của người dân. Ngược lại, nếu các nguyên tắc của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bị vi phạm, thì việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng sẽ không thực hiện được. Khi đó, quyền lực của nhân dân sẽ bị biến thành quyền lực của một nhóm người, phục vụ cho lợi ích của một nhóm người.

*Hai là*: Ra đời trên cơ sở nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, *nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân*. Bằng việc thể chế hóa ý chí của nhân dân thành các hành lang pháp lý, phân định một cách rõ ràng quyền và trách nhiệm của mỗi công dân, là cơ sở để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình, đồng thời là công cụ bạo lực để ngăn chặn có hiệu quả các hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng của người dân, bảo vệ nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa nằm trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là phương thức thể hiện và thực hiện dân chủ. Theo V.I.Lênin, con đường vận động và phát triển của nhà nước xã hội chủ nghĩa là ngày càng hoàn thiện các hình thức đại diện nhân dân, thực hiện và mở rộng dân chủ, nhằm lôi cuốn ngày càng đông đảo nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Thông qua hoạt động quản lý của nhà nước, các nguồn lực xã hội được tập hợp, tổ chức và phát huy hướng đến lợi ích của nhân dân. Ngược lại, nếu nhà nước xã hội chủ nghĩa đánh mất bản chất của mình sẽ tác động tiêu cực đến nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, sẽ dễ dẫn tới vệc xâm phạm quyền làm chủ của người dân, dẫn tới chuyên chế, độc tài, thủ tiêu nền dân chủ hoặc dân chủ chỉ còn là hình thức.

Trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, nhà nước là thiết chế có chức năng trực tiếp nhất trong việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện những yêu cầu dân chủ chân chính của nhân dân. Nó cũng là công cụ sắc bén nhất trong cuộc đấu tranh với mọi mưu đồ đi ngược lại lợi ích của nhân dân; là thiết chế tổ chức có hiệu quả việc xây dựng xã hội mới; là công cụ hữu hiệu để vai trò lãnh đạo của Đảng trong quá trình xây

dựng chủ nghĩa xã hội được thực hiện…Chính vì vậy, trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, Đảng ta xem nhà nước là "trụ cột", "một công cụ chủ yếu, vững mạnh" của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## 3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

### *3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*

*3.1.1. Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*

Chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta được xác lập sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đến năm 1976 tên nước đổi thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhưng trong các Văn kiện Đảng hầu như chưa sử dụng cụm từ "dân chủ XHCN" mà thường nêu quan điểm "xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa" gắn với "nắm vững chuyên chính vô sản". Bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cũng chưa được xác định rõ ràng. Việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là thực hiện dân chủ trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam như thế nào cho phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa, đạo đức của xã hội Việt Nam, gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật, kỉ cương cũng chưa được đặt ra một cách cụ thể, thiết thực. Nhiều lĩnh vực liên quan mật thiết đến dân chủ xã hội chủ nghĩa như dân sinh, dân trí, dân quyền…chưa được đặt đúng vị trí và giải quyết đúng để thúc đẩy việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước đã nhấn mạnh phát huy dân chủ để tạo ra một động lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước. Đại hội khẳng định "trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động"[1]; Bài học "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" bao giờ cũng quan trọng. Thực tiễn cách mạng chứng minh rằng: ở đâu, nhân dân lao động có ý thức làm chủ và được làm chủ thật sự, thì ở đấy xuất hiện phong trào cách mạng"[2].

Hơn 30 năm đổi mới, nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa, vị trí, vai trò của dân chủ ở nước ta đã có nhiều điểm mới. Qua mỗi kì đại hội của Đảng thời kì đổi mới, dân chủ ngày càng được nhận thức, phát triển và hoàn thiện đúng đắn, phù hợp hơn

1Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kì đổi mới*, Nxb. CTQG, H.2005, tr.28
2Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kì đổi mới*, Nxb. CTQG, H.2005, tr.115.

với điều kiện cụ thể của nước ta.

Trước hết, Đảng ta khẳng định một trong những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam là *do nhân dân làm chủ*. Dân chủ đã được đưa vào mục tiêu tổng quát của cách mạng Việt Nam: *Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*. Đồng thời khẳng định: "Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cáp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỉ luật, kỉ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm…"[1].

*3.1.2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*

Cũng như bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa nói chung, ở Việt Nam bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa là dựa vào Nhà nước xã hội chủ nghĩa và sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân. Đây là nền dân chủ mà con người là thành viên trong xã hội với tư cách công dân, tư cách của người làm chủ. Quyền làm chủ của nhân dân là tất cả quyền lực đều thuộc về nhân dân, dân là gốc, là chủ, dân làm chủ. Điều này đã được Hồ Chí Minh khẳng định:

"Nước ta là nước dân chủ.

Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân.*

Bao nhiêu quyền hạn đều là *của dân.*

Công cuộc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân.*

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân.*

Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương *do dân cử ra.*

Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên.*

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở dân"*[2].

*Kế thừa tư tưởng dân chủ trong lịch sử và trực tiếp là tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh, từ khi ra đời đến nay, nhất là trong thời kì đổi mới, Đảng luôn xác định xây dựng nền dân chủ* xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển xã hội, là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Dân chủ phải thể hiện bằng kỉ cương và phải thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm…Nội dung này được hiểu là:

---

1Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kì đổi mới*, Nxb. CTQG, H.2005, tr.84 – 85.

2Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.2011, Tập 6, tr.232

Dân chủ là mục tiêu của chế độ xã hội chủ nghĩa (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh).

Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa (do nhân dân làm chủ, quyền lực thuộc về nhân dân)

Dân chủ là động lực để xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa (phát huy sức mạnh của nhân dân, của toàn dân tộc)

Dân chủ gắn với pháp luật (phải đi đôi với kỉ luật, kỉ cương).

Dân chủ phải được thực hiện trong đời sống thực tiễn ở tất cả các cấp, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội về lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

Bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được thực hiện thông qua các hình thức *dân chủ gián tiếp và dân chủ trực tiếp*.

Hình thức *dân chủ gián tiếp*

Hình thức *dân chủ trực tiếp*

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, một yêu cầu tất yếu là không ngừng củng cố, hoàn thiện những điều kiện đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Thực tiễn xây dựng đất nước cho thấy dân chủ xã hội chủ nghĩa được thể hiện ở việc bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo hướng ngày càng mở rộng và hoạt động có hiệu quả. Ý thức làm chủ của nhân dân, trách nhiệm công dân của người dân trong xã hội ngày càng được đề cao trong pháp luật và cuộc sống. Mọi công dân đều có quyền tham gia quản lý xã hội bằng nhiều cách khác nhau, tùy theo trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Dân chủ công dân gắn liền với kỷ cương của đất nước, được thể chế hóa bằng luật của nhà nước pháp quyền, trong các nguyên tắc hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Các quy chế dân chủ từ cơ sở cho đến Trung ương và trong các tổ chức chính trị - xã hội đều thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Đảng ta khẳng định: “Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân”[1].

Bên cạnh đó, việc xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam diễn ra trong điều kiện xuất phát từ một nền kinh tế kém phát triển, lại chịu hậu quả chiến tranh tàn phá nặng nề. Cùng với đó là những tiêu cực trong đời sống xã hội chưa được khắc

1Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, H.2006, tr.125

phục triệt để làm ảnh hưởng đến bản chất tốt đẹp của chế độ dân chủ nước ta, làm suy giảm động lực phát triển của đất nước. Mặt khác, âm mưu "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn, lật đổ, sử dụng chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" của các thế lực thù địch, vấn đề tự chuyển biến, tự chuyển hóa nảy sinh và diễn biến hết sức phức tạp đang là trở ngại đối với quá trình thực hiện dân chủ ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Thực tiễn cho thấy, bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam càng ngày càng thể hiện giá trị lấy dân làm gốc. Kể từ khi khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa cho đến nay, nhân dân thực sự trở thành người làm chủ, tự xây dựng, tổ chức quản lý xã hội. Đây là chế độ bảo đảm quyền làm chủ trong đời sống của nhân dân từ chính trị, kinh tế cho đến văn hóa, xã hội; đồng thời phát huy tính tích cực, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

### ***3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam***

#### *3.2.1. Quan niệm và đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*

*Theo quan niệm chung, nhà nước pháp quyền là nhà nước thượng tôn pháp luật, nhà nước hướng tới những vấn đề phúc lợi cho mọi người, tạo điều kiện c*ho cá nhân được tự do, bình đẳng, phát huy hết năng lực của chính mình. Trong hoạt động của nhà nước pháp quyền, các cơ quan của nhà nước được phân quyền rõ ràng và được mọi người chấp nhận trên nguyên tắc bình đẳng của các thế lực, giai cấp và tầng lớp trong xã hội.

Trong giai đoạn hiện nay, cách tiếp cận và những đặc trưng về nhà nước pháp quyền vẫn có những cách hiểu khác nhau. Song, từ những cách tiếp cận đó, *nhà nước pháp quyền được hiểu là nhà nước mà ở đó, tất cả mọi công dân đều được giáo dục pháp luật và phải hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, pháp luật phải đảm bảo tính nghiêm minh; trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phải có sự kiểm soát lẫn nhau, tất cả vì mục tiêu phục vụ nhân dân*.

*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra những nội dung khái quát liên quan đến nhà nước pháp quyền: Đề cao vai trò tối thượng của Hiến pháp và pháp luật; đề cao quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, đảm bảo quyền con người; tổ chức bộ máy vừa đảm bảo tập trung, thống nhất, vừa có sự phân công giữa các nhánh quyền lực, phân cấp quyền hạn

và trách nhiệm giữa các cấp chính quyền nhằm đảm bảo quyền dân chủ của nhân dân, tránh lạm quyền. Nhà nước có mối quan hệ thường xuyên và chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền, vô trách nhiệm, xâm phạm quyền dân chủ của công dân. Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

Theo tiến trình của công cuộc đổi mới đất nước, nhận thức của Đảng ta về Nhà nước pháp quyền ngày càng sáng tỏ. Với chủ trương: "Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân, vì dân". Đảng ta xác định: Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Nhận thức đó là tiền đề để Đại hội XII của Đảng làm rõ hơn về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: "Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp"[1].

Từ thực tiễn nhận thức và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, có thể thấy Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta có một số đặc điểm cơ bản sau:

*Thứ nhất,* xây dựng nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

*Thứ hai,* Nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật. Trong tất cả các hoạt động của xã hội, pháp luật được đặt ở vị trí tối thượng để điều chỉnh các quan hệ xã hội.

*Thứ ba,* quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

*Thứ tư,* Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, phù hợp với điều 4 Hiến pháp năm 2013. Hoạt động của nhà nước được giám sát bởi phương châm: "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" thông qua các tổ chức, các cá nhân được nhân dân ủy nhiệm.

*Thứ năm,* Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tôn trọng quyền

1Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H.2006, tr.171.

con người, coi con người là trung tâm của sự phát triển. Quyền dân chủ của nhân dân được thực hành một cách rộng rãi; "nhân dân có quyền bầu và bãi miễn những đại biểu không xứng đáng"; đồng thời tăng cường thực hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

*Thứ sáu,* tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, nhưng bảo đảm quyền lực là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

Như vậy, những đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam chúng ta đang xây dựng đã thể hiện được các tinh thần cơ bản của một nhà nước pháp quyền nói chung. Bên cạnh đó, nó còn thể hiện sự khác biệt so với các nhà nước pháp quyền khác: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, phục vụ lợi ích cho nhân dân; nhà nước là công cụ chủ yếu để Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

### ***3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay***

#### *3.3.1. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*

*Một là,* xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo ra cơ sở kinh tế vững chắc cho xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Trước hết cần thể chế hóa quan điểm của Đảng về *phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp*; bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tài sản thuộc các hình thức sở hữu, loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế. Xây dựng, hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các tài sản mới như sở hữu trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu…quy định rõ, quyền, trách nhiệm của các chủ sở hữu đối với xã hội. Cùng với đo là có *nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của thể chế, xây dựng và hoàn thiện thể chế* phải được tiến hành đồng bộ cả ba khâu: Ban hành văn bản, quy định của thể chế; xây dựng cơ chế vận hành, thực thi thể chế trong hoạt động kinh doanh cụ thể; hoàn thiện bổ máy tổ chức theo dõi, giám sát việc thi hành thể chế, xử lí vi phạm và tranh chấp trong thực thi thể chế. Trong khi triển khai đồng bộ thể chế môi trường kinh donah phải tập trung cải cách hành chính, từ bộ máy hành chính đến thủ tục hành chính. Thắng lợi của cải cách hành chính sẽ nhanh chóng thúc đẩy cải thiện nhiều về môi trường kinh doanh. Đồng thời, *phải phát triển đồng bộ* các yếu tố thị trường và các loại thị trường. Hình thành việc rà soát, bổ sung,

hoàn thiện các quy định pháp luật về kinh doanh phù hợp với Việt Nam.

*Hai là,* xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh với tư cách điều kiện tiên quyết để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Để đảm bảo vai trò lãnh đạo của mình, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo. Đảng phải dân chủ hóa trong sinh hoạt, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Có như vậy, Đảng mới đảm bảo sự lãnh đạo trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

*Ba là,* xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh với tư cách điều kiện để thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam phải thực thi quyền dân chủ của nhân dân trên mọi mặt của đời sống xã hội, thể hiện bằng Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước phải đảm bảo quyền con người là giá trị cao nhất. Chính vì vậy, tất cả các chính sách, pháp luật đều phải dựa vào ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Nhà nước đảm bảo quyền tự do của công dân, đảm bảo danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân bằng pháp luật và trên thực tế của đời sống xã hội.

*Bốn là,* nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Các tổ chức chính - xã hội ở nước ta cần phải đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động để nâng cao vị trí, vai trò của mình, để tham gia giám sát, phản biện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tạo ra khối đoàn kết toàn dân, chăm lo đời sống nhân dân, thực hiện dân chủ trong đời sống xã hội. Đồng thời tham gia vào bảo vệ chính quyền, xây dựng Đảng, bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân.

*Năm là,* xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phản biện xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội là yếu tố đảm bảo xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nó ảnh hưởng tới đời sống tâm lý của nhân dân khi nhìn nhận dánh giá các chủ trường, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Do đó, cần công khai hóa, minh bạch hóa, dân chủ hóa về thông tin, về

chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là các vấn dề liên quan đến lợi ích chính đáng của nhân dân. Cần cụ thể hóa hơn nữa các quy chế và hình thức thể hiện sự tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân đối với các vấn đề phát triển của đất nước.

Ngoài ra cần nâng cao dân trí, văn hóa pháp luật cho toàn thể xã hội (cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, nhân dân…).

*3.3.2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*

*Một là,* xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, đồng thời cũng gắn bó chặt chẽ với dân tộc, với nhân dân. Tổ chức quyền lực của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đảm bảo quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

*Hai là,* cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước.

Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội để đảm bảo đây là cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ở nước ta, là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp; thực hiện một số nhiệm vụ thuộc quyền hành pháp và tư pháp, quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hoá. Đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm mạnh và bãi bỏ các thủ tục hành chính gây phiền hà cho tổ chức và công dân. Nâng cao năng lực, chất lượng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách. Đẩy mạnh xã hội hóa các ngành dịch vụ công phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Ba là,* xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, điều hành quản lý đất nước. Có chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ; đồng thời cũng phải xây dựng được cơ chế loại bỏ, miễn nhiệm những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, đạo đức công vụ.

*Bốn là,* đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

Phòng, chống tham nhũng, lãng phí và tiến hành tiết kiệm là nhiệm vụ cấp bách, lâu dài của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta: Tiếp tục hoàn thiện các thể chế và đẩy mạnh cải cách hành chính phục vụ nhiệm vụ, phòng chống tham nhũng, lãng phí; xây dựng và hoàn thiện cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người đấu tranh chống tham nhũng; xây dựng các chế tài để xử lý các cá nhân và tổ chức vi phạm; động viên và khuyến khích toàn Đảng, toàn dân thực hành tiết kiệm.

## C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Khái niệm bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa?
2. Bản chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa?
3. Bản chất và định hướng xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?
4. Nội dung và định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?
5. Liên hệ trách nhiệm cá nhân trong việc góp phần xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay?

## D. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Chí Bảo, Thái Ninh (1991), *Dân chủ tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa,* Nxb. Sự thật, Hà Nội.

*2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011),* Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (*Bổ sung, phát triển năm 2011*), *Nxb. CTQG, Hà Nội.*

3. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ chí Minh (2014), *Giáo trình cao cấp lý luận chính trị, tập 3 - Chủ nghĩa xã hội khoa học,* Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

4. *Nguyễn Quang Mạnh (2010), Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: lý luận và thực tiễn*, *Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.*

5. Đào Trí Úc (2015), *Giáo trình Nhà nước pháp quyền,* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

# Chương 5

# CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

A. MỤC TIÊU

*1. Về kiến thức:* Sinh viên nắm được những kiến thức nền tảng về cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

*2. Về kỹ năng:* Sinh viên có kỹ năng nhận diện những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp và nội dung liên minh giai cấp ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

*3. Về thái độ:* Sinh viên nhận thức được về tầm quan trọng và thấy được sự cần thiết phải góp sức tăng cường xây dựng khối liên minh giai cấp, tầng lớp vững mạnh trong sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

**B. NỘI DUNG**

**1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

***1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp***

*Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu – xã hội giai cấp*

Cơ cấu xã hội là những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên.

Cơ cấu xã hội có nhiều loại, như: cơ cấu xã hội – dân cư, cơ cấu xã hội – nghề nghiệp, cơ cấu xã hội – giai cấp, cơ cấu xã hội – dân tộc, cơ cấu xã hội – tôn giáo,… Dưới góc độ chính trị - xã hội, môn Chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung nghiên cứu về cơ cấu xã hội – giai cấp vì đó là một trong những cơ sở để nghiên cứu vấn đề liên minh giai cấp, tầng lớp trong một xã hội nhất định.

Cơ cấu xã hội – giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lí sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội…giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp là tổng thể các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội có mối quan hệ hợp tác và gắn bó chặt chẽ với nhau. Yếu tố quyết định mối quan hệ của họ đó là cùng chung sức cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Các giai cấp, tầng lớp, các

nhóm xã hội cơ bản trong cơ cấu xã hội - giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp doanh nhân, tầng lớp tiểu chủ, tầng lớp thanh niên, phụ nữ,…Mỗi giai cấp, tầng lớp và các nhóm xã hội này có những vị trí và vai trò xác định song dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản – đội tiền phong của giai cấp công nhân cùng hợp lực, tạo sức mạnh tổng hợp để thực hiện những mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến tới xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản với tư cách là một hình thái kinh tế - xã hội mới thay thế hình thái kinh tế - xã hội đã lỗi thời.

*Vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội*

Trong hệ thống xã hội, mỗi loại hình cơ cấu xã hội đều có vị trí, vai trò xác định và giữa chúng có mối quan hệ, phụ thuộc lẫn nhau. Song vị trí, vai trò của các loại cơ cấu xã hội không ngang nhau, trong đó, *cơ cấu xã hội - giai cấp là loại hình cơ bản và có vị trí quyết định nhất, chi phối các loại hình cơ cấu xã hội khác* vì những lý do cơ bản sau:

Cơ cấu xã hội - giai cấp liên quan đến các đảng phái chính trị và nhà nước; đến quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quản lý, tổ chức lao động, phân phối thu nhập... trong một hệ thống sản xuất nhất định. Các loại hình cơ cấu xã hội khác không có được những mối quan hệ quan trọng và quyết định này.

Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp tất yếu sẽ ảnh hưởng đến sự biến đổi của các loại cơ cấu xã hội khác và tác động đến sự biến đổi của toàn bộ cơ cấu xã hội. Những đặc trưng và xu hướng biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, mọi hoạt động xã hội và mọi thành viên trong xã hội, qua đó thấy rõ thực trạng, quy mô, vai trò, sứ mệnh và tương lai của các giai cấp, tầng lớp trong sự biến đổi cơ cấu xã hội và phát triển xã hội. Vì vậy, cơ cấu xã hội - giai cấp là căn cứ cơ bản để từ đó xây dựng chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi xã hội trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Mặc dù cơ cấu xã hội - giai cấp giữ vị trí quan trọng song không được tuyệt đối hóa nó và xem nhẹ các loại hình cơ cấu xã hội khác, từ đó có thể dẫn đến tùy tiện, muốn xóa bỏ nhanh chóng các giai cấp, tầng lớp một cách giản đơn theo ý muốn chủ quan.

***1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội***

Cơ cấu xã hội - giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thường xuyên có những biến đổi mang tính quy luật như sau:

*Một là*, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi gắn liền và bị quy định bởi cơ cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong hệ thống sản xuất nhất định, cơ cấu xã hội - giai cấp thường xuyên biến đổi do tác động của nhiều yếu tố, đặc biệt là những thay đổi về phương thức sản xuất, về cơ cấu ngành nghề, thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế, cơ chế kinh tế…Ph. Awngghen chỉ rõ: "Trong mỗi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra – cả hai cái đó cấu thành cơ sở lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy…"[1]

Sau thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân cùng toàn thể các giai cấp, tầng lớp xã hội, các nhóm xã hội bước vào thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kì mới, cơ cấu kinh tế - xã hội có những biến đổi và những thay đổi đó tất yếu cũng dẫn đến những thay đổi trong cơ cấu xã hội theo hướng phục vụ thiết thực lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động theo cơ chế thị trường, song có sự quản lí của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Ở những nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với xuất phát điểm còn thấp, từ một cơ cấu kinh tế ngành tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp còn phát triển ở trình độ thấp chuyển sang cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỉ trọng nông nghiệp; chuyển từ cơ cấu vùng lãnh thổ còn chưa định hình sang hình thành các vùng, các trung tâm kinh tế lớn; chuyển từ cơ cấu lực lượng sản xuất hiện đại nhưng không cân đối, trình độ công nghệ nhìn chung còn lạc hậu hoặc trung bình chuyển sang phát triển lực lượng sản xuất với trình độ công nghệ cao, hiện đại theo xu hướng ứng dụng những thành quả của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, của kinh tế tri thức, kinh tế số, cách mạng công nghiệp lần thứ tư…,từ đó hình thành những cơ cấu kinh tế mới hiện đại hơn, với trình

1C.Mác và Ph. Ăngghen *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, Tập 21, Tr.11

độ xã hội hóa cao hơn và đồng bộ hài hòa hơn giữa các vùng, các khu vực, giữa nông thôn và thành thị, đô thị…Quá trình biến đổi trong cơ cấu kinh tế đó tất yếu kéo theo những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp, cả trong cơ cấu tổng thể cũng như những biến đổi trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp xã hội, nhóm xã hội. Từ đó, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội cũng thay đổi theo. Mặt khác, nền kinh tế thị trường phát triển mạnh với tính cạnh tranh cao, cộng với xu thế hội nhập ngày càng sâu rộng khiến cho các giai cấp, tầng lớp xã hội cơ bản trong thời kỳ này trở nên năng động, sáng tạo hơn để có thể tạo ra những sản phẩm có giá trị, hiệu quả cao và chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu của thị trường trong bối cảnh mới.

Xu hướng biến đổi này diễn ra rất khác nhau ở các quốc gia khi bắt đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do bị quy định bởi những khác biệt về trình độ phát triển kinh tế, về hoàn cảnh, điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi nước.

*Hai là*, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi phức tạp, đa dạng, làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới.

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra rằng, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa đã được "thai nghén" từ trong lòng xã hội tư bản chủ nghĩa, do vậy ở giai đoạn đầu của nó vẫn còn những "dấu vết của xã hội cũ" được phản ánh "về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần"[1]. Bên cạnh những dấu vết của xã hội cũ, xuất hiện những yếu tố của xã hội mới do giai cấp công nhân và các giai cấp, tầng lớp trong xã hội bắt tay vào tổ chức xây dựng, do vậy tất yếu sẽ diễn ra sự tồn tại "đan xen" giữa những yếu tố cũ và yếu tố mới. Đây là vấn đề mang tính quy luật và được thể hiện rõ nét nhất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Về mặt kinh tế, đó còn là tồn tại kết cấu kinh tế nhiều thành phần. Chính cái kết cấu kinh tế đa dạng, phức tạp này dẫn đến những biến đổi đa dạng, phức tạp trong cơ cấu xã hội - giai cấp mà biểu hiện của nó là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại các giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau. Ngoài giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, giai cấp tư sản (tuy đã bị đánh bại nhưng vẫn còn sức mạnh - V.I.Lênin) đã xuất hiện sự tồn tại và phát triển của các tầng lớp xã hội mới như: tầng lớp doanh nhân, tiểu chủ, tầng lớp những người giàu có và trung lưu trong xã hội….

*Ba là*, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi trong mối quan hệ vừa đấu tranh, vừa

1 C.Mác và Ph. Ăngghen *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, Tập 19, Tr.33

liên minh, từng bước xóa bỏ bất bình đẳng xã hội dẫn đến sự xích lại gần nhau.

Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi và phát triển trong mối quan hệ vừa có mâu thuẫn, đấu tranh, vừa có mối quan hệ liên minh với nhau, dẫn đến sự xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong xã hội, đặc biệt là giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Mức độ liên minh, xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội tùy thuộc vào các điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn của thời kỳ quá độ. Tính đa dạng và tính độc lập tương đối của các giai cấp, tầng lớp sẽ diễn ra việc hòa nhập, chuyển đổi bộ phận giữa các nhóm xã hội và có xu hướng tiến tới từng bước xóa bỏ dần tình trạng bóc lột giai cấp trong xã hội, vươn tới những giá trị công bằng, bình đẳng. Đây là một quá trình lâu dài thông qua những cải biến cách mạng toàn diện của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là xu hướng tất yếu và là biện chứng của sự vận động, phát triển cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong cơ cấu xã hội - giai cấp ấy, giai cấp công nhân, lực lượng tiêu biểu cho phương thức sản xuất mới giữ vai trò chủ đạo, tiên phong trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Vai trò chủ đạo của giai cấp công nhân còn được thể hiện ở sự phát triển mối quan hệ liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức ngày càng giữ vị trí nền tảng chính trị - xã hội, từ đó tạo nên sự thống nhất của cơ cấu xã hội - giai cấp trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

Khi nghiên cứu thực tiễn các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản ở Châu Âu, nhất là ở nước Anh và nước Pháp từ giữa thế kỉ XIX, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra nhiều lý luận nền tảng định hướng cho cuộc đấu tranh của giia cấp công nhân đi đến thắng lợi, trong đó lý luận về liên minh công, nông và các tầng lớp lao động khác đã được các ông khái quát thành vấn đề mang tính nguyên tắc. Các ông đã chỉ ra rằng, nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở những nước này thất bại chủ yếu do giai cấp công nhân "đơn độc" vì đã không tổ chức liên minh với "người bạn đồng minh tự nhiên" của mình là giai cấp nông dân. Do vậy, các cuộc đấu tranh đó đã trở thành "bài đơn ca ai điếu"[1].

1 C.Mác và Ph. Ăngghen *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, Tập 19, Tr.33

Như vậy, *xét dưới góc độ chính trị*, trong một chế độ xã hội nhất định, chính cuộc đấu tranh giai cấp của các giai cấp có lợi ích đối lập nhau đặt ra nhu cầu tất yếu khách quan mỗi giai cấp đứng ở vị trí trung tâm đều phải tìm cách liên minh với các giai cấp, tầng lớp xã hội khác có những lợi ích phù hợp với mình để tập hợp lực lượng thực hiện những nhu cầu và lợi ích chung – đó là quy luật mang tính phổ biến và là động lực lớn cho sự phát triển của các xã hội có giai cấp. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân phải liên minh với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động để tạo ra sức mạnh tổng hợp đảm bảo cho thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa cả trong giai đoạn giành chính quyền và giai đoạn xây dựng chế độ xã hội mới.

Vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản phát triển cao, bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, V.I.Lênin cũng khẳng định liên minh công, nông là vấn đề mang tính nguyên tắc để đảm bảo cho thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga năm 1917. V.I.Lênin chỉ rõ: "Nếu không liên minh với nông dân thì không thể có được chính quyền của giai cấp vô sản, không thể nghĩ được đến việc duy trì chính quyền đó...Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là duy trì khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân để giai cấp vô sản có thể giữ được vai trò lãnh đạo và chính quyền nhà nước"[1].

Trên thực tế, trong bước đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, V.I.Lênin đã chủ trương mở rộng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp lao động khác. Ông xem đây là một hình thức *liên minh đặc biệt* không chỉ trong giai đoạn giành chính quyền mà phải được bảo đảm trong suốt quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. V.I.Lênin chỉ rõ: "Chuyên chính vô sản là một hình thức đặc biệt của liên minh giai cấp giữa giai cấp vô sản, đội tiền phong của những người lao động, với đông đảo những tầng lớp lao động không phải vô sản (tiểu tư sản, tiểu chủ, nông dân, trí thức,…) hoặc với phần lớn những tầng lớp đó, liên minh nhằm chống lại tư bản, liên minh nhằm lật đổ hoàn toàn tư bản, tiêu diệt hoàn toàn sự chống cự của giai cấp tư sản và những mưu toan khôi phục của giai cấp ấy, nhằm thiết lập và củng cố vĩnh viễn chủ nghĩa xã hội"[2].

1V.I.Lênin *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, M.1978, Tập 44, tr.57
2V.I.Lênin *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, M.1977, Tập 38, tr.452

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp lao động khác vừa là lực lượng sản xuất cơ bản, vừa là lực lượng chính trị - xã hội to lớn. Nếu thực hiện tốt khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác, trong đó trước hết là với trí thức thì không những cơ sở kinh tế vững mạnh mà chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa cũng ngày càng được củng cố vững chắc. Khẳng định vai trò của trí thức trong khối liên minh, V.I.Lênin viết: "Trước sự liên minh của các đại biểu khoa học, giai cấp vô sản và giới kỹ thuật, không một thế lực đen tối nào đứng vững được"[3].

*Xét dưới góc độ kinh tế*, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội – tức là cách mạng chuyển sang một giai đoạn mới, cùng với tất yếu chính trị - xã hội, tính tất yếu kinh tế của liên minh lại nổi lên với tư cách là nhân tố quyết định nhất cho sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội. Liên minh này được hính thành xuất phát từ yêu cầu khách quan của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một nền sản xuất nhỏ nông nghiệp là chính sang sản xuất hàng hóa lớn, phát triển công nghiệp, dịch vụ và khoa học – công nghệ…, xây dựng nền tảng vật chất – kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội. Mỗi lĩnh vực của nền kinh tế chỉ phát triển được khi gắn bó chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau để cùng hướng tới phục vụ phát triển sản xuất và tạo thành nền cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất. Chính những biến đổi trong cơ cấu kinh tế này đã và đang từng bước tăng cường khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và các tầng lớp xã hội khác.

Việc hình thành khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức cũng xuất phát từ chính nhu cầu và lợi ích kinh tế của họ nên các chủ thể của các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, khoa học và công nghệ….tất yếu phải gắn bó, liên minh chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện những nhu cầu và lợi ích kinh tế chung của mình. Song quan hệ lợi ích giữa công nhân, nông dân và trí thức cũng có những biểu hiện mới, phức tạp: bên cạnh sự thống nhất về lợi ích kinh tế, xuất hiện những mâu thuẫn lợi ích ở những mức độ khác nhau. Điều này có ảnh hưởng nhất định đến sự đoàn kết, thống nhất của khối liên minh. Do vậy, quá trình thực hiện liên minh đồng thời là quá trình liên tục phát hiện ra mâu thuẫn và có giải pháp kịp thời, phù hợp để giải quyết mâu thuẫn nhằm tạo sự đồng thuận và tạo động lực thúc đẩy quá

3 V.I.Lênin *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, M.1978, Tập 40, tr.218

trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời tăng cường khối liên minh ngày càng bền chặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản của giai cấp công nhân.

Như vậy, liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là liên kết, hợp tác, hỗ trợ nhau… giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội nhằm thực hiện nhu cầu và lợi ích của các chủ thể trong khối liên minh, đồng thời tạo động lực thực hiện thắng lợi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

## 3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

### *3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*

Sau thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đuổi thực dân, đế quốc và thống nhất đất nước, cả nước bước vào thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kì này, cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam có những đặc điểm nổi bật sau:

- Sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp vừa đảm bảo tính quy luật phổ biến, vừa mang tính *đặc thù* của xã hội Việt Nam

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cơ cấu xã hội - giai cấp cũng vận động, biến đổi theo đúng quy luật: đó là sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp bị chi phối bởi những biến đổi trong cơ cấu kinh tế. Từ Đại hội VI (1986), dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam chuyển mạnh sang cơ chế thị trường phát triển kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự chuyển đổi trong cơ cấu kinh tế đã dẫn đến những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp với việc hình thành một cơ cấu xã hội - giai cấp đa dạng. Sự biến đổi phức tạp, đa dạng của cơ cấu xã hội - giai cấp Việt Nam diễn ra trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp cơ bản của xã hội; thậm chí có sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các giai cấp, tầng lớp. Chính những biến đổi mới này cũng là một trong những yếu tố có tác động trở lại làm cho nền kinh tế đất nước phát triển trở nên năng động, đa dạng hơn và trở thành động lực góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Trong sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp ngày càng được khẳng định

Cơ cấu xã hội - giai cấp của Việt Nam ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm những giai cấp, tầng lớp cơ bản sau:

*Giai cấp công nhân Việt Nam* có vai trò quan trọng đặc biệt, là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giữ vị trí tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức[1].

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giai cấp công nhân - lực lượng đi đầu của quá trình này sẽ có những biến đổi nhanh cả về số lượng, chất lượng và có sự thay đổi đa dạng về cơ cấu. Sự đa dạng của giai cấp công nhân không chỉ phát triển theo thành phần kinh tế mà còn phát triển theo ngành nghề. Bộ phận “công nhân tri thức” sẽ ngày càng lớn mạnh. Trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp của công nhân cũng ngày càng được nâng lên nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức. Bên cạnh đó, một bộ phận công nhân thu nhập thấp, giác ngộ chính trị, giai cấp chưa cao và còn nhiều khó khăn về mọi mặt vẫn tồn tại.

*Giai cấp nông dân* cùng với nông nghiệp, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái; là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp...[2]

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp nông dân cũng có sự biến đổi, đa dạng về cơ cấu giai cấp; có xu hướng giảm dần về số lượng và tỉ lệ trong cơ cấu xã hội - giai cấp. Trong giai cấp nông dân xuất hiện những chủ trang trại lớn, đồng thời vẫn còn những nông dân mất ruộng đất, nông dân đi làm thuê.và sự phân hóa giàu nghèo trong nội bộ nông dân cũng ngày càng rõ.

*Đội ngũ trí thức* là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng

1Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb CTQG, H. 2008, tr.43-44.

kinh tế tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; là lực lượng trong khối liên minh. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị[1].

Hiện nay, cùng với yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức trong điều kiện khoa học - công nghệ và cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) đang phát triển mạnh mẽ thì vai trò của đội ngũ trí thức càng trở nên quan trọng.

*Đội ngũ doanh nhân.* Hiện nay ở Việt Nam, đội ngũ doanh nhân đang phát triển nhanh cả về số lượng và qui mô với vai trò không ngừng tăng lên. Đây là tầng lớp xã hội đặc biệt được Đảng ta chủ trương xây dựng thành một đội ngũ vững mạnh. Trong tầng lớp doanh nhân có các doanh nhân với tiềm lực kinh tế lớn, có những doanh nhân vừa và nhỏ thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Đội ngũ này đang đóng góp tích cực vào việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động và tham gia giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo. Vì vậy, xây dựng đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có năng lực, trình độ và phẩm chất, uy tín cao sẽ góp phần tích cực nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế…[2]

Phụ nữ là một lực lượng quan trọng và đông đảo trong đội ngũ những người lao động tạo dứng nên xã hội và đóng phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phụ nữ thể hiện vai trò quan trọng của mình trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và trong gia đình. Ở bất cứ thời đại nào, quốc gia, dân tộc nào, phụ nữ cũng phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thách thức vươn lên đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội, duy trì ảnh hưởng của mình trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

*Đội ngũ thanh niên.* Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chăm lo, phát triển, thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước. Tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa, ý thức công dân cho thanh niên, nhất là học sinh, sinh viên để hình thành thế

---

1Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. CTQG, H. 2008.

2Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 21/01/2013.

hệ thanh niên có phẩm chất tốt đẹp, có khí phách và quyết tâm hành động thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá[1], có trách nhiệm với sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tóm lại, trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, các giai cấp, tầng lớp xã hội biến đổi liên tục trong nội tại mỗi giai cấp, tầng lớp, hoặc xuất hiện thêm các nhóm xã hội mới. Trong quá trình này, cần phải có những giải pháp sát thực, đồng bộ và tác động tích cực để các giai cấp, tầng lớp có thể khẳng định vị trị xứng đáng và phát huy đầy đủ, hiệu quả vai trò của mình trong cơ cấu xã hội và trong sự nghiệp phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

### *3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*

Trên cơ sở những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về liên minh giai cấp, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức đã được hình thành từ rất sớm ở nước ta và được khẳng định qua các kỳ Đại hội của Đảng. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: "Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo"[2].

#### *3.2.1. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*

Trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, việc tổ chức khối liên minh vững mạnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để thực hiện những nội dung cơ bản của liên minh.

*Nội dung kinh tế của liên minh*

Đây là nội dung cơ bản quyết định nhất, là cơ sở vật chất – kĩ thuật của liên minh trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Khi bước vào thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, V.I. Lê nin chỉ rõ nội dung cơ bản nhất của thời kì này là : chính trị đã chuyển trọng tâm sang chính trị trong lĩnh vực kinh tế, đấu tranh giai cấp mang những

1Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. CTQG, H. 2016, tr.158
2Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ XII,* Nxb. CTQG, H. 2016, tr.158.

nội dung và hình thức mới[1]. Nội dung này cần thực hiện nhằm thỏa mãn các nhu cầu, lợi ích kinh tế thiết thực của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và các tầng lớp khác trong xã hội, nhằm tạo cơ sở vật chất – kĩ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội.

Nội dung kinh tế của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ở nước ta thực chất là sự hợp tác giữa họ, đồng thời mở rộng liên kết hợp tác với các lực lượng khác, đặc biệt là đội ngũ doanh nhân….để xây dựng nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa hiện đại. Nhiệm vụ và cũng là nội dung kinh tế xuyên suốt của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là: "phát triển kinh tế nhanh và bền vững; …giữ vững ổn định kinh tễ vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, các lĩnh vực; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tham gia có hiệu quả vào mảng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa…"[2].

Dưới góc độ kinh tế, xác định đúng tiềm lực kinh tế và nhu cầu kinh tế của công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đầu tư và tổ chức triển khai các hoạt động kinh tế đúng trên tinh thần đảm bảo lợi ích của các bên và tránh sự đầu tư không hiệu quả, lãng phí. Xác định đúng cơ cấu kinh tế (của cả nước, của ngành, địa phương, cơ sở sản xuất, v.v.). Từ đó, các địa phương, cơ sở, vận dụng linh hoạt và phù hợp vào địa phương mình, ngành mình để xác định cơ cấu cho đúng.

Tổ chức các hình thức giao lưu, hợp tác, liên kết kinh tế giữa công nghiệp - nông nghiệp - khoa học và công nghệ - dịch vụ…; giữa các ngành kinh tế; các thành phần kinh tế, các vùng kinh tế; giữa trong nước và quốc tế…để phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống cho công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội. Chuyển giao và ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ cao vào quá trình sản xuất kinh doanh nông nghiệp và công nghiệp, dịch vụ nhằm gắn kết chặt chẽ các lĩnh vực kinh tế cơ bản của quốc gia, qua đó gắn bó chặt chẽ công nhân, nông

1V.I.Lênin *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Matxcơva, 1977, tập 36, tr.214
2Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. CTQG, H. 2016, tr.77

dân, trí thức và các lực lượng khác trong xã hội làm cơ sở kinh tế - xã hội cho sự phát triển của quốc gia.

*Nội dung chính trị của liên minh*

Khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức cần thực hiện nhằm tạo cơ sở chính trị - xã hội vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi khó khăn, thử thách và đập tan mọi âm mưu chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Ở nước ta, nội dung chính trị của liên minh thể hiện ở việc giữ vững lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân, đồng thời giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với khối liên minh và đối với toàn xã hội để xây dựng và bảo vệ vững chắc chế độ chính trị, giữ vững độc lập dân tộc và định hướng lên chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn còn tồn tại những hệ tư tưởng cũ, những phong tục tập quán cũ lạc hậu; các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách chống phá chính quyền cách mạng, chống phá chế độ mới, vì vậy trên lập trường tư tưởng - chính trị của giai cấp công nhân, để thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp, phải "hoàn thiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tăng cường sự đồng thuận xã hội…"[1], "Xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, sức chiến đấu, phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng…"[2]

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đảm bảo các lợi ích chính trị, các quyền dân chủ, quyền công dân, quyền làm chủ, quyền con người của công nhân, nông dân, trí thức và của nhân dân lao động, từ đó, thực hiện quyền lực thuộc về nhân dân. Động viên các lực lượng trong khối liên minh gương mẫu chấp hành đường lối chính trị của Đảng; pháp luật và chính sách của nhà nước; sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ những thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, kiên quyết đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch và phản động.

---

1Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. CTQG, H. 2016, tr.79
2 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. CTQG, H. 2016, tr.80

*Nội dung văn hóa xã hội của liên minh*

Tổ chức liên minh để các lực lượng dưới sự lãnh đạo của Đảng cùng nhau xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa, giá trị văn hóa của nhân loại và thời đại.

Nội dung văn hoá, xã hội của liên minh giai cấp, tầng lớp đòi hỏi phải đảm bảo "gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội"[1]. Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân – thiện – mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm cho sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"[2].

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đói giảm nghèo; thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân; chăm sóc sức khoẻ và nâng cao chất lượng sống cho nhân dân; nâng cao dân trí, thực hiện tốt an sinh xã hội. Đây là nội dung cơ bản, lâu dài tạo điều kiện cho liên minh phát triển bền vững.

*3.2.2. Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*

*Một là,* đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy biến đoi cơ cấu xã hội - giai cấp theo hướng tích cực.

Cơ cấu xã hội muốn biến đổi theo hướng tích cực phải dựa trên cơ sở tăng trưởng và phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Bởi vì chỉ có một nền kinh tế phát triển năng động, hiệu quả, dựa trên sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đại mới có khả năng huy động các nguồn lực cho phát triển xã hội một cách thường xuyên và bền vững. Vì vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang phát triển công nghiệp và dịch vụ; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với kinh tế tri thức để tạo môi trường, điều kiện và động lực thúc đẩy sự biến đổi cơ cấu xã hội theo hướng ngày càng phù hợp và tiến bộ hơn.

1Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. CTQG, H. 2016, tr.124
2Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. CTQG, H. 2016, tr.100-126.

Tăng trưởng kinh tế gắn với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường là cơ sở và điều kiện thuận lợi cho những biến đổi tích cực của cơ cấu xã hội, đồng thời hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của nó đến biến đổi cơ cấu xã hội, nhất là cơ cấu xã hội - giai cấp. Quan tâm thích đáng và phù hợp với mỗi giai cấp, tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là với tầng lớp yếu thế của xã hội. Tạo ra cơ hội công bằng cho mọi thành phần xã hội để tiếp cận đến sự phát triển về sở hữu tư liệu sản xuất, về giáo dục, y tế, các chính sách an sinh xã hội v.v.

*Hai là,* xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách xã hội tổng thể nhằm tác động tạo sự biến đoi tích cực cơ cấu xã hội, nhất là các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp.

Trong hệ thống chính sách xã hội, các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội -giai cấp cần được đặt lên vị trí hàng đầu. Các chính sách này không chỉ liên quan đến từng giai cấp, tầng lớp trong xã hội, mà còn chú ý giải quyết tốt mối quan hệ trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp cũng như mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp với nhau để hướng tới đảm bảo công bằng xã hội, thu hẹp dần khoảng cách phát triển và sự phân hóa giàu nghèo giữa các giai cấp, tầng lớp, hoặc trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp xã hội. Cần có sự quan tâm thích đáng và phù hợp đối với mỗi giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Cụ thể:

Đối với giai cấp công nhân, quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng phát triển cả về số lượng và chất lượng; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động; bảo đảm việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, nhà ở, các công trình phúc lợi phục vụ công nhân; sửa đổi bổ sung các chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,…để bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân.

Đối với giai cấp nông dân, xây dựng và phát huy vai trò chủ thể của họ trong quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ, khuyến khích nông dân học nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ. Nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, mở rộng và nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ cơ bản về điện, nước sạch, y tế, giáo dục, thông tin…, cải thiện

chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn; thực hiện có hiệu quả và bền vững công cuộc xóa đói giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp.

Đối với đội ngũ trí thức, xây dựng đội ngũ ngày càng lớn mạnh, chất lượng cao. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng những cống hiến của họ. Có cơ chế, chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài xây dựng đất nước.

Đối với đội ngũ doanh nhân, tạo cơ chế, môi trường thuận lợi cho doanh nhân phát triển cả về số lượng và chất lượng, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao. Có cơ chế, chính sách đảm bảo quyền lợi của đội ngũ doanh nhân. Tôn vinh những doanh nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Đối với phụ nữ, nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ, thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện và cơ hội cho phụ nữ phát triển toàn diện, phát triển tài năng, thực hiện tốt vai trò của mình. Nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện luật pháp và chính sách đối với lao động nữ, tạo điều kiện và cơ hội để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của mình; tăng tỉ lệ phụ nữ tham gia vào cấp ủy và bộ máy quản lí các cấp. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và xử lí nghiêm minh theo pháp luật các hành vi bạo lực, buôn bán, xâm hại nhân phẩm phụ nữ[1].

Đối với thế hệ trẻ, đổi mới nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho thế hệ trẻ học tập, nghiên cứu, lao động, giải trí, phát triển trí tuệ, kỹ năng, thể lực. Khuyến khích thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, xung kích, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại. Phát huy vai trò của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc[2].

*Ba là,* tạo sự đồng thuận và phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất giữa các lực lượng trong khối liên minh và toàn xã hội.

Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của khối liên minh, của việc phát huy vai trò của mọi thành phần trong cơ cấu xã hội - giai cấp, từ đó xây dựng chủ trương,

---

1Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. CTQG, H. 2016, tr.163
2Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. CTQG, H. 2016, tr.162-163

chính sách đúng đắn, phù hợp với từng đối tượng để tạo động lực và tạo sự đồng thuận xã hội.

Tiếp tục giải quyết tốt các mâu thuẫn, các khác biệt và phát huy sự thống nhất trong các giai cấp, tầng lớp xã hội nhằm tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phấn đấu vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*Bốn là,* hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đay mạnh phát triển khoa học và công nghệ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của các chủ thể trong khối liên minh.

Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chú trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, lĩnh vực là phương thức căn bản và quan trọng để thực hiện và tăng cường liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức ở Việt Nam hiện nay.

Đẩy mạnh nghiên cứu sáng tạo và ứng dụng các thành tựu của khoa học - công nghệ hiện đại, những thành tựu mới của cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong tất cả các ngành, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ….làm cơ sở vững chắc cho sự phát triển của nền kinh tế thống nhất. Để thực hiện tốt giải pháp này, vai trò của đội ngũ trí thức, của đội ngũ doanh nhân là rất quan trọng.

*Năm là,* đổi mới hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm tăng cường khối liên minh và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với tăng cường liên minh và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát triển bền vững đất nước.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà nước theo hướng tinh giản, hiệu quả, Xây dựng Nhà nước phục vụ, kiến tạo phát triển nhằm tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành viên trong xã hội được phát triển một cách công bằng trước pháp luật. Mọi chính sách, pháp luật của Nhà nước phải nhằm phục vụ, bảo vệ và vì lợi ích căn bản chính đáng của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc với

việc tăng cường khối liên minh và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Mặt Trận Tổ quốc thường xuyên giữ mối liên hệ và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Công đoàn, Hội nông dân, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, các hoạt động của đội ngũ doanh nhân. Trong liên minh cần đặc biệt chú trọng hình thức liên minh của thế hệ trẻ. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cần chủ động hướng dẫn các hình thức hoạt động, các phong trào thi đua yêu nước, phát huy tài năng sáng tạo của tuổi trẻ vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

## C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và liên hệ ở Việt Nam?

2. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vì sao phải thực hiện liên minh giai cấp, tầng lớp? Phân tích vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong cơ cấu xã hội - giai cấp Việt Nam?

3. Phân tích nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta hiện nay?

4. Làm rõ trách nhiệm của thanh niên, sinh viên trong việc góp phần củng cố khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân?

## D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá X,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá X,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

3. *Đảng Cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển 2011), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.*

4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứXII,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Tạ Ngọc Tấn (Chủ biên) (2010), *Một số vấn đề về biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam hiện nay,* Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.

# CHƯƠNG 6
# VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

## A. Mục tiêu

*1. Về kiến thức*: Sinh viên nắm được quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc.

*2. Về kỹ năng*: Sinh viên rèn luyện kỹ năng tư duy và năng lực vận dụng những nội dung đã học để phân tích, giải thích những vấn đề trong thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học.

*3. Về tư tưởng*: Sinh viên thấy rõ tính khoa học trong quan điểm và cách thức giải quyết vấn đề dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin, của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó xác định trách nhiệm của bản thân góp phần tuyên truyền và thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về dân tộc của Đảng, Nhà nước.

## B. Nội dung

### 1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

#### *1.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc*

*Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc*

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, dân tộc là quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người, trải qua các hình thức cộng đồng từ thấp đến cao, bao gồm: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc, dân tộc. Sự biến đổi của phương thức sản xuất chính là nguyên nhân quyết định sự biến đổi của cộng đồng dân tộc.

Ở phương Tây, dân tộc xuất hiện khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được xác lập thay thế phương thức sản xuất phong kiến. Ở phương Đông, dân tộc được hình thành trên cơ sở một nền văn hóa, một tâm lý dân tộc đã phát triển tương đối chín muồi và một cộng đồng kinh tế tuy đã đạt tới một mức độ nhất định song nhìn chung còn kém phát triển và ở trạng thái phân tán.

Dân tộc được hiểu theo hai nghĩa cơ bản:

*Thứ nhất*: Dân tộc (nation) hay quốc gia dân tộc là cộng đồng chính trị - xã hội có những đặc trưng cơ bản sau đây:

- *Có chung phương thức sinh hoạt kinh tế*. Đây là đặc trưng quan trọng nhất của dân tộc và là cơ sở liên kết các bộ phận, các thành viên của dân tộc, tạo nên nền tảng vững chắc của dân tộc.

- *Có lãnh thổ chung ổn định không bị chia cắt*, là địa bàn sinh tồn và phát triển của cộng đồng dân tộc. Khái niệm lãnh thổ bao gồm cả vùng đất, vùng biển, hải đảo, vùng trời thuộc chủ quyền của quốc gia dân tộc và thường được thể chế hóa thành luật pháp quốc gia và luật pháp quốc tế. Vận mệnh dân tộc một phần rất quan trọng gắn với việc xác lập và bảo vệ lãnh thổ quốc gia dân tộc.

- *Có sự quản lý của một nhà nước*, nhà nước – dân tộc độc lập.

- *Có ngôn ngữ chung của quốc gia* làm công cụ giao tiếp trong xã hội và trong cộng đồng (bao gồm cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết).

- *Có nét tâm lý* biểu hiện qua nền văn hóa dân tộc và tạo nên bản sắc riêng của nền văn hóa dân tộc. Đối với các quốc gia có nhiều tộc người thì tính thống nhất trong đa dạng văn hóa là đặc trưng của nền văn hóa dân tộc.

*Thứ hai: Dân tộc – tộc người (ethnies)*. Ví dụ dân tộc Tày, Thái, Ê Đê… ở Việt Nam hiện nay.

Theo nghĩa này, dân tộc là cộng đồng người được hình thành lâu dài trong lịch sử và có ba đặc trưng cơ bản sau:

- Cộng đồng về ngôn ngữ (bao gồm ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết; hoặc chỉ riêng ngôn ngữ nói). Đây là tiêu chí cơ bản để phân biệt các tộc người khác nhau và là vấn đề luôn được các dân tộc coi trọng giữ gìn. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển tộc người vì nhiều nguyên nhân khác nhau, có những tộc người không còn ngôn ngữ mẹ đẻ mà sử dụng ngôn ngữ khác làm công cụ giao tiếp.

- Cộng đồng về văn hóa. Văn hóa bao gồm văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể ở mỗi tộc người phản ánh truyền thống, lối sống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của tộc người đó. Lịch sử phát triển của các tộc người gắn liền với truyền thống văn hóa của họ. Ngày nay, cùng với xu thế giao lưu văn hóa vẫn song song tồn tại xu thế bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của mỗi tộc người.

- Ý thức tự giác tộc người. Đây là tiêu chí quan trọng nhất để phân định một tộc người và có vị trí quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người. Đặc trưng nổi bật là các tộc người luôn tự ý thức về nguồn gốc, tộc danh của dân tộc mình;

đó còn là ý thức tự khẳng định sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người dù cho có những tác động làm thay đổi địa bàn cư trú, lãnh thổ, hay tác động ảnh hưởng của giao lưu kinh tế, văn hóa…Sự hình thành và phát triển của ý thức tự giác tộc người liên quan trực tiếp đến các yếu tố của ý thức, tình cảm, tâm lý tộc người.

Ba tiêu chí này tạo nên sự ổn định trong mỗi tộc người trong quá trình phát triển. Đồng thời căn cứ vào ba tiêu chí này để xem xét và phân định các tộc người ở Việt Nam hiện nay.

Trong một quốc gia có nhiều tộc người, căn cứ vào số lượng của mỗi cộng đồng, người ta phân thành tộc người đa số và tộc người thiểu số. Cách gọi này không căn cứ vào trình độ phát triển của mỗi cộng đồng.

Như vậy, khái niệm dân tộc cần phải được hiểu theo hai nghĩa khác nhau. Thực chất, hai vấn đề này tuy khác nhau nhưng lại gắn bó mật thiết với nhau và không thể tách rời nhau.

*Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc*

Nghiên cứu vấn đề dân tộc, V.I.Lênin phát hiện ra hai xu hướng khách quan trong sự phát triển quan hệ dân tộc.

*Xu hướng thứ nhất, cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập*. Nguyên nhân là do sự thức tỉnh, sự trưởng thành về ý thức dân tộc, ý thức về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư đó muốn tách ra để thành lập các dân tộc độc lập.

Xu hướng này thể hiện rõ nét trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc muốn thoát khỏi sự áp bức, bóc lột của các nước thực dân, đế quốc.

*Xu hướng thứ hai, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau*. Xu hướng này nổi lên trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc đi bóc lột thuộc địa; do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hóa trong xã hội tư bản chủ nghĩa đã làm xuất hiện nhu cầu xóa bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

Trong thời đại ngày nay, hai xu hướng này diễn ra với những biểu hiện rất đa dạng và phong phú.

Xu hướng này thể hiện trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức nhằm xóa bỏ ách đô hộ của thực dân đế quốc, khẳng định quyền tự quyết dân tộc; hoặc đấu tranh để thoát khỏi sự kỳ thị dân tộc, phân biệt chủng tộc; hoặc đấu tranh để thoát khỏi tình trạng bị đồng hóa cưỡng bức của các dân tộc nhỏ dưới ách áp bức của các nước tư bản chủ nghĩa. Ví dụ phong trào này diễn ra mạnh mẽ vào những năm 60 của thế kỉ XX và kết quả là khoảng 100 quốc gia đã giành được độc lập dân tộc.

Ngày nay, xu hướng xích lại gần nhau thể hiện ở sự liên minh của các dân tộc trên cơ sở lợi ích chung về kinh tế, về chính trị, văn hóa, quân sự….để hình thành các hính thức liên minh đa dạng, như liên minh khu vực: ASEAN, EU…

*Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin*

Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác về mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp; kết hợp phân tích hai xu hướng khách quan trong sự phát triển dân tộc; dựa vào kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới và thực tiễn cách mạng Nga trong việc giải quyết vấn đề dân tộc những năm đầu thế kỉ XX, V.I.Lênin đã khái quát Cương lĩnh dân tộc như sau: "Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại".

*Một là: Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng*

Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, ở trình độ phát triển cao hay thấp. Các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa.

Trong quan hệ xã hội cũng như trong quan hệ quốc tế, không một dân tộc nào có quyền đi áp bức, bóc lột dân tộc khác. Trong một quốc giá có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được thể hiện trên cơ sở pháp lý, nhưng quan trọng hơn nó phải được thực hiện trên thực tế.

Để thực hiện được quyền bình đẳng dân tộc, trước hết phải thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, trên cơ sở xóa bỏ tình trạng áp bức dân tộc; phải đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc.

*Hai là: Các dân tộc được quyền tự quyết*

Đó là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.

Quyền tự quyết dân tộc bao gồm quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền dân tộc tự quyết phải xuất phát từ thực tiễn – cụ thể và phải đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, đảm bảo sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân. V.I.Lênin đặc biệt chú trọng quyền tự quyết của các dân tộc bị áp bức, các dân tộc bị phụ thuộc.

Quyền tự quyết dân tộc không đồng nhất với "quyền" của các tộc người thiểu số trong một quốc gia đa tộc người, nhất là việc phân lập thành quốc gia độc lập. Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài "dân tộc tự quyết" để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, hoặc kích động đòi ly khai dân tộc.

*Ba là: Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc*

Liên hiệp công nhân các dân tộc phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.

Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Vì vậy, nội dung này vừa là nội dung chủ yếu vừa là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chỉnh thể.

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin là cơ sở lý luận quan trọng để Đảng Cộng sản vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

### ***1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam***

#### *1.2.1. Đặc điểm dân tộc Việt Nam*

Việt Nam là một quốc gia đa tộc người có những đặc điểm nổi bật sau đây:

*Thứ nhất: Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người*

Việt Nam có 54 dân tộc, trong đó, dân tộc kinh có 73.594.341 người, chiếm 85,7% dân số cả nước; 53 dân tộc thiểu số có 12.252.656 người, chiếm 14,3% dân số. Tỷ lệ số dân giữa các dân tộc cũng không đồng đều, có dân tộc với số dân lớn hơn 1 triệu (Tày, Thái, Mường, Khơ me, Mông…), nhưng có dân tộc với số dân chỉ vài ba trăm người (Si la, Pu péo, Rơ măm, Brâu, Ơđu). Thực tế cho thấy nếu dân tộc mà số dân chỉ có hàng trăm sẽ gặp rất nhiều khó khăn cho việc tổ chức cuộc sống, bảo tồn tiếng nói và văn hóa dân tộc, duy trì và phát triển giống nòi. Do vậy, việc phát triển số dân hợp lí cho các dân tộc thiểu số, đặc biệt đối với những dân tộc thiểu số rất ít người đang được Đảng và Nhà nước Việt Nam có những chính sách quan tâm đặc biệt.

*Thứ hai: các dân tộc cư trú xen kẻ nhau*

Việt Nam vốn là nơi chuyển cư của nhiều dân tộc ở khu vực Đông Nam Á. Tính chất chuyển cư như vậy đã tạo nên bản đồ cư trú của các dân tộc trở nên phân tác, xen kẻ và làm cho các dân tộc ở Việt Nam không có lãnh thổ tộc người riêng. Vì vậy, không có một dân tộc nào ở Việt Nam cư trú tập trung và duy nhất trên một địa bàn.

Đặc điểm này một mặt tạo điều kiện thuận lợi để các dân tộc tăng cường hiểu biết lẫn nhau, mở rộng giao lưu giúp đỡ nhau cùng phát triển và tạo nên một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng. Mặt khác, do có nhiều tộc người sống xen kẻ nên trong quá trình sinh sống cũng dễ nảy sinh mâu thuẫn, xung đột, tạo kẻ hở để các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc phá hoại an ninh chính trị và sự thống nhất của đất nước.

*Thứ ba: Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng*

Mặc dù chỉ chiếm 14,3% dân số, nhưng 53 dân tộc thiểu số Việt Nam lại cư trú trên ¾ diện tích lãnh thổ và ở những vị trí trọng yếu của quốc gia cả về kinh tế, an ninh, quốc phòng, môi trường sinh thái – đó là vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa của đất nước. Một số dân tộc có quan hệ dòng tộc với các dân tộc ở các nước láng giềng và khu vực. Ví dụ: dân tộc Thái, dân tộc Mông, dân tộc Khơ me, dân tộc Hoa… do vậy, các thế lực phản động thường lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá cách mạng Việt Nam.

*Thứ tư: Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều.*

Các dân tộc ở nước ta còn có sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Về phương diện xã hội, trình độ tổ chức đời sống, quan hệ xã hội

của các dân tộc thiểu số khác nhau. Về phương diện kinh tế, có thể phân loại các dân tộc thiểu số ở Việt Nam ở những trình độ phát triển rất khác nhau. Một số ít các dân tộc thiểu số còn duy trì kinh tế chiếm đoạt, dựa vào khai thác tự nhiên; tuy nhiên, đại bộ phận các dân tộc ở Việt Nam đã chuyển sang phương thức sản xuất tiến bộ, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Về văn hóa, trình độ dân trí, trình độ chuyên môn kỹ thuật của nhiều dân tộc thiểu số còn thấp.

Muốn thực hiện bình đẳng dân tộc, phải từng bước giảm, tiến tới xóa bỏ khoảng cách phát triển giữa các dân tộc về kinh tế, văn hóa, xã hội. Đây là nội dung quan trọng trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam để các dân tộc thiểu số phát triển nhanh và bền vững.

*Thứ năm: Các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc – quốc gia thống nhất*

Đặc trưng này được hình thành do yêu cầu của quá trình cải biến tự nhiên và nhu cầu phải hợp sức, hợp quần để cùng đấu tranh chống ngoại xâm nên dân tộc Việt Nam đã hình thành từ rất sớm và tạo ra độ kết dính cao giữa các dân tộc.

Đoàn kết dân tộc trở thành truyền thống quý báu của các dân tộc ở Việt Nam, là một trong những nguyên nhân và động lực quyết định mọi thắng lợi của dân tộc VIệt Nam trong các giai đoạn lịch sử; đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược để giành độc lập thống nhất Tổ quốc. Ngày nay, để thực hiện thắng lợi chiến lược xây dựng vào bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam, các dân tộc thiểu số cũng như đa số phải ra sức phát huy nội lực, giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, nâng cao cảnh giác, kịp thời đập ta mọi âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

*Thứ sáu: Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất*

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Trong văn hóa của mỗi dân tộc đều có những sắc thái độc đáo riêng góp phần làm cho nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Sự thống nhất đó, suy cho cùng là bởi, các dân tộc đều có chung một lịch sử dựng nước và giữ nước, đều sớm hình thành ý thức về một quốc gia độc lập, thống nhất.

Xuất phát từ đặc điểm cơ bản của dân tộc Việt Nam, Đảng và Nha nước ta luôn quan tâm đến chính sách dân tộc, xem đó là vấn đề chính trị - xã hội rộng lớn và toàn diện gắn với các mục tiêu trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

*1.2.2. Quan điểm và chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam*

*Quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết quan hệ dân tộc*

Đảng cộng sản Việt Nam ngay từ khi mới ra đời đã thực hiện nhất quán những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc, đồng thời căn cứ vào thực tiễn lịch sử đấu tranh cách mạng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam cũng như dựa vào tình hình thế giới trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi trọng vấn đề dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc có tầm quan trọng đặc biệt. Trong mỗi thời kỳ cách mạng, Đảng và Nhà nước ta coi việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là nhiệm vụ có tính chiến lược nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, cũng như tiềm năng của từng dân tộc và đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội XII khẳng định: “Đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số…Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các cấp. Chống kì thị dân tộc, nghiêm trị những âm mưu hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc”[1].

Tựu trung lại quan điểm cơ bản của Đảng ta về vấn đề dân tộc thể hiện ở các nội dung sau:

Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.

- Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiến đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc.

- Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh – quốc phòng

---

1Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. CTQG, H.2016, tr.164-165

trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; giữa gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.

- Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái; phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước.

- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị[1].

*Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam*

Chính sách dân tộc cơ bản của Đảng và Nhà nước ta được thể hiện cụ thể ở những điểm sau:

*Về chính trị:* thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc. Chính sách dân tộc góp phần nâng cao tính tích cực chính trị của công dân; nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc thiểu số về tầm quan trọng của vấn đề đoàn kết dân tộc, thống nhất mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

*Về kinh tế:* nội dung, nhiệm vụ kinh tế trong chính sách dân tộc là các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số nhằm phát huy tiềm năng phát triển, từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch giữa các vùng, các dân tộc. Thực hiện các nội dung kinh tế thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế ở các vùng dân tộc thiểu số, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ địa cách mạng.

---

1Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ Bảy Ban chấp hành Trung ương, khóa XI*, Nxb. CTQG, H.2003, tr.33-34.

*Về văn hóa:* xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người, phát triển ngôn ngữ, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân các dân tộc. Đào tạo cán bộ văn hóa, xây dựng môi trường, thiết chế văn hóa phù hợp với điều kiện của các tộc người trong quốc gia đa dân tộc. Đồng thời, mở rộng giao lưu văn hóa với các quốc gia, các khu vực và trên thế giới. Đấu tranh chống tệ nạn xã hội, chống diễn biến hòa bình trên mặt trận tư tưởng – văn hóa ở nước ta hiện nay.

*Về xã hội:* thực hiện chính sách, đảm bảo an sinh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từng bước thực hiện bình đẳng xã hội, công bằng thông qua việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, dân số, y tế, giáo dục trên cơ sở chú ý đến tính đặc thù của mỗi vùng, mỗi dân tộc. Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

*Về an ninh quốc phòng,* tăng cường sức mạnh bảo vệ tổ quốc, trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, thực hiện tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng trên từng địa bàn. Tăng cường quna hệ quân dân, tạo thế trận quốc phòng toàn dân trong vùng đồng bào dân tộc sinh sống.

Thực hiện đúng chính sách dân tộc hiện nay ở Việt Nam là phải phát triển toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh – quốc phòng các địa bàn vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới, rừng núi, hải đảo của Tổ quốc.

Như vậy, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta mang tính chất toàn diện, tổng hợp, bao trùm tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, liên quan đến mỗi dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc trong cộng đồng quốc gia. Phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc là nền tảng để tăng cường đoàn kết và thực hiện quyền bình đẳng dân tộc, là cơ sở để từng bước khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc. Do vậy, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta mang tính cách mạng và tiến bộ, đồng thời còn mang tính nhân văn sâu sắc. Bởi vì, chính sách đó không bỏ sót bất cứ dân tộc nào, không cho phép bất cứ tư tưởng kỳ thị, chia rẽ dân tộc nào; nó tôn trọng quyền làm chủ của mỗi con người và quyền tự quyết của các dân tộc. đồng thời, nó còn nhằm phát huy nội lực của mỗi dân tộc kết hợp với sự giúp đỡ có hiệu quả của các dân tộc anh em trong cả nước.

## 2. Tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

### *2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo*

*Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo*

*Thứ nhất*: Bản chất của tôn giáo

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hư ảo hiện thực khách quan. Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên trở thành siêu tự nhiên, thần bí...Ăng ghen cho rằng: "….tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo – vào trong đầu óc con người – của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh tỏng đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế"[1].

Ở một cách tiếp cận khác, tôn giáo còn được hiểu là một thực thể xã hội - các tôn giáo cụ thể (ví dụ: Công Giáo, Tin lành, Phật giáo...), với các tiêu chí cơ bản sau: có đấng siêu nhiên, đấng tối cao, thần linh để tôn thờ; có hệ thống giáo thuyết (giáo lý, giáo luật, lễ nghi) phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan, đạo đức, lễ nghi của tôn giáo; có hệ thống cơ sở thờ tự; có tổ chức nhân sự, quản lý điều hành việc đạo (người hoạt động tôn giáo chuyên nghiệp hay không chuyên nghiệp); có hệ thống tín đồ đông đảo, những người tự nguyện tin theo một tôn giáo nào đó, và được tôn giáo đó thừa nhận.

Chỉ rõ bản chất của tôn giáo, chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định rằng: *Tôn giáo là một hiện tượng xã hội – văn hóa do con người sáng tạo ra*. Con người sáng tạo ra tôn giáo vì mục đích, lợi ích của họ, phản ảnh những ước mơ, nguyện vọng, suy nghĩ của họ. Nhưng, sáng tạo ra tôn giáo, con người lại bị lệ thuộc vào tôn giáo, tuyệt đối hóa và phục tùng tôn giáo vô điều kiện. Chủ nghĩa Mác – Lênin cũng cho rằng, sản xuất vật chất và các quan hệ kinh tế xét đến cùng là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của các hình thái ý thức xã hội, trong đó có tôn giáo. Do đó, mọi quan niệm về tôn giáo, các tổ chức, các thiết chế tôn giáo đều được sinh ra từ những hoạt động sản xuất, từ những điều kiện sống nhất định trong xã hội và thay đổi theo những thay đổi của cơ sở kinh tế. *Về phương diện thế giới quan*, các tôn giáo mang thế giới quan duy tâm, có sự khác biệt với thế giới quan duy vật biện chứng, khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin. Mặc dù có sự khác biệt về thế giới quan, nhưng những người cộng sản

1 C.Mác và Ph. Ăngghen *Toàn tập*, Tập 20, Nxb CTQG, H. 2000, tr.437.

với lập trường mác xít không bao giờ có thái độ xem thường hoặc trấn áp những nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; ngược lại, luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của nhân dân. Trong những điều kiện cụ thể của xã hội, những người cộng sản và những người có tín ngưỡng tôn giáo có thể cùng nhau xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn ở thế giới hiện thực. Xã hội ấy chính là xã hội mà quần chúng tín đồ cũng từng mơ ước và phản ánh nó qua một số tôn giáo.

Tôn giáo và tín ngưỡng không đồng nhất, nhưng có giao thoa nhất định. Tín ngưỡng là hệ thống niềm tin, sự ngưỡng mộ, cũng như cách thức thể hiện niềm tin của con người trước các sự vật, hiện tượng, lực lượng có tính thần thánh, linh thiêng để cầu mong sự che chở, giúp đỡ. Có nhiều loài hình tín ngưỡng khác nhau như: tín ngưỡng Thờ cúng tổ tiên; tín ngưỡng Thờ anh hùng dân tộc; tín ngưỡng Thờ mẫu…

Mê tín là niềm tin mê muội, viển vông quá mức, không dựa trên một cơ sở khoa học nào. Nói cách khác là niềm tin về mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện, sự vật, hiện tượng, nhưng thực tế không có mối liên hệ cụ thể, rõ ràng, khách quan, tất yếu nhưng được bao phủ bởi các yếu tố siêu nhiên, thần thánh, hư ảo. Dị đoan là sự suy đoán, hành động tùy tiện, sai lệch những điều bình thường, chuẩn mực trong cuộc sống.

Mê tín dị đoan là niềm tin của con người vào những lực lượng siêu nhiên, thần thánh đến mức độ mê muội, cuồng tín, dẫn đến những hành vi cực đoan, sai lệch quá mức, trái với các giá trị văn hóa, đạo đức, pháp luật,  gây tổn hại cho cá nhân, xã hội và cộng đồng.

*Thứ hai*: Nguồn gốc của tôn giáo

*Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế - xã hội*

Trong xã hội công xã nguyên thủy, do lực lượng sản xuất chưa phát triển, trước thiên nhiên hùng vĩ tác động và chi phối khiến cho con người cảm thấy yếu đuối và bất lực, không giải thích được, nên con người đã gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực thần bí.

Khi xã hội xuất hiện các giai cấp đối kháng, có áp bức, bất công, do không giải thích được nguồn gốc của sự phân hóa giai cấp và áp bức bóc lột, bất công, tội ác,… cộng với lo sợ trước sự thống trị của các lực lượng xã hội, con người trông chờ vào sự giải phóng của một lực lượng siêu nhiên ngoài trần thế.

*Nguồn gốc nhận thức*

Ở một giai đoạn lịch sử nhất định, sự nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình là có giới hạn. Khi mà khoảng cách giữa "biết" và "chưa biết" vẫn tồn tại, khi những điều mà khoa học chưa giải thích được, thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính các tôn giáo. Ngay cả những vấn đề đã được khoa học chứng minh, nhưng do trình độ dân trí thấp, chưa thể nhận thức đầy đủ, thì đây vẫn là điều kiện, là mảnh đất cho tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển. Thực chất nguồn gốc nhận thức của tôn giáo chính là sự tuyệt đối hóa, sự cường điệu mặt chủ thể của nhận thức con người, biến cái nội dung khách quan thành cái siêu nhiên, thần thánh.

*Nguồn gốc tâm lý*

Sự sợ hãi trước những hiện tượng tự nhiên, xã hội, hay trong những lúc ốm đau, bệnh tật; ngay cả những may, rủi bất ngờ xảy ra, hoặc tâm lí muốn được bình yên khi làm việc lớn (ví dụ: ma chay, cưới xin, làm nhà, khởi đầu sự nghiệp kinh doanh…), con người cũng dễ tìm đến với tôn giáo. Thậm chí cả những tình cảm tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, lòng kính trọng đối với những người có công với nước, với dân cũng dễ dẫn con người đến với tôn giáo (ví dụ: thờ các anh hùng dân tộc, thờ các thành hoàng làng,…).

*Thứ ba*: Về tính chất của tôn giáo

*Tính lịch sử của tôn giáo*

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội có tính lịch sử, nghĩa là nó có sự hình thành, tồn tại và phát triển trong những giai đoạn lịch sử nhất định, nó có khả năng biến đổi để thích nghi với nhiều chế độ chính trị - xã hội. Khi các điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử thay đổi, tôn giáo cũng có sự thay đổi theo. Trong quá trình vận động của các tôn giáo, chính các điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử cụ thể đã làm cho các tôn giáo bị phân liệt, chia tách thành nhiều tôn giáo, hệ phái khác nhau.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, đến một giai đoạn lịch sử nào đó, khi khoa học và giáo dục giúp cho đại đa số quần chúng nhân dân nhận thức được bản chất các hiện tượng tự nhiên và xã hội thì tôn giáo sẽ dần dần mất đi vị trí của nó trong đời sống xã hội và cả trong nhận thức, niềm tin của mỗi người.

*Tính quần chúng của tôn giáo*

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội phổ biến ở tất cả các dân tộc, quốc gia, châu

lục. Tính quần chúng của tôn giáo không chỉ biểu hiện ở số lượng tín đồ rất đông đảo (gần 3/4 dân số thế giới); mà còn thể hiện ở chỗ, các tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hoá, tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân lao động. Dù tôn giáo hướng con người vào niềm tin hạnh phúc hư ảo của thế giới bên kia, song nó luôn luôn phản ánh khát vọng của những người lao động về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái. Mặt khác, nhiều tôn giáo có tính nhân văn, nhân đạo và hướng thiện, vì vậy, được nhiều người ở các tầng lớp khác nhau trong xã hội, đặc biệt là quần chúng lao động, tin theo.

*Tính chính trị của tôn giáo*

Khi xã hội chưa có giai cấp, tôn giáo chỉ phản ánh nhận thức hồn nhiên, ngây thơ của con người về bản thân và thế giới xung quanh mình, tôn giáo chưa mang tính chính trị. Tính chất chính trị của tôn giáo chỉ xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp, có sự khác biệt, sự đối kháng về lợi ích. Trước hết, do tôn giáo là sản phẩm của những điều kiện kinh tế - xã hội, phản ánh lợi ích, nguyện vọng của các giai cấp khác nhau trong cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, nên tôn giáo mang tính chính trị. Mặc khác, khi các giai cấp bóc lột, thống trị sử dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích giai cấp mình, chống lại các giai cấp lao động và tiến bộ xã hội, tôn giáo mang tính chính trị tiêu cực, phản tiến bộ.

Vì vậy, cần nhận rõ rằng, đa số quần chúng tín đồ đến với tôn giáo nhằm thoả mãn nhu cầu tinh thần; song, trên thực tế, tôn giáo đã và đang bị các thế lực chính trị - xã hội lợi dụng thực hiện mục đích ngoài tôn giáo của họ.

*2.1.2. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tôn giáo vẫn còn tồn tại, tuy đã có sự biến đổi trên nhiều mặt. Vì vậy, khi giải quyết các vấn đề đến tôn giáo, cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

*Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân*

Tín ngưỡng tôn giáo là niềm tin sâu sắc của quần chúng vào đấng tối cao, đấng thiêng liêng nào đó mà họ tôn thờ, thuộc lĩnh vực ý thức tư tưởng. Do đó, tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng thuộc quyền tự do tư tưởng của nhân dân. Quyền này nói lên rằng việc theo đạo, đổi đạo, hay không theo đạo là thuộc quyền tự do lựa chọn của mỗi người dân, không một cá nhân, tổ chức nào, kể cả các chức sắc tôn giáo, tổ chức giáo hội. được quyền can thiệp vào sự lựa chọn này. Mọi hành vi cấm đoán,

ngăn cản tự do theo đạo, đổi đạo, bỏ đạo hay đe dọa, bắt buộc công dân phải theo đạo đều xâm phạm đến quyền tự do tư tưởng của họ.

Tôn trọng tự do tín ngưỡng là xuất phát từ việc tôn trọng quyền con người, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa không can thiệp và không cho bất cứ ai can thiệp, xâm phạm đến quyền tự do tín ngưỡng, quyền lựa chọn theo hay không theo tôn giáo của nhân dân. Các tôn giáo và hoạt động tôn giáo bình thường, các cơ sở thờ tự, các phương tiện phục vụ nhằm thoả mãn nhu cầu tín ngưỡng của người dân được Nhà nước xã hội chủ nghĩa tôn trọng và bảo hộ.

*Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới*

Nguyên tắc này để khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ hướng vào giải quyết những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo đối với quần chúng nhân dân mà không chủ trương can thiệp vào công việc nội bộ của các tôn giáo. Chủ nghĩa Mác – Lênin chỉ ra rằng, muốn thay đổi ý thức xã hội, trước hết cần phải thay đổi bản thân tồn tại xã hội; muốn xoá bỏ ảo tưởng nảy sinh trong tư tưởng con người, phải xoá bỏ nguồn gốc sinh ra ảo tưởng ấy. Mà điều cần thiết trước hết là phải xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói và thất học….cũng như những tệ nạn nảy sinh trong xã hội. Đó là một quá trình lâu dài và không thể thực hiện được nếu tách rời việc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

*Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo.*

Trong xã hội công xã nguyên thuỷ, tín ngưỡng tôn giáo chỉ biểu hiện thuần tuý về tư tưởng. Nhưng khi xã hội đã xuất hiện giai cấp thì dấu ấn giai cấp - chính trị ít nhiều đều in rõ trong các tôn giáo. Từ đó, hai mặt chính trị và tư tưởng thường thể hiện và có mối quan hệ với nhau trong vấn đề tôn giáo và bản thân mỗi tôn giáo.

Mặt chính trị phản ánh mối quan hệ giữa tiến bộ với phản tiến bộ, phản ánh mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp, mâu thuẫn giữa những thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cách mạng với lợi ích của nhân dân lao động. Mặt tư tưởng biểu hiện sự khác nhau về niềm tin, mức độ tin giữa những người có tín ngưỡng tôn giáo và những người không theo tôn giáo, cũng như những người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, phản ánh mâu thuẫn không mang tính đối

kháng.

Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng trong vấn đề tôn giáo thực chất là phân biệt tính chất khác nhau của hai loại mâu thuẫn luôn tồn tại trong bản thân tôn giáo và trong vấn đề tôn giáo. Sự phân biệt này, trong thực tế không đơn giản, bởi lẽ, trong đời sống xã hội, hiện tượng nhiều khi phản ánh sai lệch bản chất, mà vấn đề chính trị và tư tưởng trong tôn giáo thường đan xen vào nhau. Mặt khác, trong xã hội có đối kháng giai cấp, vấn đề tôn giáo thường bị yếu tố chính trị chi phối rất sâu sắc, nên khó nhận biết vấn đề chính trị hay tư tưởng thuần tuý trong tôn giáo. Việc phân biệt hai mặt này là cần thiết nhằm tránh khuynh hướng "tả" hoặc hữu trong quá trình quản lý, ứng xử những vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

*Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo*

Tôn giáo không phải là một hiện tượng xã hội bất biến, ngược lại, nó luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng tuỳ thuộc vào những điều kiện kinh tế - xã hội - lịch sử cụ thể. Mỗi tôn giáo đều có lịch sử hình thành, có quá trình tồn tại và phát triển nhất định. Ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội không giống nhau. Quan điểm, thái độ của các giáo hội, giáo sĩ, giáo dân về các lĩnh vực của đời sống xã hội luôn có sự khác biệt. Vì vậy, cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những vẫn đề có liên quan đến tôn giáo và đối với từng tôn giáo cụ thể.

***2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay***

*Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam*

*Thứ nhất*: Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo

Nước ta hiện nay có 13 tôn giáo đã được công nhận tư cách pháp nhân (Phật giáo, Công Giáo, Hồi giáo, Tin lành, Cao Đài, Phật Giáo Hòa Hảo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương, Baha'i, Minh Lý đạo - Tam Tông miếu, Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư Đạo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội, Bà la môn) và trên 40 tổ chức tôn giáo đã được công nhận về mặt tổ chức hoặc đã đăng ký hoạt động với khoảng 24 triệu tín đồ, 95.000 chức sắc, 200.000 chức việc và hơn 23.250 cơ sở thờ tự[1]. Các tổ chức tôn giáo có nhiều hình thức tồn tại khác nhau. Có tôn giáo du nhập từ bên ngoài, với những thời điểm, hoàn cảnh khác nhau, như đạo Phật, đạo Công Giáo, đạo Tin lành,

1Nguồn: Ban Tôn giáo Chính phủ, 12/2017

đạo Hồi; có tôn giáo nội sinh, như đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo.

*Thứ hai:* Tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo

Việt Nam là nơi giao lưu của nhiều luồng văn hóa thế giới. Các tôn giáo ở Việt Nam có sự đa dạng về nguồn gốc và truyền thống lịch sử. Mỗi tôn giáo ở Việt Nam có quá trình lịch sử tồn tại và phát triển khác nhau, nên sự gắn bó với dân tộc cũng khác nhau. Tín đồ của các tôn giáo khác nhau cùng chung sống hòa bình trên một địa bàn, giữa họ có sự tôn trọng niềm tin của nhau và chưa từng xảy ra xung đột, chiến tranh tôn giáo. Thực tế cho thấy, không có một tôn giáo nào du nhập vào Việt Nam mà không mang dấu ấn, không chịu ảnh hưởng của bản sắc văn hóa Việt Nam.

*Thứ ba:* Tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc

Tín đồ các tôn giáo Việt Nam có thành phần rất đa dạng, chủ yếu là người lao động, bao gồm nông dân, công nhân... Đa số tín đồ các tôn giáo đều có tinh thần yêu nước, chống ngoại xâm, tôn trọng công lý, gắn bó với dân tộc, đi theo Đảng, theo cách mạng, hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Trong các giai đoạn lịch sử, tín đồ các tôn giáo cùng với các tầng lớp nhân dân làm nên những thắng lợi to lớn, vẻ vang của dân tộc. Nhưng là tín đồ tôn giáo, đồng bào có nhu cầu tín ngưỡng, có ước vọng sống *"tốt đời, đẹp đạo'".*

*Thứ tư:* Hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ

Chức sắc tôn giáo là tín đồ có chức vụ, phẩm sắc trong tôn giáo, họ tự nguyện thực hiện thường xuyên nếp sống riêng theo giáo lý, giáo luật của tôn giáo mà mình tin theo. Về mặt tôn giáo, chức năng của họ là truyền bá, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi, quản lý tổ chức của tôn giáo, duy trì, củng cố, phát triển tôn giáo, chuyên chăm lo đến đời sống tâm linh của tín đồ.

Trong giai đoạn hiện nay, hàng ngũ chức sắc các tôn giáo ở Việt Nam luôn chịu sự tác động của tình hình chính trị - xã hội trong và ngoài nước, nhưng nhìn chung xu hướng tiến bộ trong hàng ngũ chức sắc ngày càng phát triển.

*Thứ năm*: Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài

Nhìn chung các tôn giáo ở nước ta, không chỉ các tôn giáo ngoại nhập, mà cả các tôn giáo nội sinh đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài hoặc các tổ chức tôn giáo quốc tế.

Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi Nhà nước Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, đây chính là điều kiện gián tiếp củng cố và phát sinh mới các mối quan hệ giữa các tôn giáo Việt Nam với các tôn giáo ở các nước trên thế giới. Vì vậy, việc giải quyết vấn đề tôn giáo ở Việt Nam phải đảm bảo kết hợp giữa mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế với việc bảo đảm độc lập, chủ quyền, không để cho kẻ địch lợi dụng dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo để chống phá, can thiệp vào công việc nội bộ của Nhà nước Việt Nam.

*Thứ sáu*: Tôn giáo ở Việt Nam thường bị các thế lực thực dân, đế quốc, phản động lợi dụng

Trong những năm trước đây cũng như giai đoạn hiện nay, các thế lực thực dân, đế quốc luôn chú ý ủng hộ, tiếp tay cho các đối tượng phản động ở trong nước lợi dụng tôn giáo để thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" đối với nước ta. Lợi dụng đường lối đổi mới, mở rộng dân chủ của Đảng và Nhà nước ta, các thế lực thù địch bên ngoài thúc đẩy các hoạt động làm sầm uất, phát triển tôn giáo, tập hợp tín đồ, tạo thành một lực lượng để cạnh tranh ảnh hưởng và làm đối trọng với Đảng Cộng sản, đấu tranh đòi hoạt động của tôn giáo thoát ly khỏi sự quản lý của Nhà nước; tìm mọi cách quốc tế hóa "vấn đề tôn giáo" ở Việt Nam để tố cáo Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo.

*2.2.2. Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay*

Quan điểm, chính sách tôn giáo cảu Đảng và Nhà nước Việt Nam bao gồm những nội dung cơ bản sau:

*- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trinh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta*

Đảng ta khẳng định, tôn giáo sẽ tồn tại lâu dài cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Sự khẳng định đó mang tính khoa học và cách mạng, hoàn toàn khác với cách nhìn nhận chủ quan, tả khuynh khi cho rằng có thể bằng các biện pháp hành chính, hay khi trình độ dân trí cao, đời sống vật chất được bảo đảm là có thể làm cho tôn giáo mất đi; hoặc duy tâm, hữu khuynh khi nhìn nhận tôn giáo là

hiện tượng bất biến, độc lập, thoát ly với mọi cơ sở kinh tế - xã hội, thể chế chính trị.

Vì vậy, thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

*- Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc.*

Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Nhà nước xã hội chủ nghĩa, một mặt, nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ, phân biệt đối xử với công dân vì lý do tôn giáo, tín ngưỡng; mặt khác, thông qua quá trình vận động quần chúng nhân dân tham gia lao động sản xuất, hoạt động xã hội thực tiễn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ kiến thức... để tăng cường sự đoàn kết vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, để cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Mọi công dân không phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng đều có quyền và nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

- *Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng*

Công tác vận động quần chúng các tôn giáo nhằm động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa vùng đồng bào theo các tôn giáo, nhằm nâng cao trình độ, đời sống mọi mặt cho đồng bào, làm cho quần chúng nhân dân nhận thức đầy đủ, đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực, nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật, trong đó có chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

- *Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.* Công tác tôn giáo

có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, các cấp, các ngành, các địa bàn, liên quan đến chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta. Công tác tôn giáo không chỉ liên quan đến quần chúng tín đồ, chức sắc các tôn giáo, mà còn gắn liền với công tác đấu tranh với âm mưu, hoạt động lợi dụng tôn giáo gây phương hại đến lợi ích Tổ quốc, dân tộc. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, bao gồm hệ thống tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính tri, do Đảng lãnh đạo. Cần củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo các cấp. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các tôn giáo và đấu tranh với hoạt động lợi dụng tôn giáo gây phương hại đến lợi ích Tổ quốc và dân tộc.

- *Vấn đề theo đạo và truyền đạo.* Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

## 3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

### *3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam*

Quan hệ dân tộc và tôn giáo là sự liên kết, tác động qua lại, chi phối lẫn nhau giữa dân tộc với tôn giáo trong nội bộ một quốc gia, hoặc giữa các quốc gia với nhau trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Việc giải quyết mối quan hệ này như thế nào có ảnh hưởng lớn đến sự ổn định chính trị và phát triển bền vững của mỗi quốc gia, nhất là các quốc gia đa dân tộc và đa tôn giáo.

Quan hệ dân tộc và tôn giáo được biểu hiện dưới nhiều cấp độ, hình thức và phạm vi khác nhau. ở nước ta hiện nay, mối quan hệ này có những đặc điểm mang tính đặc thù cơ bản sau:

*- Việt nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia – dân tộc thống nhất*

Trong lịch sử cũng như trong hiện tại, các tôn giáo ở Việt Nam có truyền thống gắn bó chặt chẽ với dân tộc, đồng hành cùng dân tộc, gắn đạo với đời. Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng và tôn giáo nhìn chung đều đoàn kết ý thức rõ về nguồn cội, về một quốc gia – dân tộc thống nhất cùng chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời gian gần đây ở nhiều nước, nhiều nơi trên thế giới nổi lên xu hướng xung đột dân tộc, tôn giáo gây mất ổn định chính trị - xã hội, thậm chí chiến tranh nội chiến bùng phát (Ví dụ: ở Israel, Palestine và một số quốc gia Đông Âu,…). Trong bối cảnh đó, ở Việt Nam – ngoại trừ giai đoạn thực dân Pháp và đế quốc Mỹ lợi dụng tôn giáo như một phương tiện để áp bức dân tộc, xâm lược nước ta – thì trong lịch sử phát triển của dân tộc, nhất là từ khi đất nước giành được độc lập dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, quan hệ dân tộc và tôn giáo luôn được coi trọng và nhìn chung được giải quyết khá tốt, không dẫn đến những xung đột lớn trong nội bộ quốc gia. Mặc dù vậy, trong triển khai hoạt động thực tiễn, do nhận thức hoặc do thực hiện chưa đúng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về dân tộc, tín ngưỡng và tôn giáo, nên có nơi, có lúc quan hệ này vẫn nảy sinh những mâu thuẫn cần phải nhận diện rõ và đánh giá một cách khách quan, khoa học để tiếp tục tăng cường giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo nhằm một mặt, phát huy những giá trị tốt đẹp của các dân tộc và những giá trị đạo đức, văn hóa của các tôn giáo, tín ngưỡng, góp phần làm phong phúc thêm nền văn hóa Việt Nam, mặt khác, đảm bảo sự ổn định chính trị quốc gia.

*- Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống*

Ở Việt Nam, tín ngưỡng truyền thống biểu hiện ở nhiều cấp độ, trên phạm vi cả nước, diễn ra trong mọi gia đình, dòng họ không phân biệt dân tộc, tôn giáo. Trong đó, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ anh hùng dân tộc, những người có công với dân, với nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong đời sống tâm linh người Việt.

Ở cấp độ gia đình, thờ cúng tổ tiên là hoạt động phổ biến, thậm chí trở thành truyền thống, nét đẹp văn hóa của mỗi gia đình, dòng họ; đồng thời là sợi dây kết dính các thành viên trong dòng họ, dòng tộc, kể cả họ có thể sinh sống ở mọi miền của đất nước.

Ở cấp độ làng xã. Hầu hết các làng xã của người Việt đều thờ cúng Thành hoàng làng, Thần Làng rất đa dạng. Đa phần đó là các vị có công xây dựng làng xã, đem lại một nghề cho dân làng, hoặc là người có công với nước được sinh ra tại làng xã đó…. Chính hoạt động tín ngưỡng này trở thành sợi dây gắn kết chặt chẽ các thành viên trong gia đình với làng xã, gắn kết các làng xã với nhau và với triều đình trung ương – đại diện cho cộng đồng quốc gia dân tộc thống nhất.

Ở cấp độ quốc gia, đỉnh cao của sự hội tụ đoàn kết thống nhất cộng đồng dân tộc của người Việt Nam được biểu hiện dưới dạng tín ngưỡng, tôn giáo. Đó là người Việt Nam dù sinh sống ở bất cứ nơi đâu trên mọi miền của Tổ quốc hay định cư ở nước ngoài, dù có khác nhau về ngôn ngữ, về tín ngưỡng, tôn giáo, thế hệ,… thì đều hướng về cội nguồn dân tộc chung – nơi các vua Hùng đã có công dựng nước – thực hiện các nghi lễ tế tự, thờ cúng thể hiện lòng tôn kính, niềm tự hào dân tộc về con Lạc cháu Hồng, về nghĩa "đồng bào" đoàn kết, gắn bó chặt chẽ trong một cộng đồng, quốc gia – dân tộc thống nhất.

Như vậy, chính tín ngưỡng truyền thống đã làm nên nét đặc thù trong quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam, thậm chí, nó còn chi phối mạnh mẽ làm biến đổi các nền văn hóa, hay các tôn giáo bên ngoài khi du nhập vào Việt Nam. Việt Nam là nơi hội tụ của nhiều nền văn hóa trên thế giới và phần lớn các tôn giáo đều là tôn giáo ngoại sinh. Các nền văn hóa hay các tôn giáo từ bên ngoài du nhập vào muốn "cắm rễ" vào dân tộc và phát triển được trên lãnh thổ Việt Nam đều phải biến đổi ít nhiều để phù hớp với truyền thống dân tộc, với nền tảng văn hóa bản địa, trong đó có sự chi phối của tín ngưỡng truyền thống, nhất là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Sự biến đổi của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, Công giáo khi vào Việt Nam là những ví dụ điển hình.

*- Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh làm ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết toàn dân tộc*

Từ khi đất nước thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng thì đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt Nam phát triển, trong đó xuất hiện một số hiện tượng tôn giáo mới như Long hoa Di lặc, Tin Lành Vàng Chứ, Thanh Hải vô thượng sư, Tiên rồng…; các tổ chức đội lốt tôn giáo như Tin Lành Đề Ga, Hà Mòn ở Tây Nguyên. Tính chất mê tín của các tôn giáo mới khá rõ. Thậm chí một số nhóm lợi dụng niềm tin tôn giáo để tuyên truyền những

nội dung gây hoang mang trong quần chúng, hay thực hành những nghi lễ phản văn hóa, truyền đạo trái phép, phán tán các tài liệu có nội dung xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm phương hại đến mối quan hệ dân tộc và tôn giáo, làm ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo; gây ra nhiều vấn đề phức tạp và tác động tiêu cực đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nhiều vùng dân tộc. Do vậy, các hiện tượng tôn giáo mới phát triển mạnh hiện nay cần phải được quản lí tốt nhằm đảm bảo sự ổn định chính trị quốc gia và đảm bảo giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở nước ta.

*- Các thế lực thù đích thường xuyên lợi dụng vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo nhằm thực hiện "diễn biến hòa bình", nhất là tập trung ở 4 khu vực trọng điểm: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây duyên hải miền Trung*

Trong những năm gần đây, thế giới xuất hiện những vấn đề mới trong dân tộc và tôn giáo, trong các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội… Các thế lực xấu, thù địch đã triệt để lợi dụng những vấn đề này, kết hợp với những hoạt động trong nước ta về dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo với những âm mưu tạo ra "điểm nóng", gây mất ổn định xã hội…Đây là những vấn đề bức xúc, đang nổi lên ở một số địa bàn trọng yếu, nhạy cảm, những khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa có sự đa dạng về thành phần tộc người và tín ngưỡng, tôn giáo, đặc biệt là tập trung ở khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây duyên hải miền Trung. Lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo, các thế lực thù địch thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" tuyên truyền xuyên tạc, kích động tư tưởng chính trị, ly khai, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi nhằm thực hiện ý đồ phá hoại mối quan hệ dân tộc và tôn giáo, từ đó âm mưu phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết tôn giáo ở nước ta.

### *3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*

Để giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo, Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: "…Nghiêm trị những âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc…Đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc hoặc những hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái quy định của pháp luật"[1].

1Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. CTQG, H.2016, tr.165.

Trên cơ sở nhận diện rõ các đặc điểm của quan hệ dân tộc và tôn giáo ở nước ta hiện nay, quá trình giải quyết mối quan hệ này cần quán triệt một số quan điểm sau:

- Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam

Trong lịch sử phát triển, từ khi nước nhà độc lập, Đảng ta luôn khẳng định: xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam; phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, đồng thời "phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước"[1]. Hiện nay, sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo đinh hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam càng cần có một sự đoàn kết rộng rãi của khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo và tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo…để tạo động lực to lớn thúc đẩy công cuộc kiến tạo đất nước phồn vinh, phát triển bền vững và bảo vệ nền độc lập, chủ quyền của quốc gia. Với yêu cầu đó, xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta phải luôn là môi trường, điều kiện thuận lợi nhất cho tất cả các dân tộ, các tôn giáo được tự do phát triển theo đúng quy định của pháp luật, phát huy mọi nguồn lực đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thực tiễn này cũng đặt ra yêu cầu: ở mỗi giai đoạn lịch sử, việc giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo cần có cách tiếp cận và lựa chọn ưu tiên giải quyết phù hợp với bối cảnh, tình hình của giai đoạn đó; đồng thời phải luôn nhận diện đầy đủ và giải quyết một cách hiệu quả những vấn đề mới nảy sinh trong mối quan hệ dân tộc và tôn giáo.

*- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia – dân tộc thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa*

Tôn giáo và dân tộc là hai vấn đề rất nhạy cảm. Những vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo nếu không được giải quyết một cách thảo đáng sẽ dẫn tới nguy cơ gây mất ổn định chính trị, xã hội, dễ tạo cớ cho các thế lực bên ngoài can thiệp vào công việc nội bộ của đất nước. Vì vậy, để giải quyết tốt mối quan hệ dân tộc và tôn giáo cần phải tuân thủ nguyên tắc: giải quyết vấn đề tôn giáo trên cơ sở vấn đề dân tộc,

1Chỉ thị 18-CT/TW của Bộ Chính trị, ngày 10/01/2018 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới.

tuyệt đối không được lợi dụng vấn đề tôn giáo đòi li khai dân tộc, hay chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc làm tổn thương đến lợi ích quốc gia – dân tộc, mà phải đảm bảo giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất đất nước. "Tập hợp đồng bào theo tín ngưỡng, tôn giáo và đồng bào không theo tín ngưỡng, tôn giáo xây dựng khối đại ddaonf kết dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"[1]. Thực hiện quan điểm có tính nguyên tắc này nhằm đảm bảo sự ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở mỗi địa bàn, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số, vùng có đạo, cũng như đảm bảo sự thống nhất toàn vẹn lãnh thổ trong một cộng đồng quốc gia – dân tộc thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lại lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị*

Trong các mối quan hệ xã hội thì quan hệ dân tộc, tôn giáo và nhân quyền là những quan hệ hết sức nhạy cảm, giữa chúng có sự tác động tương hỗ, thống nhất với nhau, đồng thời quy định lẫn nhau. Do vậy, việc giải quyết tốt mối quan hệ này là nhằm đảm bảo cho con người những quyền cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và tín ngưỡng, tôn giáo. Song quyền phải gắn liền với pháp luật, do vậy đảm bảo quyền của các dân tộc, quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng cũng chính là đảm bảo thực hiện những nội dung cốt yếu của quyền con người trong khuôn khổ của pháp luật.

Tăng cường củng cố an ninh quốc phòng, làm tốt công tác vận động quần chúng, đẩy mạnh tuyên truyền và thực hiện các chương trình phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng quy chế phối hợp giữa lực lượng công an, quân đội với các đoàn thể trong công tác dân tộc, tôn giáo để nắm bắt chắc tình hình, quản lí chặt đối tượng, sẵn sàng các phương án chủ động đấu tranh ngăn chặn các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch. Tranh thủ, vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo xây dựng cuộc sống "tốt đời, đẹp đạo".

Chủ động vạch trần những âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch trong việc lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo, hoặc kết hợp vấn đề dân tộc với vấn đề tôn giáo nhằm "tôn giáo hóa dân tộc" của chúng. Kiên quyết đấu tranh, xử lí các tổ chức, các đối tượng có các hoạt động vi phạm pháp luật truyền đạo trái phép, hoặc lợi dụng vấn

1Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật tín ngưỡng, tôn giáo*, Luật số: 02/2016/QH14, ngày 18 tháng 11 năm 2016.

đề dân tộc, tôn giáo và nhân quyền để kích động quần chúng, chia rẽ tình đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo.

Tóm lại, nhận diện rõ những đặc điểm của quan hệ dân tộc và tôn giáo ở nước ta hiện nay để một mặt tiếp tục phát huy hiệu quả và tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo tạo sự đồng thuận, đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo nhằm xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Mặt khác, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn mọi tác động tiêu cực và kiên quyết đấu tranh chống mọi hành động lợi dụng quan hệ dân tộc và tôn giáo gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất ổn định chính trị và phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

## C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích quan điểm Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?

2. Trình bày những quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

3. Phân tích, làm rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

4. Trình bày những quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

5. Vì sao vấn đề dân tộc luôn gắn liền với vấn đề tôn giáo và có ảnh hưởng sâu sắc đến sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước, đến độc lập, chủ quyền của Tổ quốc?

## D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ ngĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 24 - NQ/TƯ, ngày 12/3/2003 của BCHTƯ (khóa IX) *Về công tác dân tộc,* NXB CTQG, Hà Nội 2003.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 25 - NQ/TƯ, ngày 12/3/2003 của BCHTƯ (khóa IX) *Về công tác tôn giáo,* NXB CTQG, Hà Nội 2003.

5. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc,* NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2018.

6. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (khóa XIV), *Luật tín ngưỡng, tôn giáo,* Luật số 02/2016/QH14, ngày 18/11/2016.

7. Dương Xuân Ngọc, Giáo trình *Chủ nghĩa xã hội khoa học,* dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị, Nxb CAND, HN 2016.

# Chương 7

# VẤN ĐỀ GIA
# ĐÌNH TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

## A. Mục tiêu

*1. Về kiến thức:* Sinh viên nắm được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay.

*2. Về kỹ năng:* Sinh viên có kỹ năng, phương pháp khoa học trong nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến vấn đề gia đình và xây dựng gia đình, từ đó có những nhận thức mới, độc lập về vấn đề này.

*3. Về thái độ:* Sinh viên có thái độ và hành vi đúng đắn trong xây dựng gia đình, xây dựng mối quan hệ giữa cá nhân, gia đình và xã hội

## B. Nội dung

### 1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình

#### *1.1. Khái niệm gia đình*

Gia đình là một cộng đồng người đặc biệt, có vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của xã hội. C.Mác và Ph. Ăngghen, khi đề cập đến gia đình đã cho rằng: "Quan hệ thứ ba tham dự ngay từ đầu vào quá trình phát triển lịch sử: hàng ngày tái tạo ra đời sống của bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những người khác, sinh

sôi, nảy nở - đó là quan hệ giữa chồng và vợ, cha mẹ và con cái, đó là *gia đình"*[1]. Cơ sở hình thành gia đình là hai mối quan hệ cơ bản, quan hệ hôn nhân (vợ và chồng) và quan hệ huyết thống (cha mẹ và con cái...). Những mối quan hệ này tồn tại trong sự gắn bó, liên kết, ràng buộc và phụ thuộc lẫn nhau, bởi nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm của mỗi người, được quy định bằng pháp lý hoặc đạo lý.

Quan hệ hôn nhân là cơ sở, nền tảng hình thành nên các mối quan hệ khác trong gia đình. Hôn nhân là cở pháp lý cho sự tồn tại của mỗi gia đình. Quan hệ huyết thống là quan hệ giữa những người cùng một dòng máu, nảy sinh từ quan hệ hôn nhân. Đây là mối quan hệ tự nhiên, là yếu tố mạnh mẽ nhất gắn kết các thành viên trong gia đình với nhau.

Trong gia đình, ngoài hai mối quan hệ cơ bản là quan hệ giữa vợ và chồng, quan hệ giữa cha mẹ với con cái, còn có các mối quan hệ khác, quan hệ giữa ông bà với cháu chắt, giữa anh chị em với nhau, giữa cô, dì, chú bác với cháu v.v..[2] Ngày nay, ở Việt Nam cũng như trên thế giới còn thừa nhận quan hệ cha mẹ nuôi (người đỡ đầu) với con nuôi (được công nhận bằng thủ tục pháp lý) trong quan hệ gia đình. Dù hình thành từ hình thức nào, trong gia đình tất yếu nảy sinh quan hệ nuôi dưỡng, đó là sự quan tâm chăm sóc nuôi dưỡng giữa các thành viên trong gia đình cả về vật chất và tinh thần. Nó vừa là trách nhiệm, nghĩa vụ, vừa là một quyền lợi thiêng liêng giữa các thành viên trong gia đình. Trong xã hội hiện đại, hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc gia đình được xã hội quan tâm chia sẻ, xong không thể thay thế hoàn toàn sự chăm sóc, nuôi dưỡng của gia đình.

Các quan hệ này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và biến đổi, phát triển phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế và thể chế chính trị - xã hội.

Như vậy, *gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành và duy trì củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình*.

***1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội***

*Gia đình là tế bào của xã hội*

Gia đình có vai trò quyết định đối với sự tồn tại, vận động và phát triển của xã

1C.Mác và Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, Tập 3, Tr.41
2Quốc hội, *Luật Hôn nhân và Gia đình*, 2014.

hội. Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: “Theo quan điểm duy vật thì nhân tố quyết định trong lịch sử, quy cho đến cùng, là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp. Nhưng bản thân sự sản xuất đó lại có hai loại. Một mặt là sản xuất ra tư liệu sinh hoạt: thực phẩm, quần áo, nhà ở và những công cụ cần thiết để sản xuất ra những thứ đó; mặt khác là sự sản xuất ra bản thân con người, là sự truyền nòi giống. Những trật tự xã hội, trong đó những con người của một thời đại lịch sử nhất định và của một nước nhất định đang sống, là do hai loại sản xuất quyết định: một mặt là do trình độ phát triển của lao động và mặt khác là do trình độ phát triển của gia đình”[1].

Với việc sản xuất ra tư liệu tiêu dùng, tư liệu sản xuất, tái sản xuất ra con người, gia đình như một tế bào tự nhiên, là một đơn vị cơ sở để tạo nên cơ thể - xã hội. Không có gia đình để tái tạo ra con người thì xã hội không thể tồn tại và phát triển được. Vì vậy, muốn có một xã hội phát triển lành mạnh thì phải quan tâm xây dựng tế bào gia đình tốt, như chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “…nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội chính là gia đình”[2].

Tuy nhiên, mức độ tác động của gia đình đối với xã hội lại phụ thuộc vào bản chất của từng chế độ xã hội, vào đường lối, chính sách của giai cấp cầm quyền, và phụ thuộc vào chính bản thân mô hình, kết cấu, đặc điểm của mỗi hình thức gia đình trong lịch sử. Vì vậy, trong mỗi giai đoạn của lịch sử, tác động của gia đình đối với xã hội không hoàn toàn giống nhau. Trong các xã hội dựa trên cơ sở của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, sự bất bình đẳng trong quan hệ xã hội và quan hệ gia đình đã hạn chế rất lớn đến sự tác động của gia đình đối với xã hội. Chỉ khi con người được yên ấm, hòa thuận trong gia đình, thì mới có thể yên tâm lao động, sáng tạo và đóng góp sức mình cho xã hội và ngược lại. Chính vì vậy, quan tâm xây dựng quan hệ xã hội, quan hệ gia đình bình đẳng, hạnh phúc là vấn đề hết sức quan trọng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

*Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên*

Từ khi còn nằm trong bụng mẹ, đến lúc lọt lòng và suốt cả cuộc đời, mỗi cá nhân đều gắn bó chặt chẽ với gia đình. Gia đình là môi trường tốt nhất để mỗi cá nhân

1C.Mác và Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, Tập 21, Tr.44
2Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. CTQG, H.2011, Tập 9, Tr.531.

được yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, trưởng thành, phát triển. Sự yên ổn, hạnh phúc của mỗi gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, thể lực, trí lực để trở thành công dân tốt cho xã hội. Chỉ trong môi trường yên ấm của gia đình, cá nhân mới cảm thấy bình yên, hạnh phúc, có động lực để phấn đấu trở thành con người xã hội tốt.

*Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội*

Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên mà mỗi cá nhân sinh sống, có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của mỗi người. Chỉ trong gia đình, mới thể hiện được quan hệ tình cảm thiêng liêng, sâu đậm giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái, anh chị em với nhau mà không cộng đồng có được và có thể thay thế.

Tuy nhiên, mỗi cá nhân lại không thể chỉ sống trong quan hệ tình cảm gia đình, mà còn có nhu cầu quan hệ xã hội, quan hệ với những người khác, ngoài các thành viên trong gia đình. Mỗi cá nhân không chỉ là thành viên của gia đình mà còn là thành viên của xã hội. Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình đồng thời cũng là quan hệ giữa các thành viên của xã hội. Không có cá nhân bên ngoài gia đình, cũng không thể có cá nhân bên ngoài xã hội. Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên đáp ứng nhu cầu quan hệ xã hội của mỗi cá nhân. Gia đình cũng chính là môi trường đầu tiên mà mỗi cá nhân học được và thực hiện quan hệ xã hội.

Ngược lại, gia đình cũng là một trong những cộng đồng để xã hội tác động đến cá nhân. Nhiều thông tin, hiện tượng của xã hội tác động thông qua lăng kính gia đình mà tác động tích cực hoặc tiêu cực đến sự phát triển của mỗi cá nhân về tư tưởng, đạo đức, lối sống, nhân cách v.v.. Xã hội nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn về khi xem xét cá nhân trong quan hệ với gia đình. Có những vấn đề quản lý xã hội phải thông qua hoạt động của gia đình để tác động đến cá nhân. Nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi cá nhân được thực hiện với sự hợp tác của các thành viên trong gia đình. Chính vì vậy, ở bất cứ xã hội nào, giai cấp cầm quyền muốn quản lý xã hội theo yêu cầu của mình, cũng đều coi trọng việc xây dựng và củng cố gia đình. Vậy nên, đặc điểm của gia đình trong mỗi chế độ xã hội có khác nhau. Trong xã hội phong kiến, để củng cố, duy trì chế độ bóc lột, với quan hệ gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền đã có những quy định rất khắt khe đối với phụ nữ, đòi hỏi người phụ nữ phải tuyệt đối trung thành với người chồng, người cha - những người đàn ông trong gia đình. Trong quá trình xây dựng chủ

nghĩa xã hội, để xây dựng một xã hội thật sự bình đẳng, con người được giải phóng, giai cấp công nhân chủ trương bảo vệ chế độ hôn nhân một vợ một chồng, thực hiện sự bình đẳng trong gia đình, giải phóng phụ nữ. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa"[1]. Vì vậy, quan hệ gia đình có đặc điểm khác về chất so với các xã hội trước đó.

***1.3. Chức năng cơ bản của gia đình***

*Chức năng tái sản xuất ra con người*

Đây là chức năng đặc thù của gia đình, không một cộng đồng nào có thể thay thế. Chức năng này không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm, sinh lý tự nhiên của con người, đáp ứng nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, dòng họ mà còn đáp ứng nhu cầu về sức lao động của xã hội.

Việc thực hiện chức năng tái sản xuất ra con người diễn ra trong từng gia đình, nhưng nó không chỉ là việc việc riêng của gia đình mà là vấn đề xã hội. Bởi vì, nó quyết định đến mật độ dân cư và nguồn lực lao động của một quốc gia và quốc tế, một yếu tố cấu thành của tồn tại xã hội. Thực hiện chức năng này liên quan chặt chẽ đến sự phát triển mọi mặt đời sống của xã hội. Vì vậy, tùy theo từng nơi, phụ thuộc vào nhu cầu của xã hội, chức năng này được thực hiện theo xu hướng hạn chế hay khuyến khích. Trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ảnh hưởng đến chất lượng nguồn lực lao động mà gia đình cung cấp.

*Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục*

Bên cạnh chức năng sinh đẻ, gia đình còn có trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái trở thành người có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội. Chức năng này thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ với con cái, đồng thời thể hiện trách nhiệm của gia đình với xã hội. Thực hiện chức năng này, gia đình có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống của mỗi người. Bởi vì, ngay khi sinh ra, trước tiên mỗi người đều chịu sự giáo dục trực tiếp của cha mẹ và người thân trong gia đình. Những hiểu biết đầu tiên, mà gia đình đem lại đều có ý nghĩa rất quan trọng đối với một đời người. Vì vậy, gia đình là một môi trường văn hóa, giáo dục, và là khách thể chịu sự giáo dục của các thành viên khác trong gia đình.

Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục có ảnh hưởng lâu dài và toàn diện đối với mỗi

1Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. CTQG, H.2011, Tập 9, Tr.531.

cá nhân trong suốt cuộc đời, từ lúc còn bé cho đến khi trưởng thành và tuổi già. Mỗi thành viên trong gia đình đều có vị trí, vai trò nhất định vừa là chủ thể, vừa là khách thể trong việc nuôi dưỡng, giáo dục của gia đình. Đây là chức năng hết sức quan trọng, mặc dù, trong xã hội có nhiều cộng đồng khác (nhà trường, các đoàn thể, chính quyền v.v..) cũng thực hiện chức năng này, nhưng không thể thay thế chức năng giáo dục của gia đình. Với chức năng này, gia đình góp phần to lớn vào việc đào tạo thế hệ trẻ, thế hệ tương lai của xã hội, cung cấp nguồn lao động để duy trì sự trường tồn của xã hội. Vì vậy, giáo dục của gia đình gắn liền với giáo dục của xã hội. Nếu giáo dục của gia đình không gắn liền với giáo dục của xã hội, mỗi cá nhân sẽ khó khăn khi hòa nhập với xã hội, và ngược lại, giáo dục của xã hội sẽ không đạt được hiệu quả cao khi không kết hợp với giáo dục gia đình, không lấy giáo dục gia đình là nền tảng. Do vậy, cần tránh khuynh hướng coi trọng giáo dục gia đình mà hạ thấp giáo dục xã hội hoặc ngược lại. Bởi cả hai khuynh hướng ấy, mỗi cá nhân đều không phát triển toàn diện.

Thực hiện tốt chức năng nuôi dưỡng, giáo dục, đòi hỏi mỗi người làm cha, làm mẹ phải có kiến thức cơ bản, tương đối toàn diện về mọi mặt văn hóa, học vấn, đặc biệt là phương pháp giáo dục.

*Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng*

Cũng như các đơn vị kinh tế khác, gia đình tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và tái sản sản xuất ra tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. Tuy nhiên, đặc thù của gia đình mà các đơn vị kinh tế khác không có được, là ở chỗ, gia đình là đơn vị duy nhất tham gia vào quá trình tái sản xuất ra sức lao động cho xã hội.

Gia đình không chỉ tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất ra của cải vật chất và sức lao động cho xã hội, mà còn là một đơn vị tiêu dùng trong xã hội. Gia đình thực hiện chức năng tổ chức tiêu dùng hàng hóa để duy trì đời sống của gia đình về lao động sản xuất cũng như sinh hoạt gia đình. Đó là việc sử dụng hợp lý các khoản thu nhập của các thành viên trong gia đình vào việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành viên cùng với việc sử dụng quỹ thời gian nhàn rỗi để tạo ra một môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhằm nâng cao sức khỏe, đồng thời để duy trì sở thích, sắc thái riêng của mỗi người.

Cùng với sự phát triển của xã hội, ở mỗi hình thức gia đình và ngay cả ở một hình thức gia đình, nhưng tùy theo từng giai đoạn phát triển của xã hội, chức năng

kinh tế của gia đình có sự khác nhau, về quy mô sản xuất, sở hữu tư liệu sản xuất và cách thức tổ chức sản xuất và phân phối. Vị trí, vai trò của kinh tế gia đình và mối quan hệ của kinh tế gia đình với các đơn vị kinh tế khác trong xã hội cũng không hoàn toàn giống nhau.

Thực hiện chức năng này, gia đình đảm bảo nguồn sinh sống, đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần của các thành viên trong gia đình. Hiệu quả hoạt động kinh tế của gia đình quyết định hiệu quả đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành viên gia đình. Đồng thời, gia đình đóng góp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra của cải, sự giầu có của xã hội. Gia đình có thể phát huy một cách có hiệu quả mọi tiềm năng của mình về vốn, về sức lao động, tay nghề của người lao động, tăng nguồn của cải vật chất cho gia đình và xã hội. Thực hiện tốt chức năng này, không những tạo cho gia đình có cơ sở để tổ chức tốt đời sống, nuôi dạy con cái, mà còn đóng góp to lớn đối với sự phát triển của xã hội.

*Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình*

Đây là chức năng thường xuyên của gia đình, bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em. Sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình vừa là nhu cầu tình cảm vừa là trách nhiệm, đạo lý, lương tâm của mỗi người. Do vậy, gia đình là chỗ dựa tình cảm cho mỗi người, là nơi nương tựa về mặt tinh thần chứ không chỉ là nơi nương tựa về vật chất của con người. Với việc duy trì tình cảm giữa các thành viên, gia đình có y nghĩa quyết định đến sự ổ định và phát triển của xã hội. Khi các quan hệ tình cảm gia đình rạn nứt, quan hệ tình cảm trong xã hội cũng có nguy cơ bị phá vỡ.

Ngoài những chức năng trên, gia đình còn có chức năng văn hóa, chức năng chính trị….Với chức năng văn hóa, gia đình là nơi lưu giữ truyền thống văn hóa của dân tộc cũng như tộc người. Những phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa của cộng đồng được thực hiện trong gia đình. Gia đình không chỉ là nơi ưu giữ mà còn là nới sáng tạo và thực hiện những giá trị đạo đức, văn hóa. Với chức năng chính trị, gia đình là một tổ chức chính trị của xã hội, là nơi tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước và quy chế (hương ước) của làng xã và hưởng lợi từ hệ thống pháp luật, chính sách và quy chế đó. Gia đình cũng là cầu nối của mối quan hệ giữa nhà nước với

công dân.

**2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

***2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội***

Cơ sở kinh tế - xã hội để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự phát triển của lực lượng sản xuất và tương ứng trình độ của lực lượng sản xuất là quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa. Cốt lõi của quan hệ sản xuất mới ấy là chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất từng bước hình thành và củng cố thay thế chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Nguồn gốc của sự áp bức bóc lột và bất bình đẳng trong xã hội và gia đình dần dần bị xóa bỏ, tạo cơ sở kinh tế cho việc xây dựng quan hệ bình đẳng trong gia đình và giải phóng phụ nữ trong trong xã hội. V.I. Lênnin đã viết: "Bước thứ hai và là bước chủ yếu là thủ tiêu chế độ tư hữu về ruộng đất, công xưởng và nhà máy. Chính như thế và chỉ có như thế mới mở được con đường giải phóng hoàn toàn và thật sự cho phụ nữ, mới thủ tiêu được "chế độ nô lệ gia đình" nhờ có việc thay thế nền kinh tế gia đình cá thể bằng nền kinh tế xã hội hóa quy mô lớn"[1].

Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất là xóa bỏ nguồn gốc gây nên tình trạng thống trị của người đàn ông trong gia đình, sự bất bình đẳng giữa nam và nữ, giữa vợ và chồng, sự nô dịch đối với phụ nữ. Bởi vì sự thống trị của người đàn ông trong gia đình là kết quả sự thống trị của họ về kinh tế, sự thống trị đó tự nó sẽ tiêu tan khi sự thống trị về kinh tế của đàn ông không còn. Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất đồng thời cũng là cơ sở để biến lao động tư nhân trong gia đình thành lao động xã hội trực tiếp, người phụ nữ dù tham gia lao động xã hội hay tham gia lao động gia đình thì lao động của họ đóng góp cho sự vận động và phát triển, tiến bộ của xã hội. Như Ph.Ăngghen đã nhấn mạnh: "Tư liệu sản xuất chuyển thành tài sản chung, thì gia đình cá thể sẽ không còn là đơn vị kinh tế của xã hội nữa. Nền kinh tế tư nhân biến thành một ngành lao động xã hội. Việc nuôi dạy con cái trở thành công việc của xã hội"[2]. Do vậy, phụ nữ có địa vị bình đẳng với đàn ông trong xã hội. Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất cũng là cơ sở làm cho hôn nhân được thực hiện dựa trên cơ sở tình yêu chứ không phải vì lý do kinh tế, địa vị xã hội hay một sự tính toán nào khác.

***2.2. Cơ sở chính trị - xã hội***

1V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M.1977, Tập 42, tr. 464.
2C.Mác và Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, Tập 21, Tr.118

Cơ sở chính trị để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là việc thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trong đó, lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân lao động được thực hiện quyền lực của mình không có sự phân biệt giữa nam và nữ. Nhà nước cũng chính là công cụ xóa bỏ những luật lệ cũ kỹ, lạc hậu, đè nặng lên vai người phụ nữ đồng thời thực hiện việc giải phóng phụ nữ và bảo vệ hạnh phúc gia đình. Như V.I.Lênin đã khẳng định: "Chính quyền xô viết là chính quyền đầu tiên và duy nhất trên thế giới đã hoàn toàn thủ tiêu tất cả pháp luật cũ kỹ, tư sản, đê tiện, những pháp luật đó đặt người phụ nữ vào tình trạng không bình đẳng với nam giới, đã dành đặc quyền cho nam giới. Chính quyền xô viết, một chính quyền của nhân dân lao động, chính quyền đầu tiên và duy nhất trên thế gió đã hủy bỏ tất cả những đặc quyền gắn liền với chế độ tư hữu, những đặc quyền của người đàn ông trong gia đình…"[3].

Nhà nước xã hội chủ nghĩa với tính cách là cơ sở của việc xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thể hiện rõ nét nhất ở vai trò của hệ thống pháp luật, trong đó có Luật Hôn nhân và Gia đình cùng với hệ thống chính sách xã hội đảm bảo lợi ích của công dân, các thành viên trong gia đình, đảm bảo sự bình đẳng giới, chính sách dân số, việc làm, y tế, bảo hiểm xã hội….Hệ thống pháp luật và chính sách xã hội đó vừa định hướng vừa thúc đẩy quá trình hình thành gia đình mới trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Chừng nào và ở đâu, hệ thống chính sách, pháp luật chưa hoàn thiện thì việc xây dựng gia đình và đảm bảo hạnh phúc gia đình còn hạn chế.

***2.3. Cơ sở văn hóa***

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cùng với những biến đổi căn bản trong đời sống chính trị, kinh tế, thì đời sống văn hóa, tinh thần cũng không ngừng biến đổi. Những giá trị văn hóa được xây dựng trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân từng bước hình thành và dần dần giữ vai trò chi phối nền tảng văn hóa, tinh thần của xã hội, đồng thời những yếu tố văn hóa, phong tục tập quán, lối sống lạc hậu do xã hội cũ để lại từng bước bị loại bỏ.

Sự phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ góp phần nâng cao trình độ dân trí, kiến thức khoa học và công nghệ của xã hội, đồng thời cũng cung

3V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M.1977, Tập 40, tr. 182.

cấp cho các thành viên trong gia đình kiến thức, nhận thức mới, làm nền tảng cho sự hình thành những giá trị, chuẩn mực mới, điều chỉnh các mối quan hệ gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thiếu đi cơ sở văn hóa, hoặc cơ sở văn hóa không đi liền với cơ sở kinh tế, chính trị, thì việc xây dựng gia đình sẽ lệch lạc, không đạt hiệu quả cao.

***2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ***

*Hôn nhân tự nguyện*

Hôn nhân tiến bộ là hôn nhân xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ. Tình yêu là khát vọng của con người trong mọi thời đại. Chừng nào, hôn nhân không được xây dựng trên cơ sở tình yêu thì chừng đó, trong hôn nhân, tình yêu, hạnh phúc gia đình sẽ bị hạn chế.

Hôn nhân xuất phát từ tình yêu tất yếu dẫn đến hôn nhân tự nguyện. Đây là bước phát triển tất yếu của tình yêu nam nữ, như Ph.Ăngghen nhấn mạnh: "…nếu nghĩa vụ của vợ và chồng là phải thương yêu nhau thì nghĩa vụ của những kẻ yêu nhau há chẳng phải là kết hôn với nhau và không được kết hôn với người khác"[1]. Hôn nhân tự nguyện là đảm bảo cho nam nữ có quyền tự do trong việc lựa chọn người kết hôn, không chấp nhận sự áp đặt của cha mẹ. Tất nhiên, hôn nhân tự nguyện không bác bỏ việc cha mẹ quan tâm, hướng dẫn giúp đỡ con cái có nhận thức đúng, có trách nhiệm trong việc kết hôn.

Hôn nhân tiến bộ còn bao hàm cả quyền tự do ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn nữa. Ph.Ăngghen viết: "Nếu chỉ riêng hôn nhân dựa trên cơ sở tình yêu mới hợp đạo đức thì cũng chỉ riêng hôn nhân trong đó tình yêu được duy trì, mới là hợp đạo đức mà thôi…và nếu tình yêu đã hoàn toàn phai nhạt hoặc bị một tình yêu say đắm mới át đi, thì ly hôn sẽ là điều hay cho cả đôi bên cũng như cho xã hội"[2]. Tuy nhiên, hôn nhân tiến bộ không khuyến khích việc ly hôn, vì ly hôn để lại hậu quả nặng nề, nhất là đối với phụ nữ và con cái, cần ngăn chặn những trường hợp nông nổi khi ly hôn, ngăn chặn hiện tượng lợi dụng duyền ly hôn và những lý do ích kỷ hoặc vì mục đích vụ lợi.

*Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng*

1C.Mác và Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, Tập 21, Tr.125
2C.Mác và Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, Tập 21, Tr.128

Bản chất của tình yêu là không thể chia sẻ được, nên hôn nhân một vợ một chồng là kết quả tất yếu của hôn nhân xuất phát từ tình yêu. Thực hiện hôn nhân một vợ một chồng là điều kiện đảm bảo hạnh phúc gia đình, đồng thời cũng phù hợp với quy luật tự nhiên, phù hợp với tâm lý, tình cảm, đạo đức con người.

Hôn nhân một vợ một chồng đã xuất hiện từ sớm trong lịch sử xã hội loài người, khi có sự thắng lợi của chế độ tư hữu đối với chế độ công hữu nguyên thủy. Tuy nhiên, trong các xã hội trước, hôn nhân một vợ một chồng thực chất chỉ đối với người phụ nữ. "Chế độ một vợ một chồng sinh ra từ sự tập trung nhiều của cải vào tay một người - vào tay người đàn ông, và từ nguyện vọng chuyển của cải ấy lại cho con cái của người đàn ông ấy, chứ không phải của người nào khác. Vì thế, cần phải có chế độ một vợ một chồng về phía người vợ, chứ không phải về phía người chồng"[1]. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng là thực hiện sự giải phóng đối với phụ nữ, thực hiện sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng. Trong đó vợ và chồng đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau về mọi vấn đề của cuộc sống gia đình. Vợ và chồng được tự do lựa chọn những vấn đề riêng, chính đáng như nghề nghiệp, công tác xã hội, học tập và một số nhu cầu khác v.v.. Đồng thời cũng có sự thống nhất trong việc giải quyết những vấn đề chung của gia đình như ăn, ở, nuôi dạy con cái. nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc.

Quan hệ vợ chồng bình đẳng là cơ sở cho sự bình đẳng trong quan hệ giữa cha mẹ với con cái và quan hệ giữa anh chị em với nhau. Nếu như cha mẹ có nghĩa vụ yêu thương con cái, ngược lại, con cái cũng có nghĩa vụ biết ơn, kính trọng, nghe lời dạy bảo của cha mẹ. Tuy nhiên, quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em sẽ có những mâu thuẫn không thể tránh khỏi do sự chênh lệch tuổi tác, nhu cầu, sở thích riêng của mỗi người. Do vậy, giải quyết mâu thuẫn trong gia đình là vấn đề cần được quan tâm của mọi người.

*Hôn nhân được đảm bảo về pháp lý*

Quan hệ hôn nhân, gia đình thực chất không phải là vấn đề riêng tư của mỗi gia đình mà là quan hệ xã hội. Tình yêu giữa nam và nữ là vấn đề riêng của mỗi người, xã hội không can thiệp,nhưng khi hai người đã thỏa thuận để đi đến kết hôn, tức là đã đưa quan hệ riêng bước vào quan hệ xã hội, thì phải có sự thừa nhận của xã hội, điều đó

---

1C.Mác và Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, Tập 21, Tr.118.

được biểu hiện bằng thủ tục pháp lý trong hôn nhân. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân, là thể hiện sự tôn trọng trong tình tình yêu, trách nhiệm giữa nam và nữ, trách nhiệm của cá nhân với gia đình và xã hội và ngược lại. Đây cũng là biện pháp ngăn chặn những cá nhân lợi dụng quyền tự do kết hôn, tự do ly hôn để thảo mãn những nhu cầu không chính đáng, để bảo vệ hạnh phúc của cá nhân và gia đình. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân không ngăn cản quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn chính đáng, mà ngược lại, là cơ sở để thực hiện những quyền đó một cách đầy đủ nhất.

**3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

Trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dưới tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan: phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, chủ trương, chính sách của Đảng và Nha nước về gia đình…, gia đình Việt Nam đã có sự biến đổi tương đối toàn diện về quy mô, kết cấu, các chức năng cũng như quan hệ gia đình. Ngược lại, sự biến đổi của gia đình cũng tạo ra động lực mới thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

***3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội***

*Sự biến đổi quy mô, kết cấu của gia đình*

Gia đình Việt Nam ngày nay có thể được coi là "gia đình quá độ" trong bước chuyển biến từ xã hội nông nghiệp cổ truyền sang xã hội công nghiệp hiện đại. Trong quá trình này, sự giải thể của cấu trúc gia đình truyền thống và sự hình thành hình thái mới là một tất yếu. Gia đình đơn hay còn gọi là gia đình hạt nhân đang trở nên rất phổ biến ở các đô thị và cả ở nông thôn - thay thế cho kiểu gia đình truyền thống từng giữ vai trò chủ đạo trước đây.

Quy mô gia đình ngày nay tồn tại xu hướng thu nhỏ hơn so với trước kia, số thành viên trong gia đình trở nên ít đi. Nếu như gia đình truyền thống xưa có thể tồn tại đến ba bốn thế hệ cùng chung sống dưới một mái nhà thì hiện nay, quy mô gia đình hiện đại đã ngày càng được thu nhỏ lại. Gia đình Việt Nam hiện đại chỉ có hai thế hệ cùng sống chung: cha mẹ - con cái, số con trong gia đình cũng không nhiều như trước, cá biệt còn có số ít gia đình đơn thân, nhưng phổ biến nhất vẫn là loại hình gia đình hạt nhân quy mô nhỏ.

Quy mô gia đình Việt Nam ngày càng thu nhỏ, đáp ứng những nhu cầu và điều kiện của thời đại mới đặt ra. Sự bình đẳng nam nữ được đề cao hơn, cuộc sống riêng tư của con người được tôn trọng hơn, tránh được những mâu thuẫn trong đời sống của gia đình truyền thống. Sự biến đổi của gia đình cho thấy chính nó đang làm chức năng tích cực, thay đổi chính bản thân gia đình và cũng là thay đổi hệ thống xã hội, làm cho xã hội trở nên thích nghi và phù hợp hơn với tình hình mới, thời đại mới.

Tất nhiên, quá trình biến đổi đó cũng gây những phản chức năng như tạo ra sự ngăn cách không gian giữa các thành viên trong gia đình, tạo khó khăn, trở lực trong việc gìn giữ tình cảm cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình. Xã hội ngày càng phát triển, mỗi người đều bị cuốn theo công việc của riêng mình với mục đích kiếm thêm thu nhập, thời gian dành cho gia đình cũng vì vậy mà ngày càng ít đi. Con người dường như rơi vào vòng xoáy của đồng tiền và vị thế xã hội mà vô tình đánh mất đi tình cảm gia đình. Các thành viên ít quan tâm lo lắng đến nhau và giao tiếp với nhau hơn, làm cho mối quan hệ gia đình trở nên rời rạc, lỏng lẻo...

*Sự biến đổi các chức năng của gia đình*

- Chức năng tái sản xuất ra con người

Với những thành tựu của y học hiện đại, hiện nay việc sinh đẻ được các gia đình tiến hành một cách chủ động, tự giác khi xác định số lượng con cái và thời điểm sinh con. Hơn nữa, việc sinh con còn bị điều chỉnh bởi chính sách xã hội của Nhà nước. Ở nước ta, từ những năm 70 và 80 của thế kỷ trước, Nhà nước đã tuyên truyền, phổ biến và áp dụng rộng rãi các phương tiện và biện pháp kỹ thuật tránh thai và tiến hành kiểm soát thông qua. Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, khuyến khích mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ 1 đến 2 con. Sang thập niên đầu thế kỉ XXI, dân số Việt Nam đang chuyển sang giai đoạn già hóa. Để đảm bảo lợi ích của gia đình và sự phát triển bền vững của xã hội, thông điệp mới trong kế hoạch hóa gia đình là mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con.

Nếu như trước kia, do ảnh hưởng của phong tục, tập quán và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, trong gia đình Việt Nam truyền thống, nhu cầu về con cái thể hiện trên ba phương diện: phải có con, càng đông con càng tốt và nhất thiết phải có con trai nối dõi thì ngày nay, nhu cầu ấy đã có những thay đổi căn bản: thể hiện ở việc giảm mức sinh của phụ nữ, giảm số con mong muốn và giảm nhu cầu nhất thiết phải có con trai của

các cặp vợ chồng. Trong gia đình hiện đại, sự bền vững của hôn nhân phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố tâm lý, tình cảm, kinh tế, chứ không phải chỉ là các yếu tố có con hay không có con, có con trai hay không có con trai như gia đình truyền thống.

- Biến đổi chức năng kinh tế, tổ chức tiêu dùng

Xét một cách khái quát, cho đến nay kinh tế gia đình đã có hai bước chuyển mang tính bước ngoặt[1]: *Thứ nhất,* từ kinh tế tự cấp tự túc thành kinh tế hàng hóa, tức là từ một đơn vị kinh tế khép kín sản xuất để đáp ứng nhu cầu của gia đình thành đơn vị mà sản xuất chủ yếu để đáp ứng nhu cầu của người khác hay của xã hội. *Thứ hai,* từ đơn vị kinh tế mà đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc gia thành tổ chức kinh tế của nền kinh tế thị trường hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường toàn cầu.

Hiện nay, kinh tế hộ gia đình đang trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập kinh tế và cạnh tranh sản phẩm hàng hóa với các nước trong khu vực và trên thế giới, kinh tế hộ gia đình gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại trong việc chuyển sang hướng sản xuất kinh doanh hàng hóa theo hướng chuyên sâu trong kinh tế thị trường hiện đại. Nguyên nhân là do kinh tế hộ gia đình phần lớn có quy mô nhỏ, lao động ít và tự sản xuất là chính.

Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và nguồn thu nhập bằng tiền của gia đình tăng lên làm cho gia đình trở thành một đơn vị tiêu dùng quan trọng của xã hội. Các gia đình Việt Nam đang tiến tới "tiêu dùng sản phẩm do người khác làm ra", tức là sử dụng hàng hóa và dịch vụ xã hội.

- Biến đổi chức năng giáo dục (xã hội hóa).

Trong xã hội Việt Nam truyền thống, giáo dục gia đình là cơ sở của giáo dục xã hội thì ngày nay, giáo dục xã hội bao trùm lên giáo dục gia đình và đưa ra những mục tiêu, những yêu cầu của giáo dục xã hội cho giáo dục gia đình[2]. Điểm tương đồng giữa giáo dục gia đình truyền thống và giáo dục của xã hội mới là tiếp tục nhấn mạnh sự hy sinh của cá nhân cho cộng đồng.

Giáo dục gia đình hiện nay phát triển theo xu hướng sự đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên. Nội dung giáo dục gia đình hiện nay không chỉ

---

1Xem: Lê Ngọc Văn, *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*, Nxb. KHXH, H.2012, tr.176.
2Xem: Lê Ngọc Văn, *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*, Nxb. KHXH, H.2012, tr.238.

nặng về giáo dục đạo đức, ứng xử trong gia đình, dòng họ, làng xã, mà hướng đến giáo dục kiến thức khoa học hiện đại, trang bị công cụ để con cái hòa nhập với thế giới.

Tuy nhiên, sự phát triển của hệ thống giáo dục xã hội, cùng với sự phát triển của kinh tế hiện nay, vai trò của các chủ thể trong gia đình có xu hướng giảm. Nhưng sự gia tăng của các hiện tượng tiêu cực trong xã hội và tỏng nhà trường, làm cho sự kỳ vọng và niềm tin của các bậc cha mẹ vào hệ thống giáo dục xã hội trong việc rèn luyện đạo đức, nhân cách cho con em của họ đã giảm đi rất nhiều so với trước đây. Mâu thuẫn này là một thực tế chưa có lời giải hữu hiệu ở Việt Nam hiện nay. Những tác động trên đây làm giảm sút đáng kể vai trò của gia đình trong thực hiện chức năng xã hội hóa, giáo dục trẻ em ở nước ta thời gian qua.

Hiện tượng trẻ em hư, bỏ học sớm, lang thang, nghiện hút ma túy, mại dâm. cũng cho thấy phần nào sự bất lực của xã hội và sự bế tắc của một số gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Biến đổi chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm.

Trong xã hội hiện đại, độ bền vững của gia đình không chỉ phụ thuộc vào sự ràng buộc của các mối quan hệ về trách nhiệm, nghĩa vụ giữa vợ và chồng; cha mẹ và con cái; sự hy sinh lợi ích cá nhân cho lợi ích gia đình, mà nó còn bị chi phối bởi các mối quan hệ hòa hợp tình cảm giữa chồng và vợ; cha mẹ và con cái, sự đảm bảo hạnh phúc cá nhân, sinh hoạt tự do, chính đáng của mỗi thành viên gia đình trong cuộc sống chung.

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, nhu cầu thỏa mãn tâm lý - tình cảm đang tăng lên, do gia đình có xu hướng chuyển đổi từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm. Việc thực hiện chức năng này là một yếu tố rất quan trọng tác động đến sự tồn tại, bền vững của hôn nhân và hạnh phúc gia đình, đặc biệt là việc bảo vệ chăm sóc trẻ em và người cao tuổi, nhưng hiện nay, các gia đình đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Đặc biệt, trong tương lai gần, khi mà tỷ lệ các gia đình chỉ có một con tăng lên thì đời sống tâm lý - tình cảm của nhiều trẻ em và kể cả người lớn cũng sẽ kém phong phú hơn, do thiếu đi tình cảm về anh, chị em trong cuộc sống gia đình.

Tác động của công nghiệp hóa và toàn cầu hóa dẫn tới tình trạng phân hóa giàu nghèo sâu sắc, làm cho một số hộ gia đình có cơ may mở rộng sản xuất, tích lũy tài

sản, đất đai, tư liệu sản xuất thì trở nên giàu có, trong khi đại bộ phận các gia đình trở thành lao động làm thuê do không có cơ hội phát triển sản xuất, mất đất đai và các tư liệu sản xuất khác, không có khả năng tích lũy tài sản, mở rộng sản xuất. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ các hô nghèo, khắc phục khoảng cách giàu nghèo đang có xu hướng ngày càng gia tăng.

Cùng với đó, vấn đề đặt ra là cần phải thay đổi tâm lí truyền thống về vai trò của con trai, tạo dựng quan niệm bình đẳng giữa con trai và con gái trong trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ già và thờ phụng tổ tiên. Nhà nước cần có những giải pháp, biện pháp nhằm bảo đảm an toàn tình dục, giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản cho các thành viên sẽ là chủ gia đình tương lai; củng cố chức năng xã hội hóa của gia đình, xây dựng những chuẩn mực và mô hình mới về giáo dục gia đình, giúp cho các bậc cha mẹ có định hướng trong giáo dục và hình thành nhân cách trẻ em; giải quyết thỏa đáng mâu thuẫn giữa nhu cầu tự do, tiến bộ của người phụ nữ hiện đại với trách nhiệm làm dâu theo quan niệm truyền thống, mâu thuẫn về lợi ích giữa các thế hệ, giữa cha mẹ và con cái. Nó đòi hỏi phải hình thành những chuẩn mực mới, bảo đảm sự hài hòa lợi ích giữa các thành viên trong gia đình cũng như lợi ích giữa gia đình và xã hội.

*Sự biến đổi quan hệ gia đình*

- Sự biến đổi quan hệ hôn nhân và quan hệ vợ chồng

Trong thực tế, hôn nhân và gia đình Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức, biến đổi lớn. Dưới tác động của cơ chế thị trường, khoa học công nghệ hiện đai, toàn cầu hóa….khiến các gia đình phải gánh chịu nhiều mặt trái như: quan hệ vợ chồng - gia đình lỏng lẻo; gia tăng tỷ lệ ly hôn, ly thân, ngoại tình, quan hệ tình dục trước hôn nhân và ngoài hôn nhân, chung sống không kết hôn. Đồng thời, xuất hiện nhiều bi kịch, thảm án gia đình, người già cô đơn, trẻ em sống ích kỷ, bạo hành trong gia đình, xâm hại tình dục. Từ đó, dẫn tới hệ lụy là giá trị truyền thống trong gia đình bị coi nhẹ, kiểu gia đình truyền thống bị phá vỡ, lung lay và hiện tượng gia tăng số hộ gia đình đơn thân, độc thân, kết hôn đồng tính, sinh con ngoài giá thú…Ngoài ra, sức ép từ cuộc sống hiện đại (công việc căng thẳng, không ổn định, di chuyển nhiều…) cũng khiến cho hôn nhân trở nên khó khăn với nhiều người trong xã hội.

Trong gia đình truyền thống, người chồng là trụ cột của gia đình, mọi quyền lực

trong gia đình đều thuộc về người đàn ông. Người chồng là người chủ sở hữu tài sản của gia đình, người quyết định các công việc quan trọng của gia đình, kể cả quyền dạy vợ, đánh con.

Trong gia đình Việt Nam hiện nay, không còn một mô hình duy nhất là đàn ông làm chủ gia đình. Ngoài mô hình người đàn ông - người chồng làm chủ gia đình ra thì còn có ít nhất hai mô hình khác cùng tồn tại[1]. Đó là mô hình người phụ nữ - người vợ làm chủ gia đình và mô hình cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình. Người chủ gia đình được quan niệm là người có những phẩm chất, năng lực và đóng góp vượt trội, được các thành viên trong gia đình coi trọng. Ngoài ra, mô hình người chủ gia đình phải là người kiếm ra nhiều tiền cho thấy một đòi hỏi mới về phẩm chất của người lãnh đạo gia đình trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế.

- Biến đổi quan hệ giữa các thế hệ, các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, quan hệ giữa các thế hệ cũng như các giá trị, chuẩn mực văn hóa của gia đình cũng không ngừng biến đổi. Trong gia đình truyền thống, một đứa trẻ sinh ra và lớn lên dưới sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ ngay từ khi còn nhỏ. Trong gia đình hiện đại, việc giáo dục trẻ em gần như phó mặc cho nhà trường, mà thiếu đi sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ. Ngược lại, người cao tuổi trong gia đình thường sống cùng với con cháu, cho nên nhu cầu về tâm lí, tình cảm được đáp ứng đầy đủ. Còn khi quy mô gia đình bị biến đổi, người cao tuổi phải đối mặt với sự cô đơn, thiếu thốn về tình cảm.

Những biến đổi trong quan hệ gia đình cho thấy, thách thức lớn nhất đặt ra cho gia đình Việt Nam là mâu thuẫn giữa các thế hệ, do sự khác biệt về tuổi tác, khi cùng chung sống với nhau. Người già thường hướng về các giá trị truyền thống, có xu hướng bảo thủ, áp đặt nhận thức của mình đối với người trẻ. Ngược lại, tuổi trẻ thường hướng tới những giá trị hiện đại, có xu hướng phủ nhận yếu tố truyền thống. Gia đình càng nhiều thế hệ mâu thuẫn càng lớn.

Ngày càng xuất hiện nhiều hiện tượng mà trước đây chưa hề hoặc ít có như: bạo lực gia đình, ly hôn, ly thân, ngoại tình, sống thử…Chúng đã làm rạn nứt, phá hoại sự bền vững của gia đình, làm cho gia đình trở nên mong manh, dễ tan vỡ hơn. Ngoài ra, các tệ nạn như trẻ em lang thang, nghiện hút, buôn bán phụ nữ qua biên giới…cũng

1Xem: Lê Ngọc Văn, *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*, Nxb. KHXH, H.2012, tr.335.

đang đe doạn, gây nhiều nguy cơ làm ta rã gia đình.

***3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội***

*Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam*

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể từ trung ương đến cơ sở nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của gia đình và công tác xây dựng, phát triển gia đình Việt Nam hiện nay, coi đây là một trong những động lực quan trọng quyết định thành công sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cấp ủy và chính quyền các cấp phải đưa nội dung,mục tiêu của công tác xây dựng và phát triển gia đình vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chương trình kế hoạch công tác hàng năm của các bộ, ngành, địa phương.

*Thứ hai, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình*

Xây dựng và hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội để góp phần củng cố, ổn định và phát triển kinh tế gia đình; có chính sách ưu tiên, hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình cho các gia đình liệt sĩ, gia đình thương binh bệnh binh, gia đình các dân tộc ít người, gia đình nghèo, gia đình đang sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Có chính sách kịp thời hỗ trợ các gia đình phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới, sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, hỗ trợ các gia đình tham gia sản xuất phục vụ xuất khẩu.

Tích cực khai thác và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình vay vốn ngắn hạn và dài hạn nhằm xóa đói, giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, mở rộng phát triển kinh tế, đẩy mạnh loại hình kinh tế trang trại, vươn lên làm giàu chính đáng.

*Thứ ba, kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay.*

Gia đình truyền thống được hun đúc từ lâu đời trong lịch sử dân tộc. Bước vào thời kỳ mới gia đình ấy bộc lộ cả những mặt tích cực và tiêu cực. Do vậy, Nhà nước

cũng như các cơ quan văn hóa, các ban ngành liên quan cần phải xác định, duy trì những nét đẹp có ích; đồng thời, tìm ra những hạn chế và tiến tới khắc phục những hủ tục của gia đình cũ. Xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay là xây dựng mô hình gia đình hiện đại, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

Xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam hiện nay vừa phải kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, vừa kết hợp với những giá trị tiên tiến của gia đình hiện đại để phù hợp với sự vận động phát triển tất yếu của xã hội. Tất cả nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu làm cho gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là tổ ấm của mỗi người.

*Thứ tư, tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa.*

Gia đình văn hóa là một mô hình gia đình tiến bộ, một danh hiệu hay chỉ tiêu mà nhiều gia đình Việt Nam mong muốn hướng đến. Đó là, gia đình ấm no, hoà thuận, tiến bộ, khoẻ mạnh và hạnh phúc; Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; Thực hiện kế hoạch hoá gia đình; Đoàn kết tương trợ trong cộng đồng dân cư.

Được hình thành từ những năm 60 của thế kỷ XX, tại một số địa phương của tỉnh Hưng Yên, đến nay, xây dựng gia đình văn hóa đã trở thành phong trào thi đua có độ bao phủ hầu hết các địa phương ở Việt Nam. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa đã thực sự tác động đến nền tảng gia đình với những quy tắc ứng xử tốt đẹp, phát huy giá trị đạo đức truyền thống của gia đình Việt Nam. Chất lượng cuộc sống gia đình ngày càng được nâng cao. Do vậy, để phát triển gia đình Việt Nam hiện nay cần tiếp tục nghiên cứu, nhân rộng xây dựng các mô hình gia đình văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những giá trị mới tiên tiến cần tiếp thu và dự báo những biến đổi về gia đình trong thời kỳ mới, đề xuất hướng giải quyết những thách thức trong lĩnh vực gia đình.

Ở đây, cần tránh xu hướng chạy theo thành tích, phản ánh không thực chất phong trào và chất lượng gia đình văn hóa. Các tiêu chí xây dựng gia đình văn hóa phải phù hợp và có ý nghĩa thiết thực với đời sống của nhân dân, công tác bình xét danh hiệu gia đình văn hóa phải được tiến hành theo tiêu chí thống nhất, trên nguyên tắc công bằng, dân chủ, đáp ứng được nguyện vọng, tâm tư, tình cảm, tạo được sự

đồng tình hưởng ứng của nhân dân.

## C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích vị trí, chức năng của gia đình?
2. Trình bày những cơ sở của gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội?
3. Những biến đổi cơ bản của gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội?
4. Trình bày những phương hướng xây dựng và phát triên gia đình ở Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

## D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Quốc hội số 52/2014/QH13, *Luật Hôn nhân và Gia đình*, ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2014.

3. *Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030* - Quyết định số 629/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 29 tháng 5 năm 2012.

4. Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý, *Gia đình học*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2007.

5. Lê Ngọc Văn (2011), *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam,* Nxb KHXH, Hà Nội.